

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1	17020607	Phạm Cơ Bình	0		900.000		900.000	0	900.000	SV còn học môn GDTC
2	18020440	Trần Mạnh Hải	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
3	18020531	Phạm Văn Hoan	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
4	18020708	Lê Đình Khánh	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
5	19020034	Trần Minh Hoàng	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
6	19020072	Nguyễn Quang Minh	0		11.300.000		11.300.000	0	11.300.000	
7	19020075	Nguyễn Đình Tuấn Anh	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
8	19020104	Nguyễn Ngọc Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
9	19020163	Vi Tiến Đạt	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
10	19020169	Triệu Minh Tiến	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
11	19020174	Lê Văn Sơn	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
12	19020227	Nguyễn Duy Chiến	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
13	19020232	Nguyễn Văn Chính	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
14	19020300	Trần Văn Hoàng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
15	19020302	Trần Ích Hoàng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
16	19020335	Đàm Tam Khoa	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
17	19020349	Lê Bảo Lộc	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
18	19020353	Lê Thành Long	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
19	19020354	Nguyễn Tân Long	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
20	19020360	Phạm Đức Mạnh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
21	19020379	Nguyễn Thế Nam	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
22	19020380	Nguyễn Ngọc Nam	0		13.050.000		13.050.000	0	13.050.000	
23	19020386	Nguyễn Minh Ngọc	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
24	19020399	Phan Anh Quân	1.343.000		2.250.000		2.250.000	0	3.593.000	Kỳ hè 22-23 và K1/23-24
25	19020426	Nguyễn Công Sơn	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
26	19020459	Lê Viết Toàn	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
27	19020495	Nông Đức Việt Anh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
28	19020513	Nguyễn Văn Đại	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
29	19020534	Nguyễn Văn Duy	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
30	19020545	Lê Thanh Hiếu	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
31	19020551	Trương Huy Hoàng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
32	19020552	Tổng Văn Hùng	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
33	19020617	Nguyễn Minh Tân	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
34	19020665	Phạm Việt Anh	-1.878.000		1.350.000		1.350.000	0	-528.000	
35	19020679	Nguyễn Công doanh	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
36	19020708	Vũ Công Hưng	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
37	19020712	Bùi Đức Huy	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
38	19020896	Lê Đàm Hồng Đức	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
39	19020901	Phan Xuân Đức	398.000		5.850.000		5.850.000	0	6.248.000	Nợ HP theo QĐ 2936
40	19020918	Đỗ Hoàng Hiệp	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
41	19020948	Hà Văn Mạnh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
42	19020996	Đỗ Thành Vinh	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
43	19021093	Lâm Văn Phương	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	
44	19021118	Trần Hữu Thịnh	0		10.400.000		10.400.000	0	10.400.000	
45	19021119	Phạm Minh Tiến	0		4.800.000		4.800.000	0	4.800.000	
46	19021134	Nguyễn Xuân Tùng	0		4.000.000		4.000.000	0	4.000.000	
47	19021143	Nguyễn Đình Anh	0	-1.800.000	5.850.000		4.050.000	0	4.050.000	
48	19021146	Nguyễn Quốc Anh	0		12.600.000		12.600.000	0	12.600.000	
49	19021149	Vương Đức Chiến	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
50	19021160	Nguyễn Lê Đức Hoàng	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
51	19021163	Nguyễn Việt Hùng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
52	19021173	Nguyễn Trọng Minh	1.800.000	-1.800.000	12.150.000		10.350.000	0	12.150.000	Nợ HP theo QĐ 2936

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
53	19021182	Dương Minh Quang	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
54	19021195	Bê Quốc Trung	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
55	19021242	Hà Tiến Đức	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
56	19021259	Nguyễn Trường Giang	0		5.600.000		5.600.000	0	5.600.000	
57	19021294	Vũ Quang Hưng	0		10.400.000		10.400.000	0	10.400.000	
58	19021312	Dương Hoàng Khánh	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
59	19021322	Trần Thế Mạnh Long	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
60	19021333	Nguyễn Công Minh	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
61	19021337	Vũ Thế Nam	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
62	19021344	Hoàng Bảo Phúc	0		12.000.000		12.000.000	0	12.000.000	
63	19021370	Đào Duy Thương	0		12.800.000		12.800.000	0	12.800.000	
64	19021412	Nguyễn Lâm Anh	0		14.400.000		14.400.000	13.600.000	800.000	
65	19021418	Hồ Trần Bình	0		800.000		800.000	0	800.000	
66	19021432	Lương Nguyễn Minh Đức	0	-2.400.000	4.800.000		4.800.000	0	4.800.000	
67	19021448	Nguyễn Công Hải	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
68	19021569	Lương Hữu Quyết	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
69	19021634	Phan Duy Tuấn	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
70	19021638	Phạm Hoàng Quân	0	-1.350.000	1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
71	20020002	Nguyễn Văn Bằng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
72	20020009	Nguyễn Hải Đăng	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
73	20020015	Phạm Nguyễn Tuấn Hoàng	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
74	20020042	Phạm Nhật Duy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
75	20020046	Ngô Quý Đạt	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
76	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	0		13.600.000		13.600.000	0	13.600.000	
77	20020087	Trần Trọng Triều	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
78	20020099	Lê Xuân Dương	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
79	20020111	Lê Quang Kiên	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
80	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
81	20020124	Nguyễn Tuấn Dũng	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	
82	20020135	Dương Danh Hiếu	0		13.600.000		13.600.000	0	13.600.000	
83	20020136	Nguyễn Trung Hiếu	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
84	20020148	Lê Đình Nghĩa	0		10.400.000		10.400.000	0	10.400.000	
85	20020152	Đoàn Minh Quân	0		16.800.000		16.800.000	0	16.800.000	
86	20020154	Đình Tiến Thành	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
87	20020155	Ngô Văn Minh Thắng	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
88	20020162	Nguyễn Hữu Phúc	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
89	20020165	Nguyễn Phan Anh	0		450.000		450.000	0	450.000	
90	20020166	Lê Ngọc ánh	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
91	20020169	Trần Quốc Hưng	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
92	20020175	Phạm Quốc Việt	0		450.000		450.000	0	450.000	
93	20020177	Nguyễn Mạnh Cường	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
94	20020188	Tăng Thế Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
95	20020191	Lê Trí Dũng	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
96	20020199	Nguyễn Duy Khương	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
97	20020207	Ngô Thế Ngọc	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
98	20020220	Nguyễn Thanh Tùng	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
99	20020226	Trương Đức Hùng	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
100	20020243	Ngô Ngọc Quang	0		8.800.000		8.800.000	0	8.800.000	
101	20020244	Trần Đức Thắng	0		13.600.000		13.600.000	0	13.600.000	
102	20020247	Hoàng Tùng Quân	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
103	20020252	Bùi Thành Vinh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
104	20020253	Lê Anh Đức	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
105	20020268	Trần Quang Trung	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
106	20020272	Hoàng Minh Quân	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
107	20020277	Nguyễn Hà An	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	
108	20020283	Nguyễn Đức Cường	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
109	20020308	Vũ Minh Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
110	20020310	Nguyễn Duy Quý	0		14.400.000		14.400.000	0	14.400.000	
111	20020325	Phan Anh Quân	0		4.800.000		4.800.000	0	4.800.000	
112	20020326	Bùi Quốc Việt	0		13.600.000		13.600.000	0	13.600.000	
113	20020331	Nguyễn Thành Tài	0		8.800.000		8.800.000	0	8.800.000	
114	20020334	Trịnh Hoàng Anh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
115	20020335	Kha Văn Thương	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
116	20020338	Trương Lương Lai	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
117	20020340	Hoàng Anh Thắng	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
118	20020341	Dương Văn Tình	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
119	20020343	Lại Đức Thanh	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
120	20020347	Nguyễn Thành Nam	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
121	20020348	Lêo Tiến Thắng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
122	20020359	Nguyễn Quang Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
123	20020361	Trần Thế Anh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
124	20020365	Trần Xuân Bách	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
125	20020374	Đặng Ngọc Cường	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
126	20020389	Nguyễn Quốc Đại	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
127	20020419	Nguyễn Quốc Huy	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
128	20020422	Hà Quang Hưng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
129	20020429	Nông Trung Kiên	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
130	20020430	Hoàng Ngọc Lan	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
131	20020446	Đoàn Văn Nam	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
132	20020447	Nguyễn Hải Nam	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
133	20020462	Mẫn Đình Quang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
134	20020463	Nguyễn Xuân Quang	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
135	20020473	Cao Bá Thắng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
136	20020475	Trần Xuân Thắng	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
137	20020485	Phạm Thị Kiều Trang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
138	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
139	20020487	Trịnh Văn Tráng	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
140	20020497	Vũ Văn Tuấn	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
141	20020509	Nguyễn Đình Việt Anh	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
142	20020510	Vũ Quang Bách	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
143	20020518	Nguyễn Hữu Đạt	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
144	20020520	Nguyễn Thành Đạt	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
145	20020526	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
146	20020530	Đình Duy Hùng	72.000		5.850.000		5.850.000	0	5.922.000	Nợ lẻ
147	20020531	Lê Gia Huy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
148	20020533	Hoàng Công Khanh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
149	20020534	Lê Duy Khánh	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
150	20020542	Phạm Thành Luân	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
151	20020544	Đình Đức Lương	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
152	20020549	Võ Minh Nhật	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
153	20020552	Bùi Hồng Quân	450.000		4.260.000		4.260.000	0	4.710.000	Nợ 1 phần K1/24-25
154	20020563	Nguyễn Bá Trung	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
155	20020568	Đỗ Công Vinh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
156	20020597	Nông Minh Phúc	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
157	20020615	Phạm Sỹ Tuấn	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
158	20020639	Đào Quang Dũng	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
159	20020645	Nguyễn Đức Đạt	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
160	20020650	Nguyễn Đình Đức	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
161	20020657	Vũ Đình Hải	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
162	20020668	Lê Huy Hoàng	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
163	20020673	Nguyễn Quang Huy	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
164	20020675	Lê Ngọc Khánh	0		900.000		900.000	0	900.000	
165	20020681	Mai Văn Lệ	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
166	20020682	Lương Hải Long	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
167	20020690	Nguyễn Thạc Mạnh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
168	20020699	Phạm Ngọc Nhật	0		8.600.000		8.600.000	0	8.600.000	
169	20020700	Phan Duy Nhật	0		900.000		900.000	0	900.000	
170	20020714	Lưu Văn Tài	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
171	20020715	Vũ Quang Thái	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
172	20020729	Trần Quang Trung	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
173	20020770	Hoàng Viết Dương	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
174	20020786	Nguyễn Mai Hiếu	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
175	20020792	Trần Minh Hoàng	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
176	20020794	Trần Văn Hợp	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
177	20020796	Đình Gia Huy	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
178	20020805	Ngô Văn Khải	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
179	20020820	Võ Phương Bảo Minh	680.400		2.700.000		2.700.000	0	3.380.400	Thiếu BHYT năm 2024
180	20020823	Giang Hải Nam	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
181	20020827	Lương Minh Nhật	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
182	20020837	Thiều Quang Tấn	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
183	20020850	Bùi Quý Tráng	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
184	20020851	Lê Minh Trí	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
185	20020853	Nguyễn Quốc Trung	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
186	20020858	Hoàng Huy Anh Tuấn	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	Bằng kép
187	20020860	Nguyễn Văn Tuấn	450.000		450.000		450.000	0	900.000	Nợ K1/24-25
188	20020863	Lưu Văn Tư	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
189	20020897	Hà Hữu Hiếu	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
190	20020903	Nguyễn Trọng Hùng	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
191	20020933	Đàm Đình Thuyết	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
192	20020948	Nguyễn Tiến Việt	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
193	20020961	Nguyễn Văn Ba	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
194	20020966	Hoàng Mạnh Cường	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
195	20020972	Nguyễn Văn Dũng	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
196	20020980	Nguyễn Văn Đạt	98.000		3.600.000		3.600.000	0	3.698.000	Nợ K1/24-25
197	20020981	Phạm Tiến Đạt	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
198	20020982	Phạm Hải Đăng	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
199	20020999	Nguyễn Phương Huế	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
200	20021005	Nguyễn Viết Hưng	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
201	20021014	Phạm Văn Long	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
202	20021016	Nguyễn Trọng Mạnh	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
203	20021023	Võ Phương Nam	0	-2.700.000	5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
204	20021035	Trần Đình Phúc	0	-796.000	1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
205	20021041	Nguyễn Đình Quân	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
206	20021043	Đào Ngọc Quý	284.000		3.150.000		3.150.000	0	3.434.000	Nợ HP theo QĐ 2936 và QĐ 64
207	20021048	Đỗ Minh Sang	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
208	20021053	Nguyễn Danh Tân	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
209	20021054	Nguyễn Trọng Thái	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
210	20021063	Lê Văn Thường	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
211	20021066	Cao Cự Toàn	10.638.000		11.700.000		11.700.000	0	22.338.000	Nợ K1/24-25
212	20021070	Phạm Thành Trung	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
213	20021072	Nguyễn Thanh Tú	0		900.000		900.000	0	900.000	
214	20021076	Nguyễn Mạnh Tường	0		900.000		900.000	0	900.000	
215	20021080	Nguyễn Tiến An	0		20.655.000	-2.429.000	18.226.000	0	18.226.000	Bằng kép
216	20021085	Trần Quốc Anh	0		8.800.000		8.800.000	0	8.800.000	
217	20021089	Hoàng Thanh Bình	0		3.200.000		3.200.000	0	3.200.000	
218	20021100	Hoàng Minh Dũng	0		3.200.000		3.200.000	0	3.200.000	
219	20021106	Nguyễn Quý Dương	0		11.200.000		11.200.000	0	11.200.000	
220	20021110	Nguyễn Thành Đạt	0		8.800.000		8.800.000	0	8.800.000	
221	20021113	Nguyễn Hữu Hải Đăng	0		4.800.000		4.800.000	0	4.800.000	
222	20021116	Đặng Tiến Đông	0		11.200.000		11.200.000	0	11.200.000	
223	20021125	Vũ Văn Hiệp	0		12.800.000		12.800.000	0	12.800.000	
224	20021145	Tòng Duy Hưng	2.400.000	-2.400.000	13.600.000		11.200.000	0	13.600.000	Nợ 1 phần K1/24-25
225	20021159	Trần Đức Mạnh	0		9.600.000		9.600.000	0	9.600.000	
226	20021169	Bùi Trọng Đức Nghĩa	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	
227	20021174	Bùi Tá Phong	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
228	20021176	Nguyễn Văn Phương	0		4.800.000		4.800.000	0	4.800.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
229	20021193	Phạm Ngọc Thư	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
230	20021198	Nguyễn Đức Trung	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
231	20021211	Trần Quốc Việt	0		17.600.000		17.600.000	10.600.000	7.000.000	
232	20021212	Nguyễn Hồng Vinh	0		10.400.000		10.400.000	0	10.400.000	
233	20021237	Lê Hữu Huy	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
234	20021239	Trịnh Việt Huy	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
235	20021247	Nguyễn Văn Mạnh	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
236	20021249	Ngô Quang Minh	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
237	20021250	Diệp Sơn Nam	4.776.000		5.400.000		5.400.000	0	10.176.000	Nợ K2/23-24
238	20021257	Nguyễn Tấn Phong	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
239	20021258	Võ Tá Phong	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
240	20021267	Hà Tiến Thành	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
241	20021269	Nguyễn Hữu Thiêm	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
242	20021279	Nguyễn Xuân Vũ	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
243	20021295	Trần Đức Anh	0		20.800.000		20.800.000	0	20.800.000	
244	20021301	Nguyễn Quốc Bảo	0		5.600.000		5.600.000	0	5.600.000	
245	20021302	Tạ Thành Bảo	0		3.200.000		3.200.000	0	3.200.000	
246	20021325	Hà Hoàng Tiến Đạt	0		11.200.000		11.200.000	0	11.200.000	
247	20021335	Đặng Minh Đức	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
248	20021376	Nguyễn Công Khoa	0		11.200.000		11.200.000	0	11.200.000	
249	20021379	Nguyễn Duy Kiên	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
250	20021387	Nguyễn Phúc Long	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
251	20021393	Nguyễn An Minh	0		4.000.000		4.000.000	0	4.000.000	
252	20021402	Lê Trung Nghĩa	0		3.200.000		3.200.000	0	3.200.000	
253	20021403	Lê Thị Mỹ Ngọc	0		14.400.000		14.400.000	0	14.400.000	
254	20021408	Lê Thị Cẩm Nhung	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
255	20021409	Đỗ Tuấn Phi	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
256	20021421	Phạm Thị Quyên	0		3.200.000		3.200.000	0	3.200.000	
257	20021428	Bùi Minh Sơn	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
258	20021430	Nông Ngọc Sơn	0		12.560.000		12.560.000	0	12.560.000	
259	20021436	Vũ Việt Thành	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
260	20021437	Đỗ Chiến Thắng	0		6.400.000		6.400.000	0	6.400.000	
261	20021451	Bùi Anh Toàn	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
262	20021452	Phạm Ngọc Toàn	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
263	20021474	Cao Xuân Tuyên	0		8.000.000		8.000.000	0	8.000.000	
264	20021485	Lê Tuấn Anh	0		3.200.000		3.200.000	0	3.200.000	
265	20021487	Nguyễn Duy Hoàng Anh	0		2.400.000		2.400.000	0	2.400.000	
266	20021559	Đoàn Tuấn Nghĩa	0		9.600.000		9.600.000	0	9.600.000	
267	20021572	Hoàng Anh Quân	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
268	20021580	Nguyễn Minh Tâm	0		5.600.000		5.600.000	0	5.600.000	
269	21020001	Nguyễn Việt Anh	1.350.000	-1.350.000	4.500.000		3.150.000	0	4.500.000	Nợ HP theo QĐ 64
270	21020002	Lương Xuân Bách	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
271	21020003	Phạm Văn Bình	-30.000		5.850.000		5.850.000	0	5.820.000	
272	21020005	Đào Duy Chiến	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
273	21020006	Bùi Tuấn Dũng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
274	21020007	Huỳnh Tiến Dũng	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
275	21020010	Trần Thùy Dương	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
276	21020011	Nguyễn Trần Đạt	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
277	21020013	Lê Quang Đông	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
278	21020014	Vương Trường Giang	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
279	21020015	Phạm Hoàng Hải	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
280	21020016	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
281	21020017	Nguyễn Trung Hiếu	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
282	21020020	Đào Vũ Minh Khánh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
283	21020023	Phạm Hồng Minh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
284	21020024	Dương Hồng Nam	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
285	21020026	Trần Minh Sáng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
286	21020029	Hoàng Minh Tú	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
287	21020032	Đỗ Minh Tuấn	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
288	21020033	Vũ Quốc Tuấn	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
289	21020035	Nguyễn Huy Thái	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
290	21020038	Nguyễn Ngọc Vũ	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
291	21020039	Đinh Thế An	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
292	21020040	Nguyễn Hoài Nam	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
293	21020042	Tạ Quang Chiến	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
294	21020043	Nguyễn Việt Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
295	21020044	Trần Hữu Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
296	21020045	Đặng Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
297	21020046	Ngô Đức Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
298	21020047	Nguyễn Xuân Long	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
299	21020049	Đinh Thị Trà My	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
300	21020050	Bùi Minh Thành	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
301	21020051	Phạm Gia Việt Anh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
302	21020052	Nguyễn Thị Ngọc ánh	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
303	21020053	Phan Xuân Bảo	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
304	21020054	Nguyễn Minh Chiến	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
305	21020055	Trần Thùy Dung	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
306	21020056	Nguyễn Tấn Dũng	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
307	21020058	Trương Tuấn Dũng	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
308	21020059	Bùi Huy Dực	1.350.000	-1.350.000	4.500.000		3.150.000	0	4.500.000	Nợ HP theo QĐ 64
309	21020060	Cao Thị Thùy Dương	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
310	21020061	Nguyễn Phan Dương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
311	21020062	Lê Tuấn Đạt	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
312	21020064	Nguyễn Thành Đạt	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
313	21020065	Lê Hải Đăng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
314	21020066	Nguyễn Tiến Hải	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
315	21020067	Trần Đình Đỗ Hải	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
316	21020068	Đoàn Thị Minh Hằng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
317	21020070	Nguyễn Xuân Hiếu	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
318	21020072	Nguyễn Xuân Hòa	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
319	21020073	Đỗ Huy Hoàng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
320	21020075	Nguyễn Mạnh Hùng	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
321	21020076	Hoàng Văn Huy	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
322	21020078	Vũ Khánh Huyền	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
323	21020079	Hoàng Việt Hưng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
324	21020080	Phạm Khánh Linh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
325	21020081	Trần Thọ Mạnh	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
326	21020082	Cần Minh Nghĩa	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
327	21020083	Phạm Khôi Nguyên	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
328	21020084	Phạm Minh Nguyên	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
329	21020085	Nguyễn Hải Phong	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
330	21020087	Phạm Thị Diễm Quỳnh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
331	21020088	Lê Khả Thái Sơn	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
332	21020089	Lê Thế Sơn	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
333	21020090	Phùng Quang Tiến	0		12.600.000		12.600.000	0	12.600.000	
334	21020091	Trần Bá Toàn	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
335	21020092	Nguyễn Viết Tú	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
336	21020093	Vũ Minh Tuấn	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
337	21020098	Trần Đức Vinh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
338	21020099	Phạm Tuấn Anh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
339	21020100	Nguyễn Việt Bách	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
340	21020101	Phạm Công Thắng	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
341	21020103	Hoàng Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
342	21020104	Khương Vũ Trâm Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
343	21020106	Vũ Quý Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
344	21020109	Nguyễn Tuấn Minh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
345	21020110	Nguyễn Hải Nam	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	
346	21020111	Đoàn Văn Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
347	21020112	Nguyễn Thanh Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
348	21020113	Phạm Ngọc Thạch	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
349	21020115	Hoàng Khải	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
350	21020116	Nguyễn Quang Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
351	21020118	Nguyễn Đình Cường	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
352	21020119	Trần Mạnh Dũng	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
353	21020120	Mai Thanh Hải	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
354	21020121	Nguyễn Minh Hiếu	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
355	21020122	Lê Minh Hoàng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
356	21020123	Nguyễn Tiến Hoàng	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
357	21020124	Đỗ Đức Huy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
358	21020125	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
359	21020127	Hà Công Nga	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
360	21020128	Phạm Gia Phong	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
361	21020132	Trần Tất Việt	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
362	21020133	Đoàn Cường	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
363	21020134	Lê Xuân Dân	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
364	21020135	Thân Ngọc Dũng	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
365	21020136	Trần Quang Duy	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
366	21020137	Lê Tuấn Đạt	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
367	21020138	Đào Ngọc Đức	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
368	21020141	Nguyễn Thu Hiền	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
369	21020142	Bùi Vũ Duy Hùng	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
370	21020144	Nguyễn Kiên	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
371	21020145	Phạm Tường Minh	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
372	21020146	Lại Vũ Thủy Ngân	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
373	21020147	Trần Khánh Phương	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
374	21020148	Phan Văn Quyển	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
375	21020150	Nguyễn Đức Thiện	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
376	21020151	Nguyễn Công Trình	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
377	21020153	Trần Trung Mạnh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
378	21020154	Nguyễn Ngọc Yên Trang	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
379	21020155	Nguyễn Tuấn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
380	21020156	Nguyễn Bình Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
381	21020157	Lê Đăng Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
382	21020159	Phan Quốc An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
383	21020160	Đỗ Quang Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
384	21020162	Hoàng Việt Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
385	21020163	Lê Nam Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
386	21020164	Ngô Tuấn Anh	1.350.000	-1.350.000	26.300.000		24.950.000	0	26.300.000	Nợ HP theo QĐ 64
387	21020165	Nguyễn Hà Hoàng Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
388	21020166	Nguyễn Thạch Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
389	21020167	Trần Thị Vân Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
390	21020168	Vũ Việt Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
391	21020169	Nguyễn Hoàng Bách	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
392	21020170	Trần Ngọc Bách	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
393	21020171	Lê Văn Bảo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
394	21020172	Lê Huy Bình	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
395	21020173	Nguyễn Viêt Cường	0		26.300.000		26.300.000	0	26.300.000	
396	21020174	Lê Ngọc Minh Châu	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
397	21020175	Nguyễn Duy Chiến	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
398	21020178	Nguyễn Anh Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
399	21020179	Phạm Vũ Duy	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
400	21020180	Đinh Thái Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
401	21020181	Nguyễn Đức Dương	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
402	21020182	Nguyễn Hoàng Tùng Dương	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
403	21020183	Nguyễn Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
404	21020184	Trần Huy Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
405	21020185	Đặng Hải Đăng	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
406	21020187	Phạm Anh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
407	21020189	Hoàng Thị Thu Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
408	21020190	Mai Thanh Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
409	21020191	Bùi Đức Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
410	21020192	Đỗ Lý Minh Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
411	21020193	Nguyễn Công Minh Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
412	21020194	Vũ Quang Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
413	21020195	Vũ Trường Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
414	21020196	Lương Nhật Hào	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
415	21020197	Đinh Xuân Hiền	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
416	21020198	Vũ Minh Hiền	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
417	21020199	Trịnh Đức Hiệp	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
418	21020200	Phí Minh Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
419	21020201	Trần Phương Hoa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
420	21020202	Phạm Việt Hồng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
421	21020203	Bùi Tấn Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
422	21020204	Nguyễn Quang Huy	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
423	21020205	Nguyễn Tuấn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
424	21020206	Vũ Hoàng Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
425	21020207	Đoàn Đức Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
426	21020210	Hồ Xuân Khoa	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
427	21020211	Trịnh Minh Khôi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
428	21020212	Nguyễn Tùng Lâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
429	21020214	Trần Phương Linh	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
430	21020215	Vũ Đức Long	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
431	21020216	Nguyễn Tuấn Lộc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
432	21020217	Nguyễn Khánh Ly	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
433	21020218	Chung Hoàng Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
434	21020219	Dương Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
435	21020220	Đoàn Ngọc Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
436	21020222	Nguyễn Đức Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
437	21020223	Nguyễn Hải Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
438	21020224	Nguyễn Thị Minh Ngọc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
439	21020225	Đinh Văn Khôi Nguyễn	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
440	21020226	Lại Vũ Thu Nguyệt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
441	21020229	Hoàng Thái Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
442	21020230	Nguyễn Minh Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
443	21020231	Đoàn Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
444	21020232	Hoàng Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
445	21020233	Hoàng Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
446	21020234	Trần Ngọc Anh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
447	21020235	Nguyễn Bá Quyết	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
448	21020236	Lê Danh Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
449	21020237	Nguyễn Ngọc Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
450	21020238	Hoàng Trọng Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
451	21020239	Phạm Văn Thạch	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
452	21020240	Đỗ Minh Thái	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
453	21020241	Nguyễn Cao Thanh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
454	21020242	Lý Công Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
455	21020243	Nguyễn Hữu Thành	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
456	21020244	Trần Hữu Thành	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
457	21020245	Lại Đức Thắng	0		32.700.000		32.700.000	0	32.700.000	
458	21020246	Trần Chiến Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
459	21020247	Nguyễn Văn Thuyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
460	21020248	Phạm Thu Trang	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
461	21020249	Tổng Minh Trí	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
462	21020250	Nguyễn Văn Trường	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
463	21020251	Trần Hoàng Vũ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
464	21020252	Đặng Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
465	21020253	Bùi Khương Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
466	21020254	Nguyễn Trung Hiếu	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
467	21020256	Đỗ Trung Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
468	21020257	Vũ Nhật Minh	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
469	21020258	Nguyễn Hoàng Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
470	21020259	Hoàng Bùi Quế Anh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
471	21020260	Phạm Huy Anh	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
472	21020263	Bùi Đào Duy Anh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
473	21020264	Nguyễn Quang Vinh	-2.504.000		7.650.000		7.650.000	0	5.146.000	
474	21020265	Phạm Khắc Hiếu	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
475	21020266	Đặng Thái Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
476	21020267	Nguyễn Nam Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
477	21020268	Nguyễn Thành Dũng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
478	21020270	Nguyễn Tuấn Tài	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
479	21020273	Dương Nguyễn Việt Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
480	21020275	Nguyễn Đức Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
481	21020276	Nguyễn Tuấn Anh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
482	21020277	Nguyễn Việt Anh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
483	21020278	Phạm Hoàng Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
484	21020279	Trần Diệu Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
485	21020280	Trần Đình Tuấn Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
486	21020281	Trần Tuấn Anh	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
487	21020282	Trịnh Kiều Anh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
488	21020284	Lã Việt Cường	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
489	21020285	Nguyễn Ngọc Cường	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
490	21020286	Lê Minh Châu	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
491	21020287	Phạm Kim Chi	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
492	21020289	Phạm Bá Danh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
493	21020290	Cao Xuân Dũng	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
494	21020291	Trần Anh Dũng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
495	21020294	Nguyễn Khánh Duy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
496	21020295	Đoàn Mạnh Dương	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
497	21020296	Phạm Văn Sơn Dương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
498	21020297	Lê Minh Đạt	-1.194.000		4.500.000		4.500.000	0	3.306.000	
499	21020298	Lê Việt Đạt	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
500	21020300	Nguyễn Trường Đạt	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
501	21020301	Đào Ngọc Hải Đăng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
502	21020302	Hồ Xuân Đông	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
503	21020303	Cao Trọng Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
504	21020304	Đỗ Minh Đức	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
505	21020305	Lê Minh Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
506	21020306	Lương Trần Việt Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
507	21020307	Trương Minh Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
508	21020308	Bùi Thị Hương Giang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
509	21020311	Nguyễn Việt Hà	0		450.000		450.000	0	450.000	
510	21020312	Dương Hoàng Hải	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
511	21020313	Nguyễn Đăng Hải	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
512	21020314	Nguyễn Hoàng Hào	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
513	21020315	Đặng Thị Thanh Hiền	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
514	21020318	Nguyễn Trung Hiếu	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
515	21020320	Phạm Minh Hiếu	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
516	21020321	Vũ Thế Hoàn	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
517	21020322	Lê Công Hoàng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
518	21020323	Nguyễn Việt Hoàng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
519	21020324	Phạm Hoàng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
520	21020325	Trịnh Huy Hoàng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
521	21020327	Nguyễn Đức Hùng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
522	21020328	Dương Đức Huy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
523	21020329	Đào Quang Huy	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
524	21020331	Trần Quốc Huy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
525	21020332	Trương Đức Huy	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
526	21020333	Nguyễn Trọng Bảo Hưng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
527	21020334	Nguyễn Việt Hưng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
528	21020335	Nguyễn Việt Hưng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
529	21020336	Vũ Thái Hưng	-20.000		3.150.000		3.150.000	0	3.130.000	
530	21020337	Lương Thị Thu Hương	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
531	21020341	Trần Phúc Khang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
532	21020342	Hoàng Bảo Khanh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
533	21020343	Trịnh Văn Khánh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
534	21020346	Lê Hải Lâm	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
535	21020347	Nguyễn Nhật Lê	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
536	21020348	Hoàng Hải Long	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
537	21020349	Nguyễn Hải Long	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
538	21020350	Dương Đình Mạnh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
539	21020351	Nguyễn Viết Mạnh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
540	21020352	Trần Quý Mạnh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
541	21020353	Giang Bảo Minh	-663.390		1.800.000		1.800.000	0	1.136.610	
542	21020354	Hoàng Nhật Minh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
543	21020355	Lê Trọng Minh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
544	21020357	Nguyễn Đoàn Ngọc Minh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
545	21020358	Nguyễn Thị Ngọc Minh	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
546	21020360	Hà Hải Nam	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
547	21020362	Đinh Văn Ninh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
548	21020363	Nguyễn Hoài Ngân	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
549	21020364	Bùi Tuấn Nghĩa	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
550	21020365	Đỗ Tuấn Nghĩa	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
551	21020366	Lê Vũ Minh Nghĩa	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
552	21020371	Đặng Trí Nhân	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
553	21020372	Nguyễn Thị Lan Nhi	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
554	21020373	Nguyễn Thị Oanh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
555	21020374	Trần Quốc Phi	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
556	21020375	Đoàn Văn Phong	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
557	21020376	Nguyễn Tiến Phong	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
558	21020377	Võ Hồng Phúc	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
559	21020381	Lê Quốc Nhật Quang	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
560	21020382	Bùi Minh Quân	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
561	21020383	Nguyễn Minh Quân	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
562	21020384	Phùng Lê Anh Quân	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
563	21020385	Lê Văn Quốc	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
564	21020386	Dương Hải Quyền	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
565	21020388	Nguyễn Đức Quyền	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
566	21020389	Nguyễn An Sơn	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
567	21020390	Trần Minh Sơn	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
568	21020391	Phạm Minh Tâm	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
569	21020393	Chu Quang Tú	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
570	21020394	Kiều Minh Tuấn	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
571	21020395	Nguyễn Minh Tuấn	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
572	21020396	Nguyễn Minh Tuấn	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
573	21020397	Phạm Anh Tuấn	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
574	21020398	Hà Sơn Tùng	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
575	21020401	Phạm Đức Thành	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
576	21020402	Nguyễn Như Thảo	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
577	21020403	Cao Tiến Thắng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
578	21020404	Lại Đức Thắng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
579	21020405	Phan Mạnh Thắng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
580	21020406	Nguyễn Công Thiên	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
581	21020408	Nguyễn Tiến Thông	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
582	21020410	Nguyễn Thịnh Thuận	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
583	21020411	Nguyễn Thị Thanh Thủy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
584	21020413	Trương Thị Huyền Trâm	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
585	21020416	Lê Bá Trường	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
586	21020418	Trần Xuân Trường	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
587	21020419	Phạm Tú Uyên	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
588	21020422	Vũ Thị Thành Vinh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
589	21020423	Lê Tiến Vũ	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
590	21020424	Đình Thế Vương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
591	21020425	Phạm Minh Vương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
592	21020426	Nguyễn Duy Anh	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
593	21020427	Nguyễn Nhật Anh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
594	21020428	Nguyễn Trung Phúc Anh	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
595	21020430	Hà Hữu Dũng	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
596	21020431	Trần Tiến Dũng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
597	21020432	Trương Vũ Hoàng Dương	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
598	21020433	Trần Trung Hiếu	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
599	21020434	Đình Việt Hoàng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
600	21020435	Nguyễn Văn Hoàng	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
601	21020436	Nguyễn Duy Hùng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
602	21020437	Phạm Minh Hùng	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
603	21020438	Bùi Quang Huy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
604	21020439	Lê Văn Huy	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
605	21020440	Mai Quang Huy	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
606	21020441	Vũ Thu Huyền	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
607	21020442	Nguyễn Hữu Việt Hưng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
608	21020443	Trần Đức Hưng	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
609	21020444	Đình Văn Khải	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
610	21020445	Phạm Thị Mỹ Lệ	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
611	21020446	Nguyễn Khánh Linh	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
612	21020447	Nguyễn Mai Linh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
613	21020448	Lương Đức Mạnh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
614	21020449	Phạm Văn Mạnh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
615	21020450	Nguyễn Công Minh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
616	21020451	Trương Hải Nam	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
617	21020453	Lưu Thái Sơn	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
618	21020455	Lê Quốc Toàn	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
619	21020456	Nguyễn Đức Thành	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
620	21020457	Nguyễn Văn Trọng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
621	21020458	Vũ Thành Vân	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
622	21020459	Nguyễn Thế Việt	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
623	21020460	Vũ Bảo Châu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
624	21020461	Đặng Sỹ Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
625	21020462	Phùng Thành Đạt	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
626	21020463	Trần Thị Trà Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
627	21020464	Phạm Minh Hiếu	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
628	21020465	Phạm Việt Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
629	21020466	Đặng Vũ Quỳnh Hương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
630	21020467	Nguyễn Thị Thúy Hường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
631	21020468	Nguyễn Hồng Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
632	21020469	Nguyễn Đức Lộc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
633	21020470	Phạm Lê Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
634	21020471	Trần Quang Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
635	21020472	Đào Xuân Nghĩa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
636	21020473	Phạm Tuấn Nghĩa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
637	21020474	Phùng Viết Phú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
638	21020475	Lê Ngọc Nhật Tân	0		26.300.000		26.300.000	0	26.300.000	
639	21020476	Lưu Văn Đức Thiệu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
640	21020477	Đào Thị Kim Thịnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
641	21020478	Lã Thị Thanh Thúy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
642	21020479	Nguyễn Việt Anh	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
643	21020480	Phạm Thế Anh	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
644	21020481	Nguyễn Công Bình	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
645	21020482	Kiều Đức Dũng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
646	21020483	Nguyễn Tiến Dũng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
647	21020484	Nguyễn Tuấn Dũng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
648	21020485	Vương Tiến Dũng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
649	21020486	Nguyễn Minh Đức	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
650	21020487	Phạm Minh Đức	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
651	21020488	Phạm Vũ Hải	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
652	21020489	Lê Việt Hoàng	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
653	21020490	Nguyễn Văn Huy	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
654	21020491	Đoàn Tất Khởi	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
655	21020492	Phạm Hoàng Lâm	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
656	21020493	Nguyễn Phương Nam	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
657	21020494	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
658	21020495	Hoàng Văn Nguyên	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
659	21020496	Phạm Như Nguyên	-884.520		7.650.000		7.650.000	0	6.765.480	
660	21020497	Nguyễn Thị Thu Phương	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
661	21020498	Nguyễn Hoàng Quân	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
662	21020499	Đào Nam Sơn	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
663	21020500	Chu Anh Tuấn	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
664	21020501	Lại Văn Thắng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
665	21020502	Trần Đức Thịnh	-884.520		7.650.000		7.650.000	0	6.765.480	
666	21020503	Nguyễn Trung Thực	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
667	21020504	Trần Văn Việt	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
668	21020507	Hàn Ngọc Minh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
669	21020508	Nguyễn Hữu Phước	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
670	21020510	Nguyễn Mai Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
671	21020511	Trần Nam Dân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
672	21020512	Mai Ngọc Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
673	21020513	Phạm Quý Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
674	21020514	Nguyễn Mạnh Đức	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
675	21020515	Nguyễn Thảo Hiền	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
676	21020517	Nghiêm Minh Hoàng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
677	21020518	Hoàng Mạnh Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
678	21020519	Bùi Đức Huy	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
679	21020520	Nguyễn Tuấn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
680	21020521	Nguyễn Việt Khánh	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
681	21020522	Hoàng Hùng Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
682	21020524	Vũ Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
683	21020525	Bùi Trần Hải Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
684	21020526	Nguyễn Bình Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
685	21020528	Phạm Đàm Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
686	21020529	Trần Trọng Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
687	21020530	Nguyễn Hoàng Thọ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
688	21020532	Nguyễn Minh Quang Hiếu	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
689	21020533	Nguyễn Lâm Thái	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
690	21020534	Bùi Đức Anh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
691	21020537	Lê Thanh Bình	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
692	21020538	Nguyễn Hữu Việt Cương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
693	21020541	Nguyễn Tiến Hùng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
694	21020542	Nguyễn Khắc Nam Huy	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
695	21020544	Lê Phương Linh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
696	21020547	Trần Duy Long	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
697	21020548	Nguyễn Nhật Minh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
698	21020549	Trần Tuấn Nghĩa	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
699	21020551	Đoàn Phúc Nguyên	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
700	21020552	Mai Tú Phương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
701	21020553	Hoàng Minh Quân	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
702	21020554	Phạm Đàm Quân	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
703	21020555	Trần Hồng Quân	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
704	21020556	Nguyễn Đức Tùng	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
705	21020557	Nguyễn Quy Thành An	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
706	21020558	Nguyễn Đức Anh	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
707	21020559	Nguyễn Gia Bảo	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
708	21020560	Lê Quý Dương	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
709	21020562	Nguyễn Hồ Khánh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
710	21020563	Phí Văn Long	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
711	21020564	Nguyễn Minh Quang	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
712	21020565	Trần Đăng Minh Tâm	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
713	21020566	Nguyễn Công Anh Tuấn	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
714	21020567	Đào Sơn Tùng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
715	21020568	Nguyễn Tiến Thịnh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
716	21020569	Hàn Nguyên Trường	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
717	21020571	Đỗ Thiện Vũ	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
718	21020572	Lê Quang Kiên	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
719	21020575	Doãn Thị Minh Châu	0		13.050.000		13.050.000	0	13.050.000	
720	21020576	Bùi Hữu An	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
721	21020578	Nguyễn Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
722	21020579	Bùi Quang Việt Bách	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
723	21020580	Nguyễn Quang Cường	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
724	21020581	Phan Tiến Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
725	21020583	Kiều Bá Đăng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
726	21020584	Lương Trường Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
727	21020585	Nguyễn Duy Trường Giang	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
728	21020586	Lê Vũ Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
729	21020587	Nguyễn Đức Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
730	21020588	Lê Hoàng Lâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
731	21020589	Đào Đức Minh	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
732	21020590	Hoàng Dương Khôi Nguyên	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
733	21020591	Đào Tiến Phú	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
734	21020592	Nguyễn Đăng Quang	-663.390		17.500.000		17.500.000	0	16.836.610	
735	21020593	Trần Anh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
736	21020594	Nguyễn Phan Phú Quốc	0		31.900.000		31.900.000	0	31.900.000	
737	21020595	Nguyễn Xuân Tùng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
738	21020596	Nguyễn Đức Trí	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
739	21020597	Nguyễn Minh Vũ	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
740	21020598	Phạm Việt Anh	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
741	21020601	Phạm Minh Quang	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
742	21020602	Đào Quý An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
743	21020603	Dương Hoàng Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
744	21020604	Lê Huy Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
745	21020605	Phùng Minh Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
746	21020606	Trần Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
747	21020607	Phạm Hoàng Ân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
748	21020608	Lê Trọng Bảo	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
749	21020609	Nguyễn Ngọc Bảo	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
750	21020610	Nguyễn Lê Hải Châu	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
751	21020611	Đỗ Mạnh Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
752	21020612	Nguyễn Huy Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
753	21020613	Phạm Đức Dũng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
754	21020614	Phạm Hoàng Dũng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
755	21020615	Võ Tín Dư	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
756	21020616	Đỗ ánh Dương	-3.200.000		28.700.000		28.700.000	0	25.500.000	
757	21020617	Hoàng Quốc Đạt	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
758	21020618	Nguyễn Tất Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
759	21020620	Ngô Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
760	21020621	Lê Hoàng Minh Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
761	21020622	Đình Minh Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
762	21020624	Nguyễn Long Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
763	21020626	Nguyễn Minh Hiếu	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
764	21020627	Nguyễn Trung Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
765	21020628	Doãn Minh Hoàng	0		27.900.000		27.900.000	0	27.900.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
766	21020629	Nguyễn Mạnh Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
767	21020630	Phạm Huy Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
768	21020631	Trần Bá Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
769	21020632	Vũ Việt Hoàng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
770	21020633	Nguyễn Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
771	21020635	Phan Việt Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
772	21020636	Đinh Trung Kiên	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
773	21020637	Hoàng Trung Kiên	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
774	21020638	Nguyễn Minh Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
775	21020639	Phùng Chí Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
776	21020640	Đoàn Bùi Nhật Khánh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
777	21020641	Mạc Gia Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
778	21020642	Lê Văn Khoa	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
779	21020643	Nguyễn Bảo Lâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
780	21020644	Lê Việt Việt Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
781	21020645	Trịnh Thái Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
782	21020646	Đoàn Ngọc Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
783	21020647	Vũ Thành Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
784	21020648	Hoàng Đức Minh	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
785	21020649	Lê Vũ Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
786	21020650	Nguyễn Cao Đức Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
787	21020651	Phạm Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
788	21020652	Tổng Đức Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
789	21020654	Võ Kim Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
790	21020655	Nguyễn Hữu Nam	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
791	21020656	Nguyễn Diệu Nhật	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
792	21020657	Phan Minh Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
793	21020658	Đoàn Vũ Quang Phú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
794	21020659	Trần Quang Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
795	21020660	Nguyễn Công Tuấn Phuong	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
796	21020661	Phạm Minh Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
797	21020662	Lê Bùi Sơn	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
798	21020663	Lê Quang Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
799	21020664	Vũ Minh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
800	21020665	Nguyễn Đức Thành	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
801	21020666	Nguyễn Trọng Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
802	21020667	Nguyễn Vũ Minh Thành	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
803	21020668	Nguyễn Hương Thảo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
804	21020669	Đinh Bách Thành Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
805	21020670	Lê Đức Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
806	21020671	Trần Lê Thành Trung	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
807	21020672	Trần Hạnh Uyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
808	21020673	Nguyễn Thành Vinh	0		13.400.000		13.400.000	0	13.400.000	
809	21020674	Chu Ngọc Vượng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
810	21020675	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
811	21020676	Đỗ Duy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
812	21020677	Nguyễn Đức Anh	0		26.300.000		26.300.000	0	26.300.000	
813	21020678	Phạm Hải Anh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
814	21020679	Nguyễn Tùng Bách	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
815	21020680	Nguyễn Mạnh Cường	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
816	21020681	Hồ Thiên Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
817	21020684	Đỗ Minh Hiếu	-108.920		26.300.000		26.300.000	0	26.191.080	
818	21020685	Nguyễn Đình Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
819	21020686	Lê Tô Hiệu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
820	21020687	Nguyễn Mạnh Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
821	21020688	Đỗ Huy	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
822	21020689	Vũ Hoàng Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
823	21020690	Ngạc Anh Kiệt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
824	21020691	Phạm Lê Kim	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
825	21020692	Nguyễn Thế Khang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
826	21020693	Hoàng Gia Khánh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
827	21020694	Phạm Cảnh Khuê	-663.390		19.900.000		19.900.000	0	19.236.610	
828	21020695	Nguyễn Đình Lâm	0		32.700.000		32.700.000	0	32.700.000	
829	21020696	Hoàng Nhật Minh	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
830	21020697	Nguyễn Công Minh	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	
831	21020698	Nguyễn Đức Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
832	21020699	Trần Hà Thảo Nguyên	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
833	21020701	Nguyễn Phong	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
834	21020702	Lê Minh Quân	19.900.000		19.900.000		19.900.000	0	39.800.000	Nợ K1/24-25
835	21020703	Nguyễn Khánh Sơn	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
836	21020704	Nguyễn Phan Nam Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
837	21020705	Vũ Đức Tâm	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
838	21020707	Dương Đình Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
839	21020710	Nguyễn Thành Vinh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
840	21020711	Trương Quang Vinh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
841	21020712	Nguyễn Hữu An	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
842	21020714	Nguyễn Văn Hào	-884.520		7.650.000		7.650.000	0	6.765.480	
843	21020715	Nguyễn Kim Huy	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
844	21020717	Đỗ Minh Sáng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
845	21020718	Nguyễn Thị Thu Trang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
846	21020719	Nguyễn Phong Hào	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
847	21020720	Nguyễn Mạnh Chính	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
848	21020721	Cao Ngô Hoàng Dũng	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
849	21020722	Nguyễn Anh Tùng	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
850	21020724	Nguyễn Trung Dũng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
851	21020725	Đỗ Quang Huy	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
852	21020726	Nguyễn Quốc Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
853	21020727	Nguyễn Mai Chi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
854	21020728	Hồ Xuân Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
855	21020729	Nguyễn Hải Đăng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
856	21020730	Nguyễn Thùy Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
857	21020731	Cao Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
858	21020732	Ngô Quang Minh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
859	21020733	Nguyễn Siêu Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
860	21020734	Nguyễn Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
861	21020735	Nguyễn Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
862	21020736	Tô Thanh Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
863	21020737	Đặng Thị Thu Uyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
864	21020738	Hoàng Phi Hùng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
865	21020750	Quách Lê Hải Anh	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
866	21020752	Nguyễn Thị Kiều Chinh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
867	21020753	Đặng Tiến Dũng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
868	21020755	Nguyễn Hoàng Duy	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
869	21020756	Ngô Bình Dương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
870	21020758	Trương Quang Đạt	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
871	21020759	Hứa Khánh Đoan	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
872	21020760	Nguyễn Hữu Đồng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
873	21020762	Nguyễn Cao Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
874	21020763	Phùng Huy Hoàng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
875	21020764	Vũ Phương Hồng	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
876	21020768	Nguyễn Văn Khang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
877	21020769	Trần Duy Khánh	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
878	21020770	Đặng Văn Khởi	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
879	21020771	Quan Trung Kiên	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
880	21020772	Nguyễn Bá Hoàng Kim	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
881	21020773	Đinh Thị Mai Linh	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
882	21020774	Nguyễn Ngọc Linh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
883	21020775	Bùi Đức Luân	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
884	21020776	Tạ Đình Lương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
885	21020778	Dương Bình Minh	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
886	21020779	Nguyễn Hoài Nam	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
887	21020780	Trần Võ Khôi Nguyên	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
888	21020783	Lương Thị Mai Phương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
889	21020784	Tạ Khánh Phương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
890	21020785	Nguyễn Đăng Quang	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
891	21020786	Hoàng Mạnh Quân	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
892	21020787	Hoàng Văn Quyền	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
893	21020789	Đinh Văn Thạch	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
894	21020790	Lý Trường Thành	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
895	21020792	Trịnh Đức Thành	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
896	21020793	Đặng Quang Thắng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
897	21020794	Ma Thanh Thiện	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
898	21020795	Đinh Đức Thuận	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
899	21020796	Bùi Thế Thuật	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
900	21020797	Dương Khánh Toàn	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
901	21020798	Đinh Anh Tùng	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
902	21020799	Triệu Thanh Tùng	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
903	21020800	Lâm Trọng Vinh	0		1.800.000		1.800.000	0	1.800.000	
904	21020801	Hà Đức Anh	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
905	21020802	Trần Hoàng Anh	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
906	21020804	Đào Ngọc Bích	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
907	21020805	Lê Đức Chiến	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
908	21020806	Đào Thị Chúc	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
909	21020807	Bùi Thị Dung	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
910	21020808	Nguyễn Phạm Dũng	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
911	21020809	Nguyễn Đức Duy	8.100.000		4.050.000		4.050.000	0	12.150.000	Nợ K1/24-25
912	21020810	Nguyễn Đức Duy	2.000.000		10.350.000		10.350.000	0	12.350.000	Nợ 1 phần K1/24-25
913	21020811	Nguyễn Thị Duyên	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
914	21020813	Vũ Đức Đại	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
915	21020815	Đoàn Hải Đăng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
916	21020816	Bùi Trần Duy Đông	0		9.900.000		9.900.000	8.000.000	1.900.000	
917	21020817	Nguyễn Vũ Phương Đông	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
918	21020818	Trần Bá Đức	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
919	21020819	Trần Minh Hiếu	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
920	21020821	Nguyễn Xuân Hòa	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
921	21020822	Chu Công Hoàn	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
922	21020823	Đỗ Thái Học	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
923	21020824	Nguyễn Khánh Huyền	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
924	21020825	Hà Quang Hưng	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
925	21020826	Bùi Thiên Hương	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
926	21020827	Mai Thị Kim Khánh	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
927	21020829	Đặng Ngọc Khiêm	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
928	21020830	Chu Viết Kiên	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
929	21020831	Đậu Mạnh Kiên	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
930	21020832	Lê Duy Linh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
931	21020833	Nguyễn Hữu Long	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
932	21020835	Ngô Anh Minh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
933	21020837	Đàm Vũ Nam	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
934	21020839	Nguyễn Đình Nam	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
935	21020840	Trịnh Hoài Nam	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
936	21020841	Vũ Thị Thu Nga	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
937	21020843	Cao Hà Phương	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
938	21020844	Trần Hà Phương	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
939	21020847	Nguyễn Lương Quý	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
940	21020848	Cao Hồng Sơn	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
941	21020849	Bùi Gia Tân	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
942	21020851	Phạm Đức Thành	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
943	21020852	Trần Đức Thắng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
944	21020853	Văn Đức Thiện	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
945	21020854	Vũ Văn Toàn	8.756.000		6.300.000		6.300.000	0	15.056.000	Nợ kỳ 2/23-24
946	21020855	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
947	21020856	Phùng Trường Trinh	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
948	21020857	Đỗ Việt Trung	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
949	21020858	Đỗ Đình Trường	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
950	21020860	Nguyễn Quang Tùng	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
951	21020861	Phạm Thành Công	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
952	21020862	Cao Tiến Dũng	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
953	21020863	Hoàng Khánh Dương	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
954	21020864	Nguyễn Thái Dương	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
955	21020865	Đỗ Văn Hào	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
956	21020866	Vi Văn Hòa	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
957	21020868	Phạm Hoàng Long	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
958	21020869	Lạc Thị Thùy Ngân	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
959	21020870	Lê Ngọc Nhạc	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
960	21020871	Nguyễn Vũ Quang	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
961	21020872	Nguyễn Duy Quốc	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
962	21020873	Vũ Văn Quyết	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
963	21020874	Lê Hồng Sáng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
964	21020875	Vũ Đức Thành	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
965	21020876	Nguyễn Hữu Thắng	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
966	21020877	Nguyễn Trọng Thịnh	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
967	21020878	Phùng Văn Tĩnh	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
968	21020879	Nguyễn Văn Tráng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
969	21020880	Hà Diệu Trúc	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
970	21020881	Vũ Xuân Trường	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
971	21020882	Lê Văn Anh Tuấn	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
972	21020883	Cao Xuân Tùng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
973	21020884	Vương Thanh Tùng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
974	21020885	Nguyễn Long Vũ	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
975	21020886	Nguyễn Thanh An	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
976	21020887	Nguyễn Nam Việt Anh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
977	21020888	Hoàng Thị Ngọc ánh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
978	21020889	Trần Quốc ánh	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
979	21020890	Trịnh Minh Chiến	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
980	21020891	Trần Đàm Mạnh Cường	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
981	21020894	Phan Thanh Duy	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
982	21020895	Vũ Ngọc Duy	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
983	21020896	Nguyễn Văn Đại	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
984	21020897	Nguyễn Quang Đạo	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
985	21020898	Trần Đình Đắc	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
986	21020899	Bùi Đình Đăng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
987	21020900	Bùi Anh Đức	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
988	21020901	Mai Anh Đức	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
989	21020902	Nguyễn Anh Đức	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
990	21020903	Nguyễn Đình Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
991	21020905	Phạm Minh Đức	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
992	21020906	Nguyễn Thiên Hào	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
993	21020907	Hoàng Trung Hiệp	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
994	21020908	Nguyễn Minh Hiếu	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
995	21020909	Phạm Trung Hiếu	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
996	21020910	Trịnh Trung Hiếu	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
997	21020911	Nguyễn Quang Hiệu	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
998	21020912	Nguyễn Huy Hoàng	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
999	21020913	Nguyễn Đắc Học	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1000	21020914	Lê Đình Huy	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1001	21020916	Trương Quang Huy	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
1002	21020917	Dương Bá Hưng	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
1003	21020918	Nguyễn Trần Việt Hưng	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
1004	21020919	Khuong Gia Khánh	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1005	21020920	Lý Bảo Khánh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1006	21020921	Hoàng Trung Kiên	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1007	21020922	Lê Đức Lâm	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1008	21020923	Nguyễn Thị Liễu	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1009	21020924	Đào Tuấn Linh	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1010	21020925	Chu Thành Long	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1011	21020926	Nguyễn Hoàng Long	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1012	21020927	Vũ Đức Lộc	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1013	21020928	Vũ Văn Lộc	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
1014	21020929	Chu Trung Lương	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1015	21020930	Đỗ Hoàng Nam	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1016	21020931	Nguyễn Văn Nam	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1017	21020932	Lê Hoàng Ngọc	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1018	21020933	Phạm Tuấn Phong	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1019	21020934	Lý Trường Phước	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1020	21020935	Đặng Minh Quân	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1021	21020936	Bùi Bá Quyền	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
1022	21020937	Lê Công Tâm	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1023	21020938	Nguyễn Văn Thao	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1024	21020939	Cung Văn Thắng	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1025	21020940	Nguyễn Hà Đức Thiện	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
1026	21020941	Bùi Phong Thu	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
1027	21020942	Bùi Văn Thu	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1028	21020943	Nguyễn Thị Thúy	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1029	21020945	Đặng Đình Trung	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1030	21020946	Nguyễn Quốc Trung	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1031	21020947	Dur Hồng Tú	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
1032	21020948	Hoàng Huy Tuấn	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1033	21020949	Hà Thanh Tùng	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1034	21020950	Mai Hoàng Tùng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1035	21020951	Đỗ Quốc Việt	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1036	21020952	Nguyễn Thanh An	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1037	21020953	Nguyễn Trường An	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1038	21020954	Bùi Hoàng Anh	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1039	21020955	Doãn Tuấn Anh	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
1040	21020956	Vì Hoàng Anh	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
1041	21020957	Nguyễn Thế Bảo	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1042	21020959	Lê Duy Cương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1043	21020960	Hoàng Kiên Cường	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1044	21020961	Nguyễn Đức Cường	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1045	21020963	Bùi Hữu Duẩn	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1046	21020967	Lê Anh Duy	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1047	21020968	Nguyễn Văn Dương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1048	21020969	Dương Nguyên Đạt	0		2.250.000		2.250.000	0	2.250.000	
1049	21020970	Đặng Tuấn Đạt	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1050	21020971	Vũ Quang Đạt	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1051	21020972	Trương Văn Đăng	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1052	21020973	Nguyễn Minh Điệp	0		6.800.000		6.800.000	0	6.800.000	
1053	21020975	Dương Hoàng Đức	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1054	21020976	Lê Công Đức	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1055	21020977	Trần Đông Đức	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1056	21020978	Nguyễn Trường Giang	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1057	21020979	Ngô Việt Hà	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1058	21020980	Nguyễn Cảnh Hà	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1059	21020981	Nguyễn Hoàng Hà	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1060	21020982	Nguyễn Công Hậu	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1061	21020983	Đào Xuân Trung Hiếu	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1062	21020984	Nguyễn Đắc Hiếu	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1063	21020985	Nguyễn Trọng Hiếu	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1064	21020986	Phạm Thanh Hoan	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1065	21020987	Nguyễn Sinh Minh Hoàn	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1066	21020988	Phạm Minh Hoàn	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1067	21020989	Phan Đức Hùng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1068	21020991	Nguyễn Nhân Hưởng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1069	21020992	Nguyễn Quang Hưởng	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1070	21020993	Ngô Dương Khánh	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
1071	21020994	Tạ Duy Khánh	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1072	21020995	Đào Trung Kiên	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1073	21020996	Phạm Tuấn Kiên	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1074	21020997	Phạm Đăng Quang Lễ	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1075	21020998	Phạm Duy Linh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1076	21020999	Hoàng Bảo Long	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1077	21021000	Nguyễn Đức Long	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1078	21021001	Hoàng Xuân Lộc	0	-1.350.000	6.300.000		4.950.000	0	4.950.000	
1079	21021002	Vương Đắc Lộc	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1080	21021003	Bùi Thành Lương	0		5.160.000		5.160.000	0	5.160.000	
1081	21021005	Bùi Đức Mạnh	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1082	21021006	Nguyễn Đăng Mạnh	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1083	21021007	Nguyễn Văn Mạnh	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	
1084	21021008	Lưu Vĩ Minh	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
1085	21021009	Trần Quang Minh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1086	21021010	Nguyễn Thị Trà My	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1087	21021011	Nguyễn Xuân Mỹ	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
1088	21021012	Nguyễn Hồ Hải Nam	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1089	21021013	Nguyễn Đức Nguyên	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1090	21021014	Bùi Thanh Phong	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1091	21021015	Nguyễn Minh Phong	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1092	21021017	Lê Doãn Phúc	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1093	21021018	Võ Hoài Phương	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1094	21021019	Cần Minh Quang	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1095	21021020	Nguyễn Đình Quang	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1096	21021021	Nguyễn Đoàn Tùng Quân	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1097	21021022	Phạm Minh Quân	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1098	21021023	Tô Anh Quân	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
1099	21021024	Vũ Minh Quân	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1100	21021025	Nguyễn Thị Sáng	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
1101	21021026	Phạm Trọng Sáng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1102	21021027	Vũ Xuân Sơn	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1103	21021028	Mai Tiến Sỹ	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1104	21021029	Nguyễn Văn Sỹ	12.000		6.750.000		6.750.000	0	6.762.000	Nợ lẻ
1105	21021030	Vũ Hữu Nhật Tâm	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1106	21021031	Nguyễn Minh Thái	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1107	21021033	Nguyễn Yến Thanh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1108	21021036	Nguyễn Công Thành	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1109	21021037	Nguyễn Tuấn Thành	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1110	21021038	Võ Tất Thành	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1111	21021039	Vũ Thị Thương Thảo	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1112	21021040	Ngô Văn Thắng	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1113	21021041	Nguyễn Văn Thắng	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1114	21021042	Vũ Quốc Thịnh	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1115	21021043	Lê Viết Thọ	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1116	21021044	Đỗ Đức Tiến	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1117	21021045	Đào Văn Tiến	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1118	21021046	Nguyễn Đình Tiến	0		4.050.000		4.050.000	0	4.050.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1119	21021047	Nguyễn Phương Trinh	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1120	21021048	Phạm Phú Trọng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1121	21021049	Bùi Quang Trung	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1122	21021050	Đoàn Đức Trung	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1123	21021051	Nguyễn Đỗ Quốc Trường	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1124	21021052	Bùi Quốc Trường	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1125	21021053	Nguyễn Đình Anh Tú	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1126	21021054	Phí Ngọc Tuấn	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1127	21021057	Nguyễn Hợp Bảo Tùng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1128	21021058	Nguyễn Xuân Tùng	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1129	21021059	Bùi Hoàng Văn	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1130	21021060	Vũ Bá Văn	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1131	21021061	Hàn Triết Viên	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1132	21021062	Phùng Thế Việt	0		3.150.000		3.150.000	0	3.150.000	
1133	21021063	Đặng Hữu Vinh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1134	21021064	Lữ Thành Vinh	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1135	21021065	Trịnh Trọng Vinh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1136	21021066	Vũ Việt Vương	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1137	21021067	Vũ Xuân Huy	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1138	21021068	Bùi Đình An	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1139	21021069	Lê Văn Anh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1140	21021070	Nguyễn Phúc Gia Anh	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1141	21021072	Chu Văn Bảo	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1142	21021074	Phạm Xuân Bắc	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1143	21021075	Nguyễn Đăng Cường	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1144	21021076	Nguyễn Công Doanh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1145	21021077	Lê Tuấn Dũng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1146	21021078	Phí Ngọc Đại	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1147	21021079	Nguyễn Hồng Đạt	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1148	21021080	Vũ Thành Đạt	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1149	21021081	Nguyễn Mạnh Điệp	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
1150	21021082	Nguyễn Minh Đức	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1151	21021083	Nguyễn Trung Đức	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1152	21021084	Đỗ Tiến Hải	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1153	21021085	Lê Dương Hào	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1154	21021086	Phạm Minh Hiền	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1155	21021087	Lê Trung Hiếu	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1156	21021088	Nguyễn Đức Hiếu	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1157	21021089	Vũ Trung Hiếu	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1158	21021090	Vũ Văn Hiếu	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1159	21021091	Vũ Đình Hoan	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1160	21021092	Nguyễn Xuân Minh Hoàng	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1161	21021093	Đào Phi Hùng	-20.000		5.850.000		5.850.000	0	5.830.000	
1162	21021094	Lê Bá Hoàng Hùng	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1163	21021095	Nguyễn Quốc Hưng	3.576.000		5.400.000		5.400.000	7.650.000	1.326.000	Nợ 1 phần K1/24-25
1164	21021096	Phạm Quang Khải	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1165	21021097	Nguyễn Đăng Khoa	-663.390		5.400.000		5.400.000	0	4.736.610	
1166	21021098	Phạm Đăng Khoa	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1167	21021099	Nguyễn Xuân Kỳ	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1168	21021100	Ngô Tùng Lâm	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1169	21021101	Nguyễn Tùng Lâm	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1170	21021102	Quách Tiến Lâm	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1171	21021103	Trần Thành Long	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1172	21021104	Lê Anh Lợi	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1173	21021105	Nguyễn Văn Mạnh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1174	21021106	Vũ Đức Mạnh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1175	21021107	Trần Hữu Nam	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1176	21021108	Đỗ Như Nghiệp	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1177	21021109	Trần Văn Ngọc	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1178	21021110	Đậu Hồng Phong	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1179	21021111	Phạm Bá Phong	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1180	21021113	Hoàng Minh Đăng Quang	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1181	21021114	Phạm Minh Quang	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1182	21021115	Đào Anh Quân	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1183	21021116	Phan Minh Quân	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1184	21021117	Trần Hồng Quân	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1185	21021118	Đậu Thái Sơn	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1186	21021119	Trần Thái Sơn	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1187	21021120	Dương Đức Tài	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1188	21021121	Trần Hữu Thái	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1189	21021122	Đỗ Tiến Thành	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1190	21021123	Lê Đức Thành	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1191	21021124	Ngô Đình Thành	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1192	21021125	Nguyễn Quang Thắng	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1193	21021126	Trần Quyết Thắng	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1194	21021128	Ngô Tiến Thịnh	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1195	21021129	Nguyễn Văn Tiến	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1196	21021130	Nguyễn Văn Tráng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1197	21021131	Lương Quang Trung	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1198	21021132	Phạm Đình Trung	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1199	21021133	Trương Hoàng Tú	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1200	21021134	Nguyễn Quốc Tuấn	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1201	21021135	Trần Đình Tuấn	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1202	21021136	Trương Hoàng Tuấn	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1203	21021137	Cao Văn Tùng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1204	21021138	Lê Nguyễn Tùng	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1205	21021140	Trần Đình Tùng	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1206	21021141	Lê Thế Việt	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1207	21021142	Vũ Trí Vinh	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1208	21021143	Vũ Quang Vũ	0		12.600.000		12.600.000	0	12.600.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1209	21021144	Trần Văn Vương	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1210	21021145	Lê Hùng Vỹ	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1211	21021146	Đỗ Hoàng Anh	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1212	21021147	Nguyễn Đức Anh	0	-1.194.000	9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1213	21021149	Nguyễn Trung Tuấn Anh	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1214	21021150	Phạm Việt Anh	0		13.050.000		13.050.000	0	13.050.000	
1215	21021151	Trần Thế Anh	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1216	21021152	Trần Trung Anh	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
1217	21021153	Vũ Trung Hiếu Anh	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1218	21021155	Nguyễn Hồ Đức Bình	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1219	21021156	Nguyễn Minh Chiến	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1220	21021157	Đoàn Dung Cơ	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1221	21021159	Nguyễn Hữu Cường	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1222	21021160	Nguyễn Thọ Quang Cường	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1223	21021161	Triệu Quốc Cường	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1224	21021162	Lê Vũ Đức Dũng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1225	21021163	Phạm Ngọc Duy	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1226	21021164	Nguyễn Quý Dương	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1227	21021165	Bùi Văn Đại	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1228	21021167	Nguyễn Tiến Đạt	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1229	21021168	Nguyễn Trường Đăng	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1230	21021169	Mai Thanh Đức	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1231	21021170	Nguyễn Minh Đức	0		4.500.000		4.500.000	0	4.500.000	
1232	21021171	Nguyễn Nhật Đức	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1233	21021173	Trần Việt Đức	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1234	21021174	Nguyễn Đức Giang	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1235	21021175	Lê Hoàng Hà	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1236	21021176	Trần Hữu Hân	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
1237	21021177	Nguyễn Huy Hiền	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1238	21021178	Đặng Hoàng Hiệp	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1239	21021179	Nguyễn Văn Hiệp	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1240	21021180	Nguyễn Xuân Hiệp	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1241	21021181	Đỗ Minh Hiếu	0		12.150.000		12.150.000	0	12.150.000	
1242	21021182	Đào Quốc Hiếu	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1243	21021184	Lưu Văn Hiếu	0		12.150.000		12.150.000	0	12.150.000	
1244	21021186	Phan Huy Hoàng	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
1245	21021187	Nguyễn Công Hợp	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1246	21021188	Đặng Minh Huân	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1247	21021190	Đâu Việt Hùng	0		13.950.000		13.950.000	0	13.950.000	
1248	21021191	Phạm Đăng Hùng	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
1249	21021192	Trần Mạnh Hùng	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1250	21021193	Khuất Quang Huy	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
1251	21021194	Nguyễn Anh Huy	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1252	21021196	Trần Anh Huy	0		13.950.000		13.950.000	0	13.950.000	
1253	21021197	Trần Quang Huy	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1254	21021198	Nguyễn Trọng Hưng	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1255	21021199	Nguyễn Xuân Hưng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1256	21021200	Nguyễn Thị Hương	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1257	21021201	Nguyễn Nam Khánh	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1258	21021203	Nguyễn Duy Linh	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1259	21021204	Nguyễn Tiến Linh	0		12.150.000		12.150.000	0	12.150.000	
1260	21021206	Hà Duy Long	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
1261	21021207	Trương Hải Long	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1262	21021208	Đinh Xuân Lộc	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1263	21021209	Hoàng Đức Mạnh	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1264	21021210	Nguyễn Tường Mạnh	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1265	21021211	Đào Trần Minh	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1266	21021212	Đặng Đức Minh	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1267	21021213	Trịnh Quang Minh	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1268	21021214	Trương Nhật Minh	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
1269	21021215	Mai Phương Nam	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1270	21021216	Phan Đăng Nam	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
1271	21021217	Tạ Hải Nam	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1272	21021218	Phùng Xuân Nghĩa	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1273	21021219	Lê Anh Nhật	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1274	21021220	Nguyễn Tuấn Nhật	15.614.000		3.150.000		3.150.000	0	18.764.000	Nợ K1/24-25
1275	21021221	Đỗ Minh Phần	0		12.600.000		12.600.000	0	12.600.000	
1276	21021222	Phạm Hoàng Phi	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1277	21021223	Mai Hồng Phong	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1278	21021224	Nguyễn Hoàng Phúc	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1279	21021225	Nguyễn Văn Phúc	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1280	21021226	Lê Thị Thu Phương	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1281	21021227	Đỗ Minh Quân	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1282	21021228	Hà Minh Quân	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1283	21021230	Nguyễn Xuân Quý	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1284	21021232	Nguyễn Thế Sơn	0		9.900.000		9.900.000	0	9.900.000	
1285	21021234	Hoàng Văn Tâm	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
1286	21021235	Trần Đức Tân	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1287	21021236	Hồ Duy Thái	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1288	21021237	Nguyễn Văn Thành	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1289	21021238	Trần Xuân Thành	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1290	21021239	Đỗ Quang Thắng	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1291	21021241	Vũ Huy Thịnh	0		11.700.000		11.700.000	0	11.700.000	
1292	21021242	Trần Thu Thủy	0		13.950.000		13.950.000	0	13.950.000	
1293	21021243	Lê Khánh Toàn	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1294	21021244	Nguyễn Ngọc Toàn	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1295	21021245	Phạm Hữu Trung	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1296	21021246	Nguyễn Hữu Trường	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1297	21021247	Lê Minh Tú	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1298	21021249	Nguyễn Hoàng Việt	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1299	21021250	Phạm Thanh Việt	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1300	21021253	Vũ Thành Vinh	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1301	21021254	Hoàng Long Vũ	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1302	21021255	Hoàng Phi Vũ	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1303	21021256	Nguyễn Văn Vũ	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1304	21021257	Vàng A Vúr	0		900.000		900.000	0	900.000	
1305	21021259	Dương Cao Kỳ Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1306	21021260	Dương Thị Vân Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1307	21021261	Hà Duy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1308	21021262	Nguyễn Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1309	21021263	Nguyễn Đức Anh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1310	21021264	Nguyễn Hoàng Anh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1311	21021265	Nguyễn Quang Anh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1312	21021267	Trần Đức Anh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1313	21021268	Trịnh Hoàng Anh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1314	21021269	Vũ Việt Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1315	21021270	Nguyễn Văn Chất	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1316	21021271	Phạm Ngọc Chương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1317	21021272	Nguyễn Hữu Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1318	21021273	Đồng Văn Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1319	21021274	Nguyễn Mạnh Dũng	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
1320	21021275	Yên Thế Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1321	21021276	Bùi Văn Dương	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1322	21021277	Cao Nam Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1323	21021278	Nguyễn Huy Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1324	21021279	Vũ Lê Đăng Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1325	21021280	Lê Chính Đại	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1326	21021281	Nguyễn Việt Đan	0		26.300.000		26.300.000	0	26.300.000	
1327	21021282	Đoàn Trần Quang Đạo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1328	21021283	Chu Tuấn Đạt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1329	21021284	Nguyễn Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1330	21021285	Phạm Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1331	21021286	Đặng Xuân Đăng	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1332	21021287	Nguyễn Bá Phương Đông	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0	17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
1333	21021288	Bùi Minh Đức	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1334	21021289	Dương Tự Trí Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1335	21021291	Lê Văn Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1336	21021292	Nguyễn Minh Đức	0		28.975.000	-1.560.000	27.415.000	0	27.415.000	
1337	21021293	Nguyễn Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1338	21021294	Nguyễn Phi Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1339	21021295	Nguyễn Quang Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1340	21021296	Phạm Tuấn Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1341	21021297	Lê Xuân Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1342	21021298	Nguyễn Ngọc Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1343	21021299	Nguyễn Minh Hiền	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1344	21021300	Nguyễn Hoàng Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1345	21021301	Hoàng Minh Hiếu	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1346	21021303	Nghiêm Trung Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1347	21021305	Nguyễn Tiến Hiếu	0		29.500.000		29.500.000	0	29.500.000	
1348	21021306	Phạm Đức Hiếu	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1349	21021307	Ngô Huy Hoàng	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
1350	21021308	Nguyễn Huy Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1351	21021309	Trương Huy Hoàng	3.200.000	-1.600.000	17.500.000		15.900.000	0	19.100.000	Nợ 1 phần K1/24-25
1352	21021310	Vũ Huy Hoàng	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0	17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
1353	21021311	Bùi Tuấn Huy	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1354	21021312	Đặng Văn Huy	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1355	21021313	Nguyễn Công Quốc Huy	0		24.385.000		24.385.000	0	24.385.000	
1356	21021314	Nguyễn Quang Huy	1.600.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	800.000	17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
1357	21021315	Nguyễn Văn Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1358	21021316	Phạm Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1359	21021318	Vũ Đức Huy	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1360	21021319	Vũ Gia Huy	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1361	21021320	Đỗ Khánh Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1362	21021321	Nguyễn Tuấn Hưng	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1363	21021322	Trần Duy Hưng	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1364	21021323	Vũ Duy Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1365	21021324	Vũ Quang Hưng	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0	17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
1366	21021325	Nguyễn Văn Hữu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1367	21021326	Phùng Mạnh Khang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1368	21021327	Nguyễn Hữu Khánh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1369	21021328	Lê Quý Minh Khoa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1370	21021329	Nguyễn Sỹ Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1371	21021330	Phan Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1372	21021332	Đặng Minh Lân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1373	21021333	Hà Duy Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1374	21021334	Đỗ Thị Loan	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1375	21021335	Mẫn Bá Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1376	21021336	Nguyễn Đức Long	-663.390		22.300.000		22.300.000	0	21.636.610	
1377	21021337	Phạm Thành Long	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
1378	21021338	Vũ Hải Long	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1379	21021339	Đoàn Hữu Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1380	21021340	Lê Vũ Đức Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1381	21021341	Bùi Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1382	21021343	Phạm Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1383	21021344	Bùi Phương Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1384	21021345	Lưu Hoài Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1385	21021346	Nguyễn Đình Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1386	21021347	Văn Tiến Nam	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1387	21021348	Lê Quý Như Ngọc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1388	21021349	Trần Minh Nhật	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1389	21021350	Nguyễn Kiều Phong	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
1390	21021351	Lê Minh Phương	0		14.100.000		14.100.000	0	14.100.000	
1391	21021352	Nguyễn Đức Duy Phương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1392	21021353	Đặng Ngọc Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1393	21021354	Hoàng Việt Quang	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1394	21021355	Phùng Gia Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1395	21021356	Dương Danh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1396	21021357	Nguyễn Cảnh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1397	21021358	Nguyễn Trọng Minh Quân	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1398	21021360	Bùi Công Sơn	0		26.300.000		26.300.000	0	26.300.000	
1399	21021362	Nguyễn Cao Bảo Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1400	21021363	Nguyễn Khánh Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1401	21021364	Trần Công Sơn	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
1402	21021365	Trần Đức Tài	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1403	21021366	Mai Văn Thái	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1404	21021367	Nguyễn Ngọc Thái	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1405	21021368	Nguyễn Trường Thành	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1406	21021369	Trần Đức Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1407	21021370	Nguyễn Đức Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1408	21021371	Nguyễn Đức Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1409	21021372	Vương Ngọc Thiện	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1410	21021373	Nguyễn Gia Thịnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1411	21021375	Trà Đức Thịnh	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1412	21021376	Hoàng Văn Thuận	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1413	21021377	Nguyễn Phú Trọng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1414	21021378	Trần Nam Trung	800.000	-800.000	17.500.000		16.700.000	0	17.500.000	Nợ HP theo QĐ 2936
1415	21021379	Mai Văn Trường	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1416	21021380	Mai Văn Trường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1417	21021381	Nguyễn Đức Trường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1418	21021382	Trần Tuấn Trường	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1419	21021383	Nguyễn Việt Tú	1.600.000		19.900.000		19.900.000	0	21.500.000	Nợ 1 phần K1/24-25
1420	21021384	Phạm Quang Tú	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1421	21021385	Đinh Thái Tuấn	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1422	21021386	Tô Minh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1423	21021387	Lê Thanh Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1424	21021388	Ngô Thanh Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1425	21021389	Nguyễn Hải Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1426	21021390	Nguyễn Thanh Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1427	21021391	Phạm Quang Vinh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1428	21021392	Phạm Quang Vinh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1429	21021393	Dương Huy Anh Vũ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1430	21021394	Lê Hội Vượng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1431	21021395	Trần Thị Hoàng Yến	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1432	21021396	Lương Thành An	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1433	21021397	Dương Kỳ Anh	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1434	21021398	Đình Quốc Anh	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1435	21021400	Trần Văn Cao	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1436	21021401	Phùng Tuấn Cường	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1437	21021403	Lương Trí Dũng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1438	21021404	Lâm Thanh Duy	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
1439	21021405	Nguyễn Sỹ Duy	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1440	21021406	Nguyễn Phúc Dương	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1441	21021407	Phạm Thái Dương	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
1442	21021408	Nguyễn Tiến Đạt	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1443	21021409	Trần Đức Đạt	0		7.200.000		7.200.000	0	7.200.000	
1444	21021410	Trần Quốc Đạt	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1445	21021411	Ninh Hải Đăng	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1446	21021413	Vũ Việt Đức	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1447	21021414	Nguyễn Trường Giang	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1448	21021416	Đỗ Minh Hiếu	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1449	21021417	Trần Chí Hoàng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1450	21021418	Lê Tuấn Hùng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1451	21021419	Nguyễn Bá Phi Hùng	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1452	21021420	Nguyễn Trọng Khánh Huy	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1453	21021421	Phạm Quang Huy	0		5.400.000		5.400.000	0	5.400.000	
1454	21021423	Đỗ Hải Long	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1455	21021424	Lê Đức Lương	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1456	21021425	Vũ Đức Lương	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1457	21021427	Nguyễn Công Minh	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1458	21021428	Nguyễn Trung Nam	0		4.950.000		4.950.000	0	4.950.000	
1459	21021429	Phạm Thị Kim Ngân	0		10.800.000		10.800.000	0	10.800.000	
1460	21021430	Nguyễn Đình Phương	0		3.600.000		3.600.000	0	3.600.000	
1461	21021431	Nguyễn Đăng Quang	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1462	21021434	Vũ Xuân Quân	0		10.350.000		10.350.000	0	10.350.000	
1463	21021435	Phùng Thắng Quyết	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1464	21021436	Nguyễn Tư Sơn	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1465	21021437	Phạm Văn Sơn	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1466	21021438	Vũ Phan Nhật Thành	0		6.300.000		6.300.000	0	6.300.000	
1467	21021439	Nguyễn Ngọc Hương Thảo	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1468	21021441	Lê Toàn Thắng	0		8.100.000		8.100.000	0	8.100.000	
1469	21021445	Nguyễn Hữu Trường	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1470	21021446	Bùi Anh Tú	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1471	21021447	Trần Anh Tú	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1472	21021449	Lê Anh Tuấn	0		6.750.000		6.750.000	0	6.750.000	
1473	21021451	Phạm Thành Việt	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1474	21021452	Nguyễn Văn An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1475	21021453	Hà Tùng Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1476	21021454	Ngô Quý Bảo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1477	21021455	Nguyễn Tiến Bắc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1478	21021456	Hồ Thị Thanh Bình	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1479	21021457	Nguyễn Lê Linh Chi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1480	21021458	Lê Quang Chính	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1481	21021459	Đỗ Minh Cường	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1482	21021461	Nguyễn Văn Doanh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1483	21021462	Bùi Anh Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1484	21021463	Đỗ Tiến Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1485	21021464	Hồ Xuân Dũng	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1486	21021465	Hà Mạnh Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1487	21021466	Lương Đình Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1488	21021467	Nguyễn Hoàng Anh Dũng	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
1489	21021468	Nguyễn Khánh Duy	0		27.100.000		27.100.000	0	27.100.000	
1490	21021469	Vũ Hoàng Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1491	21021470	Đồng Văn Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1492	21021471	Nguyễn Đức Dương	0		30.300.000		30.300.000	0	30.300.000	
1493	21021472	Nguyễn Văn Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1494	21021473	Phạm Tùng Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1495	21021474	Nguyễn Hải Đan	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1496	21021475	Đỗ Thành Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1497	21021476	Nguyễn Đình Thành Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1498	21021477	Trịnh Xuân Đạt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1499	21021478	Nguyễn Khoa Đăng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1500	21021479	Vũ Hải Đăng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1501	21021480	Lê Hồng Đức	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1502	21021481	Phan Anh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1503	21021482	Phạm Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1504	21021483	Trần Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1505	21021484	Tạ Hoàng Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1506	21021485	Trương Quỳnh Giang	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1507	21021486	Vũ Trường Giang	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1508	21021487	Nguyễn Văn Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1509	21021488	Nguyễn Vinh Hiền	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1510	21021489	Cao Chí Hiếu	-800.000		22.300.000		22.300.000	0	21.500.000	
1511	21021490	Cao Trung Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1512	21021491	Ngô Thượng Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1513	21021492	Nguyễn Trung Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1514	21021493	Nguyễn Trung Hiếu	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	
1515	21021494	Trần Minh Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1516	21021496	Đình Nho Hoàng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1517	21021498	Trịnh Xuân Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1518	21021499	Võ Huy Hoàng	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1519	21021500	Nguyễn Tiến Huân	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1520	21021501	Nguyễn Văn Huân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1521	21021502	Lê Mạnh Hùng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1522	21021503	Nguyễn Phan Hùng	0		31.100.000		31.100.000	0	31.100.000	
1523	21021504	Nguyễn Văn Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1524	21021505	Nguyễn Việt Hùng	0		13.400.000		13.400.000	0	13.400.000	
1525	21021506	Lương Sỹ Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1526	21021507	Nguyễn Thế Khôi	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1527	21021508	Đình Quang Khương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1528	21021509	Nguyễn Khắc Kiên	0		27.100.000		27.100.000	0	27.100.000	
1529	21021510	Nguyễn Tuấn Kiên	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
1530	21021511	Phạm Trung Kiên	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1531	21021512	Ngô Danh Lam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1532	21021513	Nguyễn Duy Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1533	21021514	Dương Bảo Long	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1534	21021515	Vũ Hoàng Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1535	21021516	Nguyễn Công Mạnh	-663.390		19.900.000		19.900.000	0	19.236.610	
1536	21021517	Hoàng Tuấn Minh	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1537	21021518	Nguyễn Công Tuấn Minh	0		36.700.000		36.700.000	0	36.700.000	
1538	21021519	Nguyễn Ngọc Minh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1539	21021520	Trần Đức Minh	0		34.300.000		34.300.000	0	34.300.000	
1540	21021521	Vũ Đại Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1541	21021523	Nguyễn Hiếu Nghĩa	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1542	21021524	Hà Quang Nhuệ	0		27.900.000		27.900.000	0	27.900.000	
1543	21021525	Nguyễn Đắc Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1544	21021526	Nguyễn Minh Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1545	21021527	Ngô Trần Anh Phương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1546	21021528	Bùi Minh Quang	1.820		17.500.000		17.500.000	0	17.501.820	Nợ lẻ
1547	21021529	Hoàng Minh Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1548	21021530	Lê Đức Quang	0		31.100.000		31.100.000	0	31.100.000	
1549	21021531	Lê Thê Quang	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1550	21021532		0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1551	21021533	Hoàng Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1552	21021534	Nguyễn Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1553	21021535	Nguyễn Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1554	21021536	Trần Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1555	21021537	Hà Nguyễn Anh Sơn	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1556	21021538	Nguyễn Anh Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1557	21021539	Nguyễn Phúc Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1558	21021540	Cao Thị Minh Tâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1559	21021541	Lê Tiến Thành	0		29.500.000		29.500.000	0	29.500.000	
1560	21021542	Nguyễn Tiến Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1561	21021543	Nguyễn Việt Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1562	21021544	Hoàng Minh Thắng	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1563	21021545	Đỗ Thị Trang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1564	21021546	Nguyễn Đức Trọng	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1565	21021547	Nguyễn Hữu Trọng	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1566	21021548	Phạm Đức Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1567	21021549	Hoàng Quốc Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1568	21021550	Trần Đức Việt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1569	21021551	Phạm Đức An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1570	21021552	Bùi Duy Hoàng Anh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1571	21021553	Bùi Đức Anh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1572	21021554	Cần Huy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1573	21021555	Hoàng Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1574	21021556	Nguyễn Ngọc Anh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1575	21021557	Nguyễn Phương Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1576	21021558	Nguyễn Thế Anh	2.400.000		22.300.000		22.300.000	0	24.700.000	Nợ 1 phần K1/24-25
1577	21021559	Phạm Việt Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1578	21021560	Trần Ngọc Anh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1579	21021561	Lê Đức Au	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1580	21021562	Đỗ Đức Bảo	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1581	21021563	Hà Lê Hoàng Bảo	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1582	21021564	Phạm Duy Chiến	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1583	21021565	Đặng Văn Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1584	21021566	Vương Quốc Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1585	21021567	Nghiêm Quang Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1586	21021568	Nguyễn Tiến Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1587	21021569	Đặng Nguyễn Nguyên Duy	0		27.100.000		27.100.000	0	27.100.000	
1588	21021570	Lê Phương Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1589	21021571	Nguyễn Gia Duy	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1590	21021573	Nguyễn Tùng Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1591	21021574	Phạm Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1592	21021575	Đỗ Trọng Đoàn	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
1593	21021576	Đinh Quang Đức	0		13.400.000		13.400.000	0	13.400.000	
1594	21021577	Vũ Trung Đức	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1595	21021578	Hoàng Thanh Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1596	21021579	Phạm Minh Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1597	21021580	Phạm Thu Hằng	0		18.200.000		18.200.000	0	18.200.000	
1598	21021581	Nguyễn Tiến Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1599	21021582	Nguyễn Văn Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1600	21021583	Tạ Hoàng Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1601	21021584	Bùi Minh Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1602	21021585	Đinh Việt Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1603	21021586	Nguyễn Xương Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1604	21021587	Phạm Minh Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1605	21021588	Trần Trung Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1606	21021589	Nguyễn Thị Thanh Hòa	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1607	21021590	Nguyễn Đình Hoàn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1608	21021591	Nguyễn Minh Hoàng	-740		18.300.000		18.300.000	0	18.299.260	
1609	21021592	Trần Minh Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1610	21021593	Trần Hoàng Huân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1611	21021594	Đỗ Bình Gia Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1612	21021595	Hoàng Đức Huy	0		27.900.000		27.900.000	0	27.900.000	
1613	21021596	Hoàng Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1614	21021597	Lê Văn Huỳnh	0		13.400.000		13.400.000	0	13.400.000	
1615	21021598	Nguyễn Hữu Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1616	21021599	Lê Mạnh Kha	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1617	21021600	Lương Quốc Khánh	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1618	21021601	Chu Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1619	21021602	Lê Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1620	21021603	Nguyễn Khắc Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1621	21021604	Vũ Đức Kiên	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1622	21021607	Cao Việt Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1623	21021608	Nguyễn Đức Thành Long	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
1624	21021609	Trịnh Lê Hoàng Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1625	21021612	Trương Hoàng Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1626	21021614	La Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1627	21021615	Lê Tấn Minh	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1628	21021616	Trương Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1629	21021617	Vũ Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1630	21021618	Vương Hoàng Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1631	21021619	Vũ Đình Nam	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1632	21021620	Lê Trọng Nghĩa	0		12.500.000		12.500.000	0	12.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1633	21021621	Vũ Văn Nghĩa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1634	21021622	Vũ Phương Nhi	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1635	21021623	Lê Tấn Phát	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1636	21021624	Nguyễn Đức Phú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1637	21021626	Nguyễn Minh Phúc	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
1638	21021627	Hồ Duy Phương	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
1639	21021628	Nguyễn Ngọc Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1640	21021629	Tổng Nhật Quang	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1641	21021630	Nguyễn Anh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1642	21021631	Bùi Quý Sang	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1643	21021632	Trần Thị Ngọc Tâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1644	21021634	Phạm Quốc Thái	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1645	21021635	Nguyễn Hữu Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1646	21021637	Phạm Lê Đức Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1647	21021638	Phạm Minh Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1648	21021639	Nguyễn Quang Thịnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1649	21021640	Nguyễn Thành Trung	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
1650	21021642	Nguyễn Anh Tuấn	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1651	21021643	Nguyễn Bá Tuấn	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1652	21021644	Nguyễn Quốc Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1653	21021645	Mai Thanh Tùng	0		17.500.000	-936.000	16.564.000	0	16.564.000	
1654	21021646	Nguyễn Thanh Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1655	21021647	Đào Lê Khang Uyn	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
1656	21021648	Nguyễn Sĩ Việt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
1657	21021649	Dương Nguyễn Gia Vinh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
1658	21021650	Nguyễn Đình Quang Vinh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
1659	21021651	Nguyễn Tấn Anh Vũ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1660	21021653	Vũ Đức Vượng	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
1661	21021656	Bàn Văn Hiếu	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
1662	21021657	Ma Công Hiếu	0		4.260.000		4.260.000	0	4.260.000	
1663	21021658	Hà Duy Khánh	0		2.700.000		2.700.000	0	2.700.000	
1664	21021660	Lương Phùng Nhâm	0		3.810.000		3.810.000	0	3.810.000	
1665	21021661	Hoàng Thanh Tùng	0		5.850.000		5.850.000	0	5.850.000	
1666	21021662	Đình Quang Dự	0		6.510.000		6.510.000	0	6.510.000	
1667	21021663	Hoàng Quang Huy	0		1.350.000		1.350.000	0	1.350.000	
1668	21021664	Lục Thành Lương	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
1669	21021669	Bùi Minh Hoàng	0		8.550.000		8.550.000	0	8.550.000	
1670	21021670	Đoàn Minh Châu	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1671	21021671	Bùi Bảo Tín	0		11.760.000		11.760.000	0	11.760.000	
1672	21021674	Bùi Quang Huy	0		9.000.000		9.000.000	0	9.000.000	
1673	21021675	Phạm Anh Quân	0		9.450.000		9.450.000	0	9.450.000	
1674	21021676	Nguyễn Quang Huy	0		11.250.000		11.250.000	0	11.250.000	
1675	21021680	PHOUKHANKHAM SOUTHISAN	-1.350.000		5.400.000		5.400.000	0	4.050.000	
1676	21021681	BUASY SYDAVONG	-1.350.000		1.800.000		1.800.000	0	450.000	
1677	21021683	Tô Tuấn Dũng	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
1678	22020100	Trần Đức Hiếu	0		8.670.000		8.670.000	0	8.670.000	
1679	22020101	Nguyễn Hải Long	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1680	22020102	Nguyễn Đan Trường	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	
1681	22020103	Vũ Việt Hùng	1.780.000		12.240.000		12.240.000	0	14.020.000	Nợ 1 phần K1/24-25
1682	22020104	Trần Ngọc Minh	0		11.220.000		11.220.000	0	11.220.000	
1683	22020107	Nguyễn Ngọc Tinh	0		8.670.000		8.670.000	0	8.670.000	
1684	22020109	Nguyễn Việt Hưng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1685	22020111	Nguyễn Anh Kiệt	0		13.515.000		13.515.000	0	13.515.000	
1686	22020112	Chu Mạnh Tùng	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	
1687	22020113	Đỗ Minh Thu	0		8.160.000		8.160.000	0	8.160.000	
1688	22020114	Nguyễn Phú Sáng	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	
1689	22020115	Nguyễn Sơn Tùng	0		12.750.000		12.750.000	0	12.750.000	
1690	22020116	Nguyễn Văn Dư	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1691	22020117	Phạm Thị Thu Hoài	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1692	22020118	Đinh Thị Hồng Nhung	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1693	22020119	Nguyễn Thị Vân	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1694	22020121	Lê Thị Khánh Huyền	0		8.670.000		8.670.000	0	8.670.000	
1695	22020122	Lê Thanh Tình	0		11.985.000		11.985.000	0	11.985.000	
1696	22020123	Trần Thị Hằng	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	
1697	22020124	Đinh Thị Thùy Trang	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1698	22020126	Hoàng Mạnh Lộc	0		12.495.000		12.495.000	0	12.495.000	
1699	22020131	Hoàng Ngọc Yển	0		10.965.000		10.965.000	0	10.965.000	
1700	22020132	Phạm Quang Vũ	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	
1701	22020133	Nguyễn Văn Quyết	0		10.200.000		10.200.000	0	10.200.000	
1702	22020134	Phạm Văn Hùng	0		12.495.000		12.495.000	0	12.495.000	
1703	22020135	Nguyễn Thị Thảo	0		8.160.000		8.160.000	0	8.160.000	
1704	22020137	Nguyễn Thị Huyền	0		12.495.000		12.495.000	0	12.495.000	
1705	22020138	Vũ Danh Thái	0		4.590.000		4.590.000	0	4.590.000	
1706	22021100	Nguyễn Bá Hoàng Anh	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1707	22021101	Nguyễn Bằng Anh	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	
1708	22021102	Nguyễn Đức Anh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1709	22021104	Trần Tuấn Bình	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1710	22021105	Vũ Minh Châu	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	
1711	22021106	Nguyễn Minh Hiền	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1712	22021108	Vũ Huy Hoàng	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1713	22021109	Nguyễn Đức Hùng	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1714	22021110	Nguyễn Quang Huy	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1715	22021111	Trần Vũ Đức Huy	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1716	22021113	Nguyễn Đức Kiên	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1717	22021114	Nguyễn Văn Lợi	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1718	22021115	Đào Lê Bảo Minh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1719	22021116	Vũ Văn Minh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1720	22021117	Nguyễn Tân Nguyên	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1721	22021119	Mẫn Thị Bích Phương	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1722	22021120	Nguyễn Văn Quang	6.120.000		9.945.000		9.945.000	0	16.065.000	GDQP
1723	22021121	Nguyễn Đăng Quân	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1724	22021122	Nguyễn Hồng Quân	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1725	22021123	Nguyễn Chí Thanh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1726	22021124	Lưu Huy Thành	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1727	22021125	La Nguyễn Thị Trâm	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1728	22021126	Đặng Nguyễn Duy Trú	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1729	22021127	Phạm Xuân Trung	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1730	22021128	Phạm Thanh Tùng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1731	22021129	Hoàng Quốc Việt	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1732	22021131	Ngô Thành Minh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1733	22021132	Bùi Nguyễn Công Bằng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1734	22021133	Nguyễn Hùng Dũng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1735	22021134	Đặng Thanh Quang	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1736	22021135	Nguyễn Thị Hoài Thu	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1737	22021136	Đỗ Việt Minh	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
1738	22021138	Nguyễn Hữu Phú	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1739	22021140	Nguyễn Đức Anh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1740	22021141	Nguyễn Đình Nguyên	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1741	22021142	Mễ Quang Huy	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1742	22021143	Nguyễn Văn Thịnh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1743	22021144	Tiên Minh Hòa	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1744	22021145	Đào Đức Anh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1745	22021146	Lương Ngọc Tuấn	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1746	22021147	Đoàn Văn Giáp	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1747	22021148	Trần Đức Lương	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1748	22021149	Vi Văn Quân	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1749	22021150	Nguyễn Đức Thành	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1750	22021151	Hoàng Đức Mạnh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1751	22021152	Lôi Đình Nhất	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1752	22021153	Đặng Minh Quân	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1753	22021154	Nguyễn Hữu Thắng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1754	22021155	Bùi Đức Đăng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1755	22021156	Lương Thế Quyền	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1756	22021157	Trần Thanh Thảo	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1757	22021158	Nguyễn Khánh Linh	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1758	22021159	Nguyễn Văn Sáng	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1759	22021160	Nguyễn Việt Hưng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1760	22021161	Vũ Văn Hậu	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1761	22021162	Nguyễn Việt Anh	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
1762	22021163	Bùi Văn Hòa	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1763	22021164	Nguyễn Đức Thiện	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1764	22021165	Trần Anh Đức	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1765	22021166	Nguyễn Quang Ninh	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1766	22021167	Đinh Thị Phương Thanh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1767	22021168	Nguyễn Việt An	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1768	22021169	Nguyễn Ngọc Hiệp	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1769	22021170	Hoàng Ngọc Hưng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1770	22021172	Tô Hữu Bằng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1771	22021173	Đinh Đức Tài	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1772	22021174	Nguyễn Thế Vinh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1773	22021175	Nguyễn Đức Bảo Thắng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1774	22021176	Lê Hoàng Vũ	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1775	22021177	Trần Lê Quý Đăng	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1776	22021178	Hoàng Công Hữu	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1777	22021179	Vy Anh Dũng	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	
1778	22021180	Trần Văn Công	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1779	22021183	Bùi Đỗ Khôi Nguyên	0		4.755.000		4.755.000	0	4.755.000	
1780	22021184	Nguyễn Sinh Hùng	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1781	22021185	Lê Thái Sơn	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1782	22021186	Nguyễn Đức Huy	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
1783	22021187	Lường Thị Hảo	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
1784	22021188	Nguyễn Hà Vương Ngọc	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1785	22021189	Đinh Hoàng Nam	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1786	22021190	Trần Anh Tú	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1787	22021191	Nguyễn Xuân Khải	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1788	22021192	Nguyễn Ngọc Tùng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1789	22021193	Diệp Xuân Linh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1790	22021194	Nguyễn Văn Sớm	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1791	22021196	Đỗ Trọng Bình	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1792	22021197	Lê Tiến Thực	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1793	22021198	Trần Văn Quang	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1794	22021199	Phạm Minh Quý	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1795	22021201	Bùi Đức Duy	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1796	22021202	Vũ Văn Huy	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1797	22021203	Nguyễn Tiến Dũng	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	
1798	22021204	Trịnh Quốc Khánh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1799	22021205	Nguyễn Đình Trường	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1800	22021206	Nguyễn Đức Anh Tuấn	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1801	22021207	Nguyễn Thị Cát Tường	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1802	22021208	Trần Hậu Nam	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1803	22021209	Lê Quang Thắng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1804	22021210	Hoàng Đức Bách	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
1805	22021211	Nguyễn Việt Cường	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1806	22021212	Lê Vũ Việt Anh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1807	22021213	Đặng Việt Thành	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1808	22021215	Lương Mạnh Linh	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
1809	22021216	Hoàng Lê Kim Long	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1810	22021217	Lý Hồng Đức	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1811	22021218	Dương Minh Hoàng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1812	22021219	Hoàng Thiên Trường	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1813	22021220	Phạm Hồng Phúc	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1814	22021221	Nguyễn Kiên Trung	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1815	22021222	Lê Bá Quang Minh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1816	22021223	Lay Thành Đạt	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
1817	22021224	Mai Hoàng Bách	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1818	22021225	Bùi Tùng Lâm	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
1819	22021226	Quách Việt Anh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1820	22021500	Nguyễn Việt Tiến	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1821	22021501	Phạm Quốc Công	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1822	22021502	Đỗ Hoàng Giang	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
1823	22021503	Lê Công Việt Anh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1824	22021504	Nguyễn Bình Minh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1825	22021505	Dương Văn Nam	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1826	22021506	Nguyễn Duy Minh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1827	22021507	Vũ Trọng Mạnh	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1828	22021508	Bùi Tuấn Hưng	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1829	22021509	Nguyễn Trọng Tiến	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1830	22021510	Nguyễn Thành Đạt	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1831	22021511	Nguyễn Văn Quân	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1832	22021512	Nguyễn Mạnh Kiên	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1833	22021513	Nguyễn Đức Hoàng Việt	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1834	22021514	Nguyễn Tiến Mạnh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1835	22021515	Nguyễn Đình Phong	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1836	22021516	Đỗ Văn Nghĩa	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1837	22021517	Đào Quang Tiến	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
1838	22021518	Long Quang Khải	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1839	22021519	Lê Hoàng Anh Lượng	0		4.755.000		4.755.000	0	4.755.000	
1840	22021520	Kiều Văn Liêm	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1841	22021521	Hồ Sỹ Hưng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1842	22021522	Nguyễn Tiến Thành	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1843	22021523	Phan Minh Quang	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1844	22021524	Hoàng Thái Sơn	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
1845	22021525	Trần Quang Dũng	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1846	22021526	Ngô Quang Minh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1847	22021527	Phạm Quang Huy	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1848	22021528	Nguyễn Đỗ Quốc Bảo	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1849	22021529	Phan Nhật Anh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1850	22021530	Nguyễn Văn Duy	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1851	22021531	Trần Chí Trường	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1852	22021532	Triệu Quang Đông	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1853	22021533	Tạ Đình Giáp	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1854	22021534	Nguyễn Việt Anh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1855	22021535	Nguyễn Bá Năng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1856	22021536	Trần Đức Mạnh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1857	22021537	Phạm Hoàng Long	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1858	22021538	Lê Phương Đông	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1859	22021539	Nguyễn Đình Hiếu	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1860	22021540	Dương Hoàng Hải	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1861	22021541	Bùi Thiên Vương	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1862	22021542	Bùi Quang Thắng	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1863	22021543	Nguyễn Hữu Hiệp	-30.000		12.240.000		12.240.000	0	12.210.000	
1864	22021544	Bùi Công Liêm	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1865	22021545	Phí Anh Nhân	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1866	22021546	Nguyễn Thái Bảo	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1867	22021548	Nguyễn Tuấn Anh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1868	22021549	Cao Văn Mạnh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1869	22021550	Đào Đức Lương	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1870	22021551	Đào Phương Nam	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1871	22021552	Trần Minh Quang	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1872	22021553	Phạm Khánh Duy	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1873	22021554	Nguyễn Minh Quang	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1874	22021555	Nguyễn Công Thành	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
1875	22021556	Nguyễn Văn Đại	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1876	22021557	Quách Đức Mạnh	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1877	22021558	Phạm Quốc Huy	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1878	22021559	Phạm Xuân Thắng	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1879	22021560	Hoàng Văn Tiến	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1880	22021561	Phạm Minh Đồng	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1881	22021563	Nguyễn Văn Dương	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1882	22021564	Hà Đại Dương	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1883	22021565	Trương Xuân Du	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1884	22021566	Lê Thiêm Giang	0		6.120.000		6.120.000	0	6.120.000	
1885	22021567	Lê Văn Giáp	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1886	22021568	Nguyễn Nhật Duy	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1887	22021569	Vương Hoàng Chiến	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1888	22021570	Nguyễn Quang Minh	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1889	22021571	Dương Hoàng Quân	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1890	22021572	Nguyễn Hữu Công	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1891	22021573	Nguyễn Phùng Việt Anh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1892	22021574	Nguyễn Như Tâm	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1893	22021575	Nguyễn Minh Khoa	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1894	22021576	Lê Văn Chiến	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1895	22021577	Lê Văn Thành Long	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1896	22021578	Bùi Nhật Huy	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1897	22021579	Trần Khoa An	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1898	22021580	Bạch Hải Lộc	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1899	22021581	Lại Trung Nghĩa	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1900	22021582	Hoàng Minh Đức	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1901	22021583	Vũ Trung Hiếu	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1902	22021584	Phạm Duy Phong	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1903	22021585	Bùi Trọng Bảo Long	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1904	22021586	Lê Ngọc Đức	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
1905	22021587	Lê Đức Cảnh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1906	22021588	Bùi Anh Tuấn	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1907	22021589	Nguyễn Hưng Nguyên	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1908	22021590	Hoàng Thái Sơn	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1909	22022100	Phạm Văn Nam	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1910	22022101	Trần Xuân Lộc	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
1911	22022102	Vũ Đình Vương	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1912	22022103	Ngô Đức Hiếu	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1913	22022104	Nghiêm Đình Dương	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1914	22022105	Nguyễn Mạnh Dũng	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1915	22022106	Vũ Thế Quân	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1916	22022107	Vũ Minh Hoàng Tùng	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1917	22022108	Nguyễn Long Vũ	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1918	22022109	Nguyễn Quang Minh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1919	22022110	Nguyễn Đức Triệu	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1920	22022111	Vũ Hải Triều	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1921	22022112	Phạm Ngọc Khánh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1922	22022113	Nguyễn Tiến Dũng	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1923	22022114	Vũ Anh Tuấn	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1924	22022115	Lê Phạm Hải Nam	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1925	22022116	Đường Văn Long	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1926	22022117	Nguyễn Phong Tấn	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1927	22022118	Phạm Văn Duy	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1928	22022119	Trịnh Minh Khanh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1929	22022120	Tô Hồng Khánh	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1930	22022121	Đỗ An Duy	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1931	22022122	Đoàn Hải Dương	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1932	22022123	Trần Quốc Toàn	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1933	22022124	Nguyễn Huy Toàn	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1934	22022125	Trần Ngọc Tú	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1935	22022126	Lê Anh Huy	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1936	22022127	Lê Văn Tuệ	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
1937	22022128	Lê Văn Hưng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1938	22022129	Vương Hoàng Quý	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1939	22022130	Bùi Việt Hoàng	0		12.405.000		12.405.000	0	12.405.000	
1940	22022131	Lao Văn Hùng	0		4.755.000		4.755.000	0	4.755.000	
1941	22022132	Quách Ngọc Quang	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1942	22022133	Nguyễn Năng Dương	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1943	22022134	Nguyễn Phú Trọng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1944	22022135	Doãn Đức Minh	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
1945	22022136	Lương Quốc Hùng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1946	22022137	Nguyễn Việt Hải	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
1947	22022139	Nguyễn Mạnh Phúc Lộc	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1948	22022140	Nguyễn Hoàng Phương	0		2.295.000		2.295.000	0	2.295.000	
1949	22022141	Nông Minh Khánh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1950	22022142	Giang Văn Huy	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1951	22022143	Trần Duy Khánh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1952	22022144	Nguyễn Đức Long	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1953	22022145	Tạ Đình Kiên	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1954	22022146	Hoàng Ngọc Minh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1955	22022147	Nguyễn Tuấn Quang	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1956	22022148	Nguyễn Quang Duy	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1957	22022149	Nguyễn Đức Dũng	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1958	22022150	Nguyễn Xuân Huy	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
1959	22022151	Nguyễn Đăng Giáp	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1960	22022152	Nguyễn Hữu Thắng	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1961	22022153	Đỗ Thành Hưng	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
1962	22022154	Phạm Ngọc Đô	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1963	22022155	Phạm Văn Phan	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1964	22022156	Dương Minh Vương	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
1965	22022157	Đặng Minh Dương	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1966	22022158	Nguyễn Văn Diện	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
1967	22022159	Bùi Minh Huy	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1968	22022160	Nguyễn Tuấn Phong	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1969	22022161	Nguyễn Trọng Nam	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1970	22022162	Nguyễn Văn Bình	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
1971	22022163	Đỗ Nhất Anh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1972	22022164	Lê Quốc Việt	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1973	22022165	Nguyễn Hoàng Nam	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
1974	22022166	Nguyễn Thị Kiều Trang	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1975	22022167	Đoàn Đức Mạnh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1976	22022168	Nguyễn Tuấn Anh	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
1977	22022169	Phạm Quốc Huy	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1978	22022170	Phạm Anh Tuấn	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1979	22022171	Nguyễn Đức Anh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1980	22022172	Đào Văn Đạt	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1981	22022173	Nguyễn Trọng Hoàng	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1982	22022174	Phạm Gia Khánh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1983	22022175	Nguyễn Quốc Toàn	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1984	22022176	Cao Lê Phụng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1985	22022177	Lê Hoàng Trung	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1986	22022178	Nguyễn Minh Phúc	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1987	22022179	Lưu Công Hải	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1988	22022181	Lê Vũ Đức Hiếu	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1989	22022182	Phạm Hữu Hoàng	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
1990	22022183	Nguyễn Quốc Cường	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1991	22022184	Nguyễn Thùy Linh	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
1992	22022185	Vũ Minh Chiến	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
1993	22022186	Vũ Quang Duy	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1994	22022187	Lê Thị Hồng Hoa	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
1995	22022188	Cao Song Toàn	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
1996	22022189	Trần Đức Anh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1997	22022190	Trần Đức Việt Anh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
1998	22022191	Lê Mai Việt Hoàng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
1999	22022192	Lê Thành Nam	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2000	22022193	Đặng Hoàng Nam	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2001	22022194	Lê Doãn Tuấn	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2002	22022195	Nguyễn Đức Việt	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2003	22022196	Nguyễn Hữu Trọng Anh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2004	22022197	Lâm Chiêu Phan	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2005	22022198	Nguyễn Thành Đạt	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2006	22022199	Nguyễn Tất Thắng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2007	22022200	Võ Văn Cường	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2008	22022201	Phan Đình Danh	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
2009	22022202	Nguyễn Tuấn Khải	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2010	22022203	Lê Trương Nguyễn Hoàng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2011	22022204	Nguyễn Văn Phong	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2012	22022206	Hoàng Anh Dũng	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2013	22022207	Nguyễn Minh Đức	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2014	22022208	Dương Trung Hiếu	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2015	22022210	Hưng Minh Tuấn	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2016	22022211	Đào Đình Hưng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2017	22022212	Nguyễn Thành Lâm	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2018	22022213	Trần Duy Hưng	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
2019	22022214	Trần Duy Thúc	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2020	22022215	Lê Thế Minh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2021	22022216	Lê Anh Đức	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2022	22022217	Dương Minh Kiên	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2023	22022500	Nguyễn Quý Đăng	0		4.590.000	-780.000	3.810.000	0	3.810.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2024	22022501	Vũ Văn Long	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0	7.635.000	
2025	22022502	Nguyễn Hoàng Vũ	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2026	22022503	Nguyễn Nhật Minh	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0	7.635.000	
2027	22022504	Nguyễn Đức Anh	0		6.885.000	-780.000	6.105.000	0	6.105.000	
2028	22022505	Chu Hữu Đăng Trường	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	
2029	22022508	Ngô Việt Anh	0		11.475.000	-780.000	10.695.000	0	10.695.000	
2030	22022509	Nguyễn Trường Huy	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2031	22022510	Nguyễn Công Hiếu	0		12.240.000	-780.000	11.460.000	0	11.460.000	
2032	22022511	Nguyễn Việt Bắc	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0	7.635.000	
2033	22022512	Nguyễn Nam Dương	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0	6.870.000	
2034	22022513	Trần Hùng Đức	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2035	22022514	Vũ Đức Anh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2036	22022515	Vũ Trung Hiếu	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2037	22022516	Nguyễn Mạnh Cường	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0	6.870.000	
2038	22022517	Bùi Tiến Sâm	0		3.825.000	-780.000	3.045.000	0	3.045.000	
2039	22022518	Quách Đắc Chính	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2040	22022519	Quản Xuân Sơn	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2041	22022520	Phạm Long Nhật	0		6.395.000		6.395.000	0	6.395.000	
2042	22022521	Nguyễn Văn Mạnh	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	
2043	22022522	Đàm Thái Ninh	0		6.120.000	-780.000	5.340.000	0	5.340.000	
2044	22022523	Trần Văn Dy	0		6.120.000		6.120.000	0	6.120.000	
2045	22022524	Phùng Đình Thuận	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0	9.945.000	
2046	22022525	Trần An Thắng	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2047	22022526	Nguyễn Trần Hải Ninh	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2048	22022527	Phan Văn Hiếu	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2049	22022528	Lê Anh Tiến	0		16.830.000	-765.000	16.065.000	0	16.065.000	
2050	22022529	Bùi Quang Vinh	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0	7.650.000	
2051	22022530	Nguyễn Nhật Tân	0		10.710.000	-780.000	9.930.000	0	9.930.000	
2052	22022531	Đinh Duy Bách	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2053	22022532	Trần Kim Thành	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2054	22022533	Nguyễn Đức Minh	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2055	22022534	Nguyễn Phan Hiền	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2056	22022535	Lê Hữu Đức	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2057	22022536	Trịnh Minh Hiếu	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2058	22022537	Đỗ Minh Nhật	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0	6.870.000	
2059	22022538	Tổng Duy Tân	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2060	22022539	Nguyễn Bảo Sơn	0		16.065.000	-765.000	15.300.000	0	15.300.000	
2061	22022540	Phạm Thị Kim Huệ	0		5.355.000	-780.000	4.575.000	0	4.575.000	
2062	22022541	Nguyễn Tiến Trung	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2063	22022542	Nguyễn Minh Hường	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2064	22022543	Đoàn Nhật Bình	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0	7.635.000	
2065	22022544	Lê Nguyên Vũ	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2066	22022545	Nguyễn Trọng Huy	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0	14.535.000	
2067	22022546	Tạ Nguyên Dũng	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2068	22022547	Nguyễn Phú Lộc	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2069	22022548	Hoàng Đăng Khoa	0		9.180.000	-780.000	8.400.000	0	8.400.000	
2070	22022549	Khổng Ngọc Anh	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0	6.885.000	
2071	22022550	Đặng Văn Khải	0		11.475.000	-780.000	10.695.000	0	10.695.000	
2072	22022551	Bùi Ngọc Khánh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2073	22022552	Trần Đức Đăng Khôi	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
2074	22022553	Nguyễn Quốc Tuấn	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2075	22022554	Nguyễn Gia Lộc	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2076	22022555	Vũ Minh Đăng	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2077	22022556	Vũ Minh Khải	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2078	22022557	Đỗ Tiến Dũng	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2079	22022558	Nguyễn Xuân Trinh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2080	22022559	Bùi Duy Quảng	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2081	22022560	Phạm Khắc Tiếp	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
2082	22022561	Đỗ Quang Dũng	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2083	22022562	Cao Tuấn Anh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2084	22022563	Lê Hoàng Anh	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2085	22022564	Phạm Văn Trường	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2086	22022565	Nguyễn Công Huỳnh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2087	22022566	Nguyễn Kim Hoàng Anh	0		9.180.000	-780.000	8.400.000	0	8.400.000	
2088	22022567	Hồ Minh Hoàng	-150.000		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.265.000	
2089	22022568	Phó Viết Tiến Anh	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2090	22022569	Trần Nam Anh	0		9.180.000	-780.000	8.400.000	0	8.400.000	
2091	22022570	Lê Hữu Phúc	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2092	22022571	Nguyễn Văn Trường	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2093	22022572	Bùi Trọng Anh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2094	22022573	Đỗ Xuân Cảnh	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2095	22022574	Bùi Văn Khải	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2096	22022575	Bùi Duy Hải	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2097	22022576	Lê Trung Hiếu	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2098	22022577	Đỗ Ngọc Anh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2099	22022578	Chu Thân Nhất	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2100	22022579	Nguyễn Bình Minh	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2101	22022580	Vũ Đình Thọ	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2102	22022581	Nguyễn Đức Thành	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2103	22022582	Nguyễn Quang Huy	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2104	22022583	Nguyễn Huy Hoàng Anh	0		19.890.000	-765.000	19.125.000	0	19.125.000	
2105	22022584	Nguyễn Huy Hoàng	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2106	22022585	Vũ Việt Hùng	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2107	22022586	Nguyễn Duy Hậu	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0	14.535.000	
2108	22022587	Vũ Minh Đức	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2109	22022588	Ngô Xuân Mạnh	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2110	22022589	Đào Duy Hưng	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2111	22022590	Ngô Huy Hoàn	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2112	22022591	Nguyễn Xuân Hiệp	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2113	22022593	Nguyễn Phương Đông	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0	14.535.000	
2114	22022594	Trần Tiến Nam	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2115	22022595	Nguyễn Văn Hải	0		2.295.000	-765.000	1.530.000	0	1.530.000	
2116	22022596	Nguyễn Văn Thân	0		6.885.000	-765.000	6.120.000	0	6.120.000	
2117	22022597	Trịnh Đắc Phú	0		7.650.000	-780.000	6.870.000	0	6.870.000	
2118	22022598	Nguyễn Ngô Việt Trung	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2119	22022599	Đỗ Hải Hà	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2120	22022600	Nguyễn Hải Nam	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2121	22022601	Cao Đăng Quốc Vương	0		16.830.000	-765.000	16.065.000	0	16.065.000	
2122	22022602	Bùi Đức Mạnh	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	
2123	22022603	Nguyễn Trọng Khánh	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2124	22022604	Phạm Thành Long	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2125	22022605	Nguyễn Duy Minh Lâm	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2126	22022606	Dương Minh Đức	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	
2127	22022607	Phạm Công Đức	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2128	22022608	Nguyễn Đức Tước	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2129	22022609	Nguyễn Minh Hiếu	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2130	22022610	Vũ Minh Hiếu	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2131	22022611	Hoàng Bùi Tuấn Anh	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2132	22022612	Chu Huỳnh Đức	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2133	22022613	Nguyễn Bảo Sơn	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2134	22022614	Phạm Đăng Phong	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0	6.885.000	
2135	22022615	Đinh Văn Sinh	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2136	22022616	Vương Ngọc Quân	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2137	22022617	Đỗ Thị Thùy Trang	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2138	22022618	Phạm Thành Nam	0		16.065.000	-765.000	15.300.000	0	15.300.000	
2139	22022619	Nguyễn Quang Thao	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2140	22022620	Vũ Thành Đạt	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0	7.650.000	
2141	22022621	Hà Kim Dương	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2142	22022622	Lê Tuấn Anh	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0	9.945.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2143	22022623	Nguyễn Mạnh Hùng	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2144	22022624	Nguyễn Tuấn Thành	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2145	22022625	Phạm Anh Quân	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0	6.885.000	
2146	22022626	Hồ Hà Ngọc Nhất	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
2147	22022627	Lê Thành Đạt	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2148	22022628	Vũ Đình Quang Huy	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2149	22022629	Hồ Cảnh Quyền	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2150	22022630	Nguyễn Công Thành	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2151	22022631	Thái Thị Thùy Linh	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2152	22022632	Nguyễn Viết Vũ	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0	9.945.000	
2153	22022633	Trần Kim Dũng	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2154	22022634	Phạm Chiến	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2155	22022635	Nguyễn Tông Quân	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2156	22022636	Hà Như ý	0		9.945.000	-780.000	9.165.000	0	9.165.000	
2157	22022638	Dương Thị Thu Thảo	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2158	22022639	Trần Đức Hùng	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0	7.650.000	
2159	22022640	Nguyễn Lâm Tùng Bách	0		4.590.000		4.590.000	0	4.590.000	
2160	22022641	Hồ Lê Dương	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0	7.650.000	
2161	22022642	Lê Tuấn Anh	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2162	22022643	Ngô Văn Kiệt	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2163	22022644	Nguyễn Tiến Dũng	0		13.005.000	-780.000	12.225.000	0	12.225.000	
2164	22022645	Vũ Minh Tiến	0		5.355.000	-780.000	4.575.000	0	4.575.000	
2165	22022646	Trần Hồng Đăng	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2166	22022647	Bùi Thế Long	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2167	22022648	Phạm Quang Vinh	0		5.355.000	-780.000	4.575.000	0	4.575.000	
2168	22022649	Nguyễn Thế An	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2169	22022650	Bùi Việt Anh	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2170	22022651	Bàn Hoàng Sơn	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2171	22022652	Ngô Đức Hùng	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	
2172	22022653	Long Trí Thái Sơn	0		14.535.000	-780.000	13.755.000	0	13.755.000	
2173	22022654	Triệu Vũ Hoàn	0		11.475.000	-765.000	10.710.000	0	10.710.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2174	22022655	Nguyễn Đức Huy	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0	9.945.000	
2175	22022656	Nguyễn Phương Trang	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2176	22022657	Lê Văn Đức	0		15.300.000	-765.000	14.535.000	0	14.535.000	
2177	22022658	Nguyễn Tiến Khôi	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2178	22022659	Dương Phương Hiểu	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2179	22022660	Lý Quốc An	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2180	22022661	Nguyễn Đức Anh	0		8.415.000	-765.000	7.650.000	0	7.650.000	
2181	22022662	Hoàng Đình Hưng	0		10.710.000	-765.000	9.945.000	0	9.945.000	
2182	22022663	Hoàng Việt Tùng	0		7.650.000	-765.000	6.885.000	0	6.885.000	
2183	22022664	Đàm Văn Hiền	0		12.240.000	-765.000	11.475.000	0	11.475.000	
2184	22022665	Nguyễn Quang Trung	0		9.180.000	-765.000	8.415.000	0	8.415.000	
2185	22022666	Lê Việt Hùng	0		8.415.000	-780.000	7.635.000	0	7.635.000	
2186	22022667	Bùi Thế Huy	0		14.535.000	-765.000	13.770.000	0	13.770.000	
2187	22022668	Hoàng Ngọc Hào	0		13.770.000	-765.000	13.005.000	0	13.005.000	
2188	22022669	Trần Phạm Hoàng	0		13.005.000	-765.000	12.240.000	0	12.240.000	
2189	22022670	Cao Xuân Nguyên	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2190	22022671	Trần Quốc Sáng	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2191	22022672	Thái Nguyễn Hoàng Bách	0		9.945.000	-765.000	9.180.000	0	9.180.000	
2192	22022673	Long Hoàng Vinh	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
2193	22022674	Hồ Tú Minh	0		18.360.000	-765.000	17.595.000	0	17.595.000	
2194	22023100	Nguyễn Mạnh Trung	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2195	22023101	Nguyễn Doãn Thân	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	
2196	22023103	Tạ Việt Hùng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2197	22023104	Nguyễn Nhật Minh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2198	22023106	Nguyễn Công Tùng	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2199	22023107	Đinh Đức Duy	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2200	22023108	Ngô Quốc Đạt	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2201	22023109	Nguyễn Việt Anh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2202	22023110	Nguyễn Phú Đức	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2203	22023111	Kiều Xuân Phong	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2204	22023112	Nguyễn Ngọc Huyền	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2205	22023113	Hoàng Quốc Việt	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2206	22023114	Lê Văn Phong	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2207	22023115	Đình Hoài Nam	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2208	22023116	Lê Hoàng Phúc	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2209	22023117	Phùng Phương Nam	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2210	22023118	Nguyễn Hồng Sơn	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2211	22023119	Đỗ Tiến Mạnh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2212	22023120	Nguyễn Văn Tiến	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2213	22023121	Trương Ngọc Thân	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2214	22023122	Nguyễn Thanh An	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2215	22023123	Nguyễn Đình Vũ	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2216	22023125	Nguyễn Thế Cường	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2217	22023127	Vũ Thái Học	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2218	22023128	Lê Huy Cường	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2219	22023129	Nguyễn Văn Việt	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2220	22023132	Nhữ Đình Khánh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2221	22023134	Nguyễn Hải Long	4.000.000		16.830.000		16.830.000	0	20.830.000	Nợ 1 phần GDQP
2222	22023136	Phạm Tuấn Lộc	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
2223	22023137	Hoàng Quang Vinh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2224	22023139	Trần Quang Hưng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2225	22023140	Phạm Nguyễn Trọng Khiêm	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2226	22023141	Đặng Ngọc Thương	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2227	22023142	Lưu Văn An	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2228	22023143	Dương Thanh Hoan	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2229	22023144	Trần Đức Trung	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2230	22023145	Nguyễn Đức Long	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2231	22023146	Vũ Trung Huy	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
2232	22023148	Trần Ngọc Hiếu	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2233	22023149	Lương Thế Hoạt	24.585.000		2.295.000		2.295.000	0	26.880.000	Nợ K1/24-25 và GDQP

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2234	22023150	Trần Văn Diễm	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2235	22023151	Trần Tuấn Anh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2236	22023154	Đình Nam Anh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2237	22023156	Nguyễn Hoàng Giang	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2238	22023157	Lê Đức Độ	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2239	22023158	Nguyễn Văn Hưng	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2240	22023159	Trịnh Thị Nhật An	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2241	22023160	Trần Hoàng Thắng	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2242	22023161	Võ Đình Quân	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2243	22023162	Hoàng Văn Bảo	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2244	22023163	Nguyễn Quốc Hưng	20.000		16.065.000		16.065.000	0	16.085.000	Nợ lẻ
2245	22023164	Đào Duy Đạt	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2246	22023165	Sầm Nguyên Vũ	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2247	22023166	Nguyễn Đăng Sỹ	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2248	22023167	Trần Hữu Thắng	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2249	22023168	Nguyễn Hải Đăng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2250	22023169	Phan Thanh Bình	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2251	22023170	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2252	22023171	Bùi Tiến Mạnh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2253	22023172	Nguyễn Đức Duy	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
2254	22023173	Nguyễn Văn Sơn	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2255	22023174	Nguyễn Lê Trung Hải	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2256	22023175	Đặng Việt Bắc	-15.000		22.950.000		22.950.000	0	22.935.000	
2257	22023176	Đình Hồng Dương Huy	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2258	22023177	Hoàng Như Phương	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2259	22023178	Nguyễn Huy Công	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2260	22023179	Nguyễn Đàm San	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2261	22023180	Đỗ Quang Huy	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2262	22023181	Trương Thanh Bình	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2263	22023182	Nguyễn Tuấn Dương	19.525.000		13.005.000		13.005.000	0	32.530.000	Nợ K1/24-25
2264	22023183	Lê Trường Giang	6.120.000		17.595.000		17.595.000	0	23.715.000	GDQP
2265	22023184	Lê Thế Vũ	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2266	22023185	Dương Đình Vương	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
2267	22023187	Trương Tiến Quốc	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2268	22023500	Đoàn Minh Quân	0		15.300.000	-3.120.000	12.180.000	0	12.180.000	
2269	22023501	Trần Quang Vinh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2270	22023502	Tạ Khắc Thắng	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2271	22023504	Nguyễn Văn Ban	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2272	22023505	Phạm Tiến Đạt	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2273	22023506	Trần Thanh Tuấn	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2274	22023507	Bùi Văn An	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2275	22023508	Vũ Đức Hiếu	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2276	22023509	Lê Thị Thùy Linh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2277	22023510	Trần Gia Bách	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2278	22023513	Trương Công Thiện	0		15.300.000	-3.120.000	12.180.000	0	12.180.000	
2279	22023515	Phan Duy Báu	-663.390		15.300.000	-3.120.000	12.180.000	0	11.516.610	
2280	22023516	Nguyễn Thế Minh Tuấn	6.145.000		16.065.000		16.065.000	0	22.210.000	Nợ K1/24-25
2281	22024100	Nguyễn Anh Quân	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2282	22024101	Phạm Ngọc Yên	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2283	22024102	Vì Ngọc Trí	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
2284	22024103	Phạm Duy Mạnh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2285	22024104	Lê Bá Trường	6.120.000		13.770.000		13.770.000	0	19.890.000	GDQP => SV báo ko đăng ký và không học P.Đào tạo đã yêu cầu SV nộp giải trình.
2286	22024105	Kiều Thế Vinh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2287	22024106	Lưu Văn Biên	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2288	22024109	Trần Tiến Phong	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2289	22024110	Hoàng Thế Hải	0		5.355.000		5.355.000	0	5.355.000	
2290	22024111	Dương Văn Thiệp	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2291	22024112	Đào Xuân Thành	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2292	22024113	Nguyễn Xuân Thành	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2293	22024114	Bùi Văn Hồng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2294	22024115	Vũ Văn Khôi	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2295	22024116	Phạm Văn Quân	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2296	22024117	Dương Văn Chương	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2297	22024118	Phạm Văn Chung	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2298	22024119	Chu Văn Hưng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2299	22024120	Lê Thành Đạt	-6.120.000		19.890.000		19.890.000	0	13.770.000	
2300	22024121	Nguyễn Mạnh Tuấn	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2301	22024122	Lê Văn Công	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2302	22024123	Nguyễn Minh Hiếu	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2303	22024125	Đỗ Hải Lâm	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2304	22024127	Nguyễn Đức Hùng	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2305	22024128	Phạm Duy Lộc	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2306	22024129	Nguyễn Trung Kiên	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2307	22024130	Trần Quang Vinh	6.175.000		11.475.000		11.475.000	0	17.650.000	Nợ 1 phần K1/24-25 và GDQP
2308	22024131	Đỗ Đức Đô	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2309	22024132	Phạm Tiến Vượng	-1.000.000		14.535.000		14.535.000	0	13.535.000	
2310	22024133	Nguyễn Minh Hiếu	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2311	22024134	Bùi Quốc Huy	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2312	22024135	Phạm Tiến Đạt	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2313	22024136	Lưu Xuân Khánh	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2314	22024137	Đỗ Thế Dũng	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2315	22024138	Phạm Việt Anh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2316	22024140	Nguyễn Thế Anh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2317	22024141	Nguyễn Văn Minh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2318	22024142	Hoàng Việt Hùng	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2319	22024143	Phạm Hoàng Quân	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2320	22024144	Phạm Anh Tùng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2321	22024145	Phan Hiếu Phong	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2322	22024146	Phạm Quốc Trung	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2323	22024147	Phạm Tấn Phát	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2324	22024148	Lê Minh Khang	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2325	22024149	Nguyễn Bá Thi	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2326	22024150	Mai Tiến Dũng	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2327	22024151	Nguyễn Việt Quyết	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
2328	22024152	Phạm Tuấn Thi	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2329	22024153	Hoàng Đức Anh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2330	22024154	Đào Vũ Đông	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2331	22024155	Vũ Đức Duy	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2332	22024156	Vũ Xuân Trọng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2333	22024157	Dương Huy Hùng	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2334	22024158	Hoàng Văn Hiệp	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2335	22024159	Nguyễn Hữu Phi	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2336	22024160	Nguyễn Đình Vinh	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2337	22024161	Lường Minh Tuấn	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2338	22024162	Nguyễn Quốc Trung	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2339	22024163	Hoàng Quốc Khánh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2340	22024164	Lê Hoàng Lân	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2341	22024165	Lê Hồng Sơn	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2342	22024167	Hoàng Phước Đạt	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2343	22024168	Tạ Hữu Huy	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2344	22024169	Đặng Bá Kiên	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2345	22024172	Nguyễn Thế Sơn	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2346	22024173	Nguyễn Văn Hoàng	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2347	22024174	Nguyễn Nghĩa Tùng Dương	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2348	22024175	Nguyễn Hữu Đạt	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2349	22024176	Trần Xuân Bắc	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2350	22024177	Trần Văn Hùng	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2351	22024178	Nguyễn Trần Quang Huy	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2352	22024179	Vũ Trung Hiếu	14.040.000		21.420.000		21.420.000	0	35.460.000	Nợ K1/24-25 và GDQP

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2353	22024180	Nguyễn Việt Đức	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2354	22024181	Đỗ Hoàng Hiệp	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2355	22024182	Nguyễn Vũ Dũng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2356	22024183	Đỗ Anh Quân	0		19.890.000		19.890.000	0	19.890.000	
2357	22024184	Nguyễn Văn Nguyên	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2358	22024185	Nguyễn Như Hùng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2359	22024186	Nguyễn Văn Hiếu	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2360	22024187	Phạm Đắc Trung	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2361	22024188	Phạm Thanh Tùng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2362	22024189	Đào Quang Hiệu	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2363	22024190	Nguyễn Việt Hùng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2364	22024191	Mai Thanh Huân	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2365	22024192	Bùi Đức Lâm	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2366	22024193	Nguyễn Thái Gia Bảo	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2367	22024195	Nguyễn Kim Quang Huy	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2368	22024196	Phạm Thế Vinh	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2369	22024500	Lê Minh Tâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2370	22024501	Nguyễn Khắc An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2371	22024502	Hồ Trung Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2372	22024503	Phùng Khôi Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2373	22024504	Nguyễn Đức Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2374	22024505	Nguyễn Hà Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2375	22024506	Lê Xuân Bách	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2376	22024508	Trần Vỹ Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2377	22024510	Lê Ngọc Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2378	22024511	Trần Minh Khanh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2379	22024512	Nguyễn Duy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2380	22024513	Lưu Quý Lân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2381	22024514	Mạc Minh Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2382	22024515	Hồ Nguyên Lượng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2383	22024516	Nguyễn Thị Thanh Lam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2384	22024517	Hoàng Thu Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2385	22024518	Nguyễn Tuấn Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2386	22024519	Nguyễn Tuấn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2387	22024520	Lê Hồng Triệu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2388	22024521	Lưu Quang Khải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2389	22024522	Trần Hoàng Lương	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2390	22024523	Nguyễn Thị ánh Tuyết	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2391	22024524	Ngô Ngọc ánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2392	22024525	Phạm Thị Tùng Chi	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2393	22024526	Ngô Mạnh Tiến	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
2394	22024527	Nguyễn Tiến Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2395	22024528	Nguyễn Đức Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2396	22024529	Phan Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2397	22024530	Đỗ Trần Văn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2398	22024531	Phạm Tiến Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2399	22024532	Nguyễn Đăng Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2400	22024533	Nguyễn Quý Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2401	22024534	Nguyễn Tiến Việt Hải	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
2402	22024535	Đoàn Ngọc Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2403	22024536	Nguyễn Anh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2404	22024538	Trần Hữu Mạnh	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	
2405	22024539	Vũ Hải Long	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2406	22024540	Nguyễn Đức Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2407	22024541	Đỗ Tuấn Thành	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2408	22024542	Nguyễn Duy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2409	22024544	Lê Đức Thịnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2410	22024545	Hoàng Bảo An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2411	22024546	Lê Tuấn Kiệt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2412	22024547	Nguyễn Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2413	22024548	Phạm Thu Trang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2414	22024549	Nguyễn Thị Hương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2415	22024551	Hoàng Văn Lộc	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2416	22024552	Hà Đăng Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2417	22024553	Nguyễn Trung Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2418	22024554	Nguyễn Tuấn Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2419	22024555	Nguyễn Hoàng Phúc	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2420	22024556	Hoàng Bảo Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2421	22024558	Lương Gia Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2422	22024559	Lê Hoàng Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2423	22024560	Đỗ Quang Trung	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2424	22024561	Phạm Văn Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2425	22024562	Phạm Thế Duyệt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2426	22024564	Lê Quốc Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2427	22024565	Lê Văn Hoàng Khang	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
2428	22024566	Phan Đức Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2429	22024567	Hoàng Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2430	22024568	Nguyễn Đăng Nam Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2431	22024569	Nguyễn Thị Hồng Nhưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2432	22024570	Hồ Anh Thơ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2433	22024571	Nguyễn Thị Thu Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2434	22024572	Phạm Hương Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2435	22024573	Nguyễn Yến Nhi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2436	22024574	Nguyễn Văn Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2437	22024575	Đặng Sỹ Toàn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2438	22024576	Đào Nguyên Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2439	22024577	Hoàng Đình Hoàn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2440	22024578	Nguyễn Thế Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2441	22024579	Nguyễn Vũ Khánh Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2442	22024580	Thái Thị Diệp	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2443	22025100	Phạm Huy Hoà	0		9.510.000		9.510.000	0	9.510.000	
2444	22025102	Nguyễn Xuân Thành	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2445	22025103	Dương Thành Huy	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2446	22025104	Nguyễn Hữu Hiệp	0		14.582.000		14.582.000	0	14.582.000	
2447	22025105	Nguyễn Việt Tình	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2448	22025107	Phùng Mạnh Công	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2449	22025108	Phùng Văn Trọng	0		13.073.000		13.073.000	0	13.073.000	
2450	22025109	Hoàng Nhật Nam	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2451	22025110	Lê Duy Thắng	0		8.876.000		8.876.000	0	8.876.000	
2452	22025111	Nguyễn Việt Hùng	0		11.674.000		11.674.000	0	11.674.000	
2453	22025112	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	0		16.133.000		16.133.000	0	16.133.000	
2454	22025113	Long Thị Cẩm Nhung	0		11.412.000		11.412.000	0	11.412.000	
2455	22025114	Trần Minh Quang	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2456	22025115	Nguyễn Nhật Tân	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2457	22025119	Nguyễn Minh Quân	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2458	22025120	Đào Duy Thái	0		14.341.000		14.341.000	0	14.341.000	
2459	22025121	Nguyễn Duy Thái	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2460	22025122	Lê Thanh Phan	0		11.674.000		11.674.000	0	11.674.000	
2461	22025123	Bùi Tuấn Anh	5.072.000		12.680.000		12.680.000	0	17.752.000	GDQP
2462	22025124	Mai Công Đoàn	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2463	22025125	Đặng Tuấn Phong	0		11.936.000		11.936.000	0	11.936.000	
2464	22025126	Chu Quốc Hùng	0		8.876.000		8.876.000	0	8.876.000	
2465	22025127	Đỗ Thủy Ngân	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2466	22025128	Hồ Tiến Thịnh	0		13.073.000		13.073.000	0	13.073.000	
2467	22025129	Nguyễn Đắc Hùng	0		14.975.000		14.975.000	0	14.975.000	
2468	22025130	Lê Tuấn Anh	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2469	22025131	Nguyễn Quang Tiến	0		15.478.000		15.478.000	0	15.478.000	
2470	22025132	Ngô Huy Hoàng	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2471	22025133	Nguyễn Tùng Lâm	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2472	22025134	Hoàng Việt Dũng	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2473	22025135	Phạm Văn Đức	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2474	22025136	Nguyễn Thanh Bình	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2475	22025137	Lê Trung Kiên	0		8.876.000		8.876.000	0	8.876.000	
2476	22025138	Nguyễn Kim Việt Anh	0		13.204.000		13.204.000	0	13.204.000	
2477	22025140	Đỗ Trần Hợp	0		14.603.000		14.603.000	0	14.603.000	
2478	22025141	Nguyễn Thành Vinh	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2479	22025143	Nguyễn Hiểu Minh	0		11.412.000		11.412.000	0	11.412.000	
2480	22025144	Đặng Nguyễn Việt Anh	0		14.603.000		14.603.000	0	14.603.000	
2481	22025145	Tạ Tiến Long	0		13.969.000		13.969.000	0	13.969.000	
2482	22025146	Phạm Quang Khải	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2483	22025147	Phạm Công Toàn	0		13.314.000		13.314.000	0	13.314.000	
2484	22025148	Phan Ngọc Sơn	0		15.237.000		15.237.000	0	15.237.000	
2485	22025149	Lê Quý Dương	0		9.510.000		9.510.000	0	9.510.000	
2486	22025150	Hoàng Văn Đạt	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2487	22025151	Phạm Văn Thông	0		13.466.000		13.466.000	0	13.466.000	
2488	22025152	Đỗ Thế Anh	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2489	22025153	Phạm Quang Anh	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2490	22025154	Nguyễn Phương Đông	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2491	22025155	Phạm Cao Minh	4.672.000		15.237.000		15.237.000	1.800.000	18.109.000	Nợ 1 phần GDQP
2492	22025156	Trần Duy Thuần	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2493	22025157	Lê Mạnh Duy	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2494	22025159	Tăng Văn Cảnh	0		9.510.000		9.510.000	0	9.510.000	
2495	22025160	Nguyễn Văn Toàn	0		13.707.000		13.707.000	0	13.707.000	
2496	22025162	Ngô Thúy An	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2497	22025163	Phạm Quang Vinh	0		9.510.000		9.510.000	0	9.510.000	
2498	22025164	Đàm Văn Thường	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2499	22025166	Nguyễn Bá Tước	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2500	22025167	Nguyễn Hữu Long	0		12.680.000		12.680.000	0	12.680.000	
2501	22025169	Phan Mậu Khánh	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2502	22025170	Lê Văn Luân	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2503	22025171	Lê Văn Tùng	30.059.000		2.164.000		2.164.000	0	32.223.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
2504	22025172	Lê Thị Thu Phương	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2505	22025173	Hoàng Văn Đạt	0		13.314.000		13.314.000	0	13.314.000	
2506	22025174	Nguyễn Sỹ Hùng	0		13.969.000		13.969.000	0	13.969.000	
2507	22025175	Nguyễn Văn Đạo	0		13.969.000		13.969.000	0	13.969.000	
2508	22025176	Hoàng Hữu Thịnh	0		9.510.000		9.510.000	0	9.510.000	
2509	22025179	Nguyễn Văn Nguyên	0		8.876.000		8.876.000	0	8.876.000	
2510	22025180	Phan Việt Hoàng	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2511	22025181	Nguyễn Xuân Trường	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2512	22025182	Ngô Đăng Khoa	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2513	22025184	Vũ Mai Dũng	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2514	22025186	Nguyễn Đức Long	0		15.237.000		15.237.000	0	15.237.000	
2515	22025188	Trần Đức Linh	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2516	22025189	Vương Trung Kiên	0		11.412.000		11.412.000	0	11.412.000	
2517	22025190	Lê Minh Hoàng	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2518	22025191	Nguyễn Minh Quân	0		11.674.000		11.674.000	0	11.674.000	
2519	22025192	Đinh Tuấn Anh	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2520	22025193	Nguyễn Việt Dũng	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2521	22025194	Trương Anh Tú	0		8.876.000		8.876.000	0	8.876.000	
2522	22025197	Mạc Anh Tuấn	0		9.510.000		9.510.000	0	9.510.000	
2523	22025199	Lê Mạnh Tiến	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2524	22025200	Nguyễn Quang Tuấn	0		12.308.000		12.308.000	0	12.308.000	
2525	22025201	Vũ Đức Trung	0		14.100.000		14.100.000	0	14.100.000	
2526	22025203	Phạm Bảo Ngọc	5.200.000		15.237.000		15.237.000	0	20.437.000	Nợ K2/23-24
2527	22025204	Nguyễn Tiến Thành	0		8.876.000		8.876.000	0	8.876.000	
2528	22025205	Phạm Ngọc Tiến	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2529	22025206	Phạm Tuấn Đạt	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2530	22025207	Nguyễn Bình An	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2531	22025208	Hoàng Văn Ngọc	7.386.000		14.341.000		14.341.000	0	21.727.000	Nợ 1 phần K1/24-25 và GDQP
2532	22025209	Trịnh Hoàng Nam	0		12.046.000		12.046.000	0	12.046.000	
2533	22025210	Lê Văn Long	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2534	22025212	Nguyễn Thế Quang	0		10.778.000		10.778.000	0	10.778.000	
2535	22025214	Phạm Thị Yến	0		10.144.000		10.144.000	0	10.144.000	
2536	22025500	Bùi Tuấn Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2537	22025501	Đỗ Trí Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2538	22025502	Bùi Thành Lộc	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2539	22025503	Trương Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2540	22025504	Phan Vũ Liêm	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
2541	22025505	Vũ Khánh Duy	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2542	22025506	Đinh Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2543	22025507	Nguyễn Thanh Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2544	22025508	Hoàng Minh Nghĩa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2545	22025509	Trần Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2546	22025510	Nguyễn Thị Ngọc Mai	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2547	22025511	Hoàng Đức Duy	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
2548	22025512	Phạm Thị Thùy Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2549	22025513	Nguyễn Hoàng Đông	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2550	22025514	Nguyễn Gia Bảo	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2551	22025515	Vũ Tuấn Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2552	22025516	Đinh Hồng Khanh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2553	22025517	Nguyễn Minh Châu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2554	22025518	Phạm Xuân Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2555	22025519	Trần Đăng Quang	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2556	22025520	Trần Khánh Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2557	22025521	Vũ Khánh Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2558	22025522	Võ Trọng Dân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2559	22025523	Nguyễn Tuấn Khoa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2560	22025524	Nguyễn Huy Trà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2561	22025525	Phạm Quang Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2562	22025526	Nguyễn Tấn Khôi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2563	22025527	Nguyễn Hoàng Gia Huy	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
2564	22025529	Nguyễn Viết Thành An	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2565	22025530	Nguyễn Bảo Ngọc	0		13.400.000		13.400.000	0	13.400.000	
2566	22025531	Vũ Thu Huyền	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2567	22025532	Trần Diệu Quỳnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2568	22025533	Dương Việt Hoàng	0		28.700.000		28.700.000	0	28.700.000	
2569	22025534	Nguyễn Thanh Hưng	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
2570	22025535	Phan Khánh Huyền	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2571	22025537	Nguyễn Quang Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2572	22025538	Trần Gia Bảo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2573	22025539	Phạm Gia Bách	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2574	22025540	Phương Danh Duy	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2575	22025543	Vũ Thị Ngọc Thanh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2576	22025545	Phan Thị Thùy Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2577	22025546	Bùi Vũ Hải Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2578	22026100	Bùi Văn Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2579	22026102	Nguyễn Huy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2580	22026103	Phạm Tiến Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2581	22026104	Nguyễn Tuấn Kiệt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2582	22026105	Lê Minh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2583	22026106	Nguyễn Văn Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2584	22026107	Nguyễn Đức Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2585	22026108	Nguyễn Huy Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2586	22026109	Nguyễn Hoài Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2587	22026110	Trần Bình Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2588	22026111	Trần Minh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2589	22026112	Lê Xuân Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2590	22026113	Nguyễn Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2591	22026114	Hoàng Tùng Dương	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2592	22026115	Bùi Tuấn Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2593	22026116	Lê Thị Trà Mi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2594	22026117	Bùi Đức Phú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2595	22026118	Hà Ngọc Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2596	22026119	Lê Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2597	22026120	Ngô Đức Thành	0	-1.600.000	17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2598	22026121	Trần Văn Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2599	22026122	Phan Quốc Việt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2600	22026124	Nguyễn Văn Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2601	22026125	Lại Đình Tuấn Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2602	22026126	Vũ Hồng Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2603	22026127	Nguyễn Quang Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2604	22026128	Nguyễn Hải Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2605	22026129	Nguyễn Mạnh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2606	22026130	Nguyễn Huy Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2607	22026131	Trần Tùng Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2608	22026132	Hoàng Bá Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2609	22026133	Nguyễn Khánh Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2610	22026134	Trần Xuân Chính	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2611	22026135	Nguyễn Tiến Dũng	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2612	22026136	Phạm Khắc Khương Duy	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2613	22026137	Vũ Mạnh Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2614	22026138	Trần Văn Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2615	22026139	Đình Công Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2616	22026140	Nguyễn Trung Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2617	22026141	Trần Hoàng Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2618	22026142	Phạm Văn Huynh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2619	22026143	Trần Hoài Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2620	22026144	Vũ Tiến Bình	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2621	22026145	Đào Duy Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2622	22026146	Phạm Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2623	22026147	Phạm Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2624	22026148	Nguyễn Phúc Bảo Chấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2625	22026149	Đoàn Gia Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2626	22026150	Nguyễn Anh Quyền	600.000		31.900.000		31.900.000	0	32.500.000	Nợ 1 phần K1/24-25
2627	22026151	Nguyễn Bảo Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2628	22026152	Phan Quý Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2629	22026154	Nguyễn Quang Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2630	22026155	Ngô Thế Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2631	22026156	Phạm Anh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2632	22026157	Nguyễn Khả Anh Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2633	22026158	Nguyễn Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2634	22026159	Hoàng Anh Quốc	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2635	22026160	Nguyễn Đức Duy	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
2636	22026161	Lê Công Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2637	22026162	Trần Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2638	22026163	Nguyễn Văn Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2639	22026164	Đinh Nhật Dương	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
2640	22026165	Phạm Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2641	22026166	Nguyễn Quốc Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2642	22026167	Trịnh Hoàng Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2643	22026168	Ong Thế Anh	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
2644	22026169	Đặng Đình Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2645	22026170	Nguyễn Trọng Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2646	22026172	Phạm Việt Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2647	22026173	Nguyễn Hữu Khoa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2648	22026174	Trịnh Nguyên Giáp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2649	22026175	Nguyễn Phú Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2650	22026176	Trần Anh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2651	22026177	Trần Hoàng Nam	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2652	22026178	Lê Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2653	22026179	Bạch Ngọc Tấn	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2654	22026180	Đỗ Văn Thanh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2655	22026181	Nguyễn Đình Vinh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2656	22026182	Bùi Văn Hưng	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
2657	22026183	Hà Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2658	22026184	Nguyễn Xuân Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2659	22026186	Nguyễn Quý Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2660	22026187	Trần Sĩ Việt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2661	22026188	Trần Vũ Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2662	22026189	Trần Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2663	22026190	Nguyễn Xuân Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2664	22026191	Lê Văn Võ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2665	22026192	Trần Lê Bắc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2666	22026193	Vũ Mai Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2667	22026194	Nguyễn Trường Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2668	22026195	Mai Hải Đăng	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2669	22026196	Nguyễn Văn Dũng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2670	22026197	Võ Hoàng Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2671	22026198	Phạm Văn Nhật	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2672	22026199	Lê Ngọc Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2673	22026200	Lê Khánh Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2674	22026202	Đỗ Thùy Trang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2675	22026203	Nguyễn Văn Dương	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
2676	22026204	Phạm Trọng Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2677	22026205	Vũ Khôi Nguyên	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2678	22026502	Nguyễn Khánh Huyền	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2679	22026503	Thân Việt Anh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2680	22026505	Tạ Duy Thuyền	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2681	22026506	Đoàn Trung Hiếu	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2682	22026507	Mai Tiến Mạnh	0		9.180.000		9.180.000	0	9.180.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2683	22026508	Khuất Bảo Nguyên	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2684	22026509	Nguyễn Hữu Thái	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2685	22026510	Nguyễn Quang Vũ	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2686	22026511	Phạm Đức Toàn	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2687	22026512	Đỗ Thu Trang	0		6.120.000		6.120.000	0	6.120.000	
2688	22026513	Trần Trung Hiếu	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2689	22026514	Nguyễn Thu Trang	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2690	22026515	Ngô Quốc An	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2691	22026516	Trần Bảo Ngọc	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2692	22026518	Nguyễn Việt Sơn	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2693	22026519	Vương Phương Thảo	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2694	22026520	Phạm Anh Quân	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2695	22026521	Nguyễn Tuấn Ngọc	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2696	22026522	Nguyễn Thành Đạt	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2697	22026523	Đặng Tiến Dũng	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
2698	22026524	Trần Quang Đạt	-30.000		12.240.000		12.240.000	0	12.210.000	
2699	22026525	Trương Minh Đức	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2700	22026526	Võ Quang Sáng	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
2701	22026528	Đỗ Hoài Nam	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
2702	22026529	Tổng Việt Tùng	0		5.520.000		5.520.000	0	5.520.000	
2703	22026530	Phùng Xuân Đạt	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2704	22026531	Lê Trọng Khánh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2705	22026532	Nguyễn Hữu Cứ	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2706	22026533	Nguyễn Thái Dương	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2707	22026534	Nguyễn Hoàng Điệp	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
2708	22026535	Nguyễn Quốc Vương	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
2709	22026536	Trương Đức Quang	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
2710	22026537	Đường Gia Bằng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2711	22026538	Nông Xuân Bảo	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
2712	22026540	Nguyễn Quang Cường	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2713	22026541	Đinh Xuân Trường	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2714	22026542	Nguyễn Xuân Bách	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2715	22026543	Vũ Đức Tấn	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2716	22026544	Trần Tiến Anh	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2717	22026545	Vũ Đức Thắng	0		10.710.000		10.710.000	0	10.710.000	
2718	22026546	Phạm Quốc Anh	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2719	22026547	Trần Duy Toàn	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2720	22026548	Đào Giang An	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2721	22026549	Kiều Văn Tùng	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2722	22026550	Trần Đình Tuấn	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2723	22026551	Đỗ Hữu Hoàng Tùng	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2724	22026552	Nguyễn Văn Quân	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2725	22026553	Nguyễn Tuấn Anh	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2726	22026554	Quảng Thế Anh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2727	22026555	Lê Công Hoàng	0		9.945.000		9.945.000	0	9.945.000	
2728	22026556	Nguyễn Việt Quang	0		12.240.000		12.240.000	0	12.240.000	
2729	22026557	Trần Minh Tuấn	0		7.650.000		7.650.000	0	7.650.000	
2730	22026558	Cao Văn Anh	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2731	22026559	Nguyễn Thúy Quỳnh	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2732	22026560	Bùi Tuấn Anh	0		8.415.000		8.415.000	0	8.415.000	
2733	22026562	Nguyễn Công Khải	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2734	22026563	Lê Thị Hà Phương	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2735	22026564	Trần Linh Chi	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2736	22026565	Nguyễn Đăng Doanh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2737	22026566	Nguyễn Hương Giang	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2738	22026567	Trần Mạnh Duy	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2739	22027100	Nguyễn Thị Kim Chi	0		16.243.000	1.902.000	18.145.000	0	18.145.000	
2740	22027102	Phạm Anh Kiệt	0		12.832.000	1.902.000	14.734.000	0	14.734.000	
2741	22027103	Nguyễn Thế Trị	0		14.624.000	1.902.000	16.526.000	0	16.526.000	
2742	22027105	Lê Đình Hùng	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0	14.341.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2743	22027106	Bùi Tuấn Anh	0		12.046.000	-393.000	11.653.000	0	11.653.000	
2744	22027107	Phạm Hải Đức	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2745	22027108	Dương Quang Minh	0		12.046.000	1.902.000	13.948.000	0	13.948.000	
2746	22027109	Trần Đình Vinh	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2747	22027110	Khuất Việt Anh	0		13.948.000	1.902.000	15.850.000	0	15.850.000	
2748	22027111	Đỗ Văn Đại	0		7.870.000	1.902.000	9.772.000	0	9.772.000	
2749	22027112	Nguyễn Tuệ Minh	0		15.106.000	1.902.000	17.008.000	0	17.008.000	
2750	22027114	Bùi Đức Mạnh	0		5.520.000	1.902.000	7.422.000	0	7.422.000	
2751	22027115	Nguyễn Văn Lâm	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0	12.680.000	
2752	22027116	Nguyễn Văn Việt	0		12.570.000	1.902.000	14.472.000	0	14.472.000	
2753	22027117	Dương Vũ Hoàn	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2754	22027118	Lê Thị Minh	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2755	22027119	Lê Quang Hậu	0		11.412.000	-393.000	11.019.000	0	11.019.000	
2756	22027120	Nguyễn Đình Tiến	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2757	22027121	Phạm Xuân Bắc	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2758	22027122	Đỗ Trần Tuấn Minh	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2759	22027123	Nguyễn Ngọc Hải	0		10.668.000	1.902.000	12.570.000	0	12.570.000	
2760	22027124	Nguyễn Hữu Chí	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2761	22027125	Trần Thanh Tùng	0		12.570.000	1.902.000	14.472.000	0	14.472.000	
2762	22027126	Vũ Quang Minh	0		11.674.000	1.902.000	13.576.000	0	13.576.000	
2763	22027128	Nguyễn Viết Thành	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2764	22027129	Bùi Việt Anh	0		13.314.000	1.902.000	15.216.000	0	15.216.000	
2765	22027130	Nguyễn Khôi	0		14.865.000	1.902.000	16.767.000	0	16.767.000	
2766	22027131	Nguyễn Xuân Thoi	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2767	22027132	Lê Quốc Tuấn	0		17.925.000	1.902.000	19.827.000	0	19.827.000	
2768	22027133	Hoàng Văn Quyền	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2769	22027134	Cao Minh Hiếu	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0	12.680.000	
2770	22027135	Lại Việt Dũng	0		11.171.000	1.902.000	13.073.000	0	13.073.000	
2771	22027136	Vũ Văn Thắng	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2772	22027137	Trần Duy Khánh	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2773	22027138	Trần Thị Phương Thảo	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2774	22027142	Nguyễn Tiến Đạt	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0	12.680.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2775	22027143	Phạm Lê Ngọc Phi	0		18.580.000	1.902.000	20.482.000	0	20.482.000	
2776	22027144	Trần Đình Trường	10.000.000		10.296.000	1.902.000	12.198.000	0	22.198.000	Nợ K1/24-25
2777	22027145	Nguyễn Huy Hoàng	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2778	22027146	Trần Văn Minh Khoa	0		11.674.000	1.902.000	13.576.000	0	13.576.000	
2779	22027147	Nguyễn Hà Thanh	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2780	22027149	Bùi Tiến Dũng	0		10.034.000	1.902.000	11.936.000	0	11.936.000	
2781	22027150	Vũ Kỳ Phương	0		13.314.000	1.902.000	15.216.000	0	15.216.000	
2782	22027151	Nguyễn Hữu Thắng	-1.005.000		12.460.000	1.902.000	14.362.000	0	13.357.000	
2783	22027152	Lê Đức Anh	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2784	22027154	Đỗ Nguyễn Nhật Quang	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2785	22027155	Lê Hoàng Hà	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2786	22027156	Nguyễn Việt Trung	0		9.510.000	1.902.000	11.412.000	0	11.412.000	
2787	22027157	Nguyễn Hữu Mạnh Tuấn	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2788	22027158	Hồ Tiến Đạt	0		15.216.000	1.902.000	17.118.000	0	17.118.000	
2789	22027159	Nguyễn Trung Hiếu	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	
2790	22027160	Nguyễn Gia Bình	0		11.412.000	1.902.000	13.314.000	0	13.314.000	
2791	22027161	Nguyễn Bảo Khánh	0		0	1.902.000	1.902.000	0	1.902.000	
2792	22027162	Nguyễn Huy Tùng	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2793	22027163	Kiều Mai Anh	0		13.707.000	1.902.000	15.609.000	0	15.609.000	
2794	22027164	Nguyễn Thu Trang	0		10.275.000	1.902.000	12.177.000	0	12.177.000	
2795	22027165	Nguyễn Thị Ngọc	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0	14.341.000	
2796	22027166	Nguyễn Thành Vinh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
2797	22027167	Ngô Xuân Tú	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0	14.341.000	
2798	22027168	Bùi Trọng Phan	0		13.948.000	1.902.000	15.850.000	0	15.850.000	
2799	22027169	Hà Gia Khánh	0		12.439.000	1.902.000	14.341.000	0	14.341.000	
2800	22027170	Nguyễn Doãn Minh	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2801	22027171	Lê Xuân Lâm	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2802	22027173	Dương Anh Tuấn	0		14.472.000	1.902.000	16.374.000	0	16.374.000	
2803	22027175	Lê Thị Minh Tâm	0		10.144.000	1.902.000	12.046.000	0	12.046.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2804	22027176	Nguyễn Thị Ngọc Lan	0		13.204.000	1.902.000	15.106.000	0	15.106.000	
2805	22027178	Lê Quốc Đạt	0		6.885.000	1.902.000	8.787.000	0	8.787.000	
2806	22027179	Vương Thị Ngọc Huyền	0		10.778.000	1.902.000	12.680.000	0	12.680.000	
2807	22027180	Trần Mạnh Đức	0		15.216.000	1.902.000	17.118.000	0	17.118.000	
2808	22027181	Lê Trung Hồng Quân	0		16.484.000	1.902.000	18.386.000	0	18.386.000	
2809	22027182	Phạm Hồng Quân	0		13.314.000	1.902.000	15.216.000	0	15.216.000	
2810	22027500	Tô Vũ Khôi Nguyên	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2811	22027501	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.655.000		20.655.000	0	20.655.000	
2812	22027502	Nguyễn Tuấn Cảnh	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2813	22027503	Nguyễn Đức Khánh Huyền	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2814	22027504	Vương Ngọc Đạt	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2815	22027505	Nguyễn Văn Bằng	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2816	22027506	Lý Văn Lộc	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2817	22027507	Khúc Khải Hoàn	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2818	22027508	Phạm Đặng Quang Hải	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2819	22027509	Nguyễn Đào Đức Thắng	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2820	22027511	Nguyễn Đình Cảnh Kỳ	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2821	22027512	Bùi Quang Dương	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2822	22027513	Phản Quý Đường	-15.000		16.830.000		16.830.000	0	16.815.000	
2823	22027514	Nguyễn Tuấn Anh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2824	22027515	Vũ Thị Thu Trang	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2825	22027516	Nguyễn Thành Trung	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2826	22027517	Đặng Quốc Toàn	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2827	22027518	Vũ Đình Đức	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2828	22027519	Hoàng Việt Anh	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2829	22027520	Nguyễn Đức Giang	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2830	22027521	Mai Quốc Hiếu	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2831	22027522	Đình Mạnh Quân	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2832	22027523	Nguyễn Văn Nam	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2833	22027524	Lê Công Phú	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2834	22027525	Nguyễn Đức Thắng	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2835	22027526	Lê Hoàng Thanh Phương	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2836	22027527	Vũ Đức Hiếu	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2837	22027528	Trương Ngọc Anh	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2838	22027529	Dương Vũ Việt Thắng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2839	22027530	Hoàng Kim Trường	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2840	22027531	Trần Thái Thịnh	0		18.360.000		18.360.000	0	18.360.000	
2841	22027532	Phạm Trung Anh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2842	22027534	Nguyễn Hữu Huy	0		19.125.000		19.125.000	0	19.125.000	
2843	22027535	Nguyễn Quang Sáng	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2844	22027536	Nguyễn Mạnh Tường	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2845	22027537	Nguyễn Bảo Long	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2846	22027539	Phạm Văn Bách	0		13.005.000		13.005.000	0	13.005.000	
2847	22027540	Nguyễn Kiều Đức Phú	0		14.535.000		14.535.000	0	14.535.000	
2848	22027541	Nguyễn Văn Diễm	0		11.475.000		11.475.000	0	11.475.000	
2849	22027542	Đỗ Mạnh Đoàn	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2850	22027543	Trần Thái Bình	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2851	22027544	Nguyễn Thanh Đức	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2852	22027545	Nguyễn Huy Thắng	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	
2853	22027546	Nguyễn Bảo Long	0		16.065.000		16.065.000	0	16.065.000	
2854	22027547	Bùi Tiên Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2855	22027548	Đình Mạnh Tuyên	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2856	22027549	Hoàng Văn Cường	0		16.830.000		16.830.000	0	16.830.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2857	22027550	Trần Đình Cảnh	0		6.120.000		6.120.000	0	6.120.000	
2858	22027551	Đào Duy Hưng	0		13.770.000		13.770.000	0	13.770.000	
2859	22027552	Nguyễn Anh Vũ	0		17.595.000		17.595.000	0	17.595.000	
2860	22027553	Lâm Việt Anh	0		15.300.000		15.300.000	0	15.300.000	
2861	22028005	Phạm Hoàng Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2862	22028006	Lê Việt Hoàng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2863	22028007	Nguyễn Hoàng Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2864	22028008	Nguyễn Huy Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2865	22028009	Tạ Xuân Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2866	22028012	Đỗ Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2867	22028013	Lê Hoàng Lan	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2868	22028014	Trần Hoàng Vũ	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2869	22028015	Cao Đức Chung	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2870	22028016	Bùi Hồng Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2871	22028017	Nguyễn Bảo Dung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2872	22028018	Nguyễn Việt Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2873	22028019	Hoàng Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2874	22028020	Nguyễn Văn Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2875	22028021	Dương Anh Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2876	22028022	Hoàng Đăng Khải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2877	22028024	Trương Minh Phước	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2878	22028025	Hà Đức Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2879	22028026	Đàm Quang Đạt	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2880	22028027	Tạ Việt Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2881	22028028	Khổng Mạnh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2882	22028029	Nguyễn Trung Hiếu	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
2883	22028030	Nguyễn Duy Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2884	22028031	Quản Xuân Trường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2885	22028032	Nguyễn Khôi Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2886	22028033	Đào Huy Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2887	22028034	Hà Trường Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2888	22028035	Hoàng Xuân Trường	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2889	22028036	Khổng Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2890	22028037	Trịnh Ngọc Chiến	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
2891	22028038	Đỗ Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2892	22028039	Hoàng Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2893	22028040	Lê Văn Lương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2894	22028041	Lê Văn Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2895	22028042	Ngô Lê Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2896	22028043	Nguyễn Tiến Đạt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2897	22028046	Hoàng Kim Chi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2898	22028048	Lê Hoàng Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2899	22028049	Trần Ngọc Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2900	22028050	Võ Tá Thành	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
2901	22028051	Hoàng Đức Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2902	22028052	Nguyễn Công Khanh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2903	22028053	Tạ Việt Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2904	22028054	Đặng Hoàng Minh Nghĩa	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
2905	22028056	Trần Đình Phú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2906	22028057	Lâm Hoàng Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2907	22028058	Dương Tuấn Kiệt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2908	22028059	Hoàng Minh Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2909	22028060	Trần Hữu ánh Bằng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2910	22028061	Trần Thái Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2911	22028062	Đỗ Khôi Nguyên	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
2912	22028063	Phùng Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2913	22028064	Đặng Quốc Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2914	22028065	Cao Chí Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2915	22028066	Đinh Chí Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2916	22028067	Kiều Minh Khuê	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2917	22028068	Nguyễn Anh Vũ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2918	22028069	Triệu Việt Hùng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2919	22028070	Nguyễn Tiến Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2920	22028071	Bùi Đức Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2921	22028072	Phạm Đức Lâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2922	22028073	Trần Trọng Thịnh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2923	22028074	Nguyễn Hoàng Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2924	22028075	Nguyễn Chí Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2925	22028076	Nguyễn Hữu Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2926	22028077	Nguyễn Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2927	22028078	Nguyễn Ngọc Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2928	22028079	Vũ Nguyệt Hằng	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2929	22028080	Vương Thị Thu Trang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2930	22028081	Trần Tuấn Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2931	22028082	Mai Tiến Huy	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2932	22028083	Lê Quyết Chiến	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2933	22028084	Nguyễn Hoàng Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2934	22028086	Đinh Hồng Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2935	22028087	Nguyễn Trần Công Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2936	22028089	Lê Thế Phương Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2937	22028090	Dương Quốc Khánh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2938	22028091	Phạm Ngọc Thạch Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2939	22028092	Ngô Tùng Lâm	-663.390		17.500.000		17.500.000	0	16.836.610	
2940	22028093	Chu Quang Cần	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
2941	22028094	Trần Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2942	22028095	Bùi Quang Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2943	22028096	Nhâm Ngọc Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2944	22028098	Phan Nguyễn An Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2945	22028099	Phạm Vân Anh	0		30.300.000		30.300.000	0	30.300.000	
2946	22028100	Nguyễn Duy Đức	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2947	22028101	Lê Thế Hiển	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
2948	22028102	Nguyễn Hữu Tân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2949	22028103	Lê Quang Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2950	22028104	Chu Huy Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2951	22028105	Trần Anh Khoa	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
2952	22028107	Bồ Quốc Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2953	22028108	Nguyễn Thành Phát	0		18.300.000		18.300.000	663.390	17.636.610	
2954	22028110	Võ Quốc Huy	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2955	22028111	Hà Tiến Đông	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2956	22028113	Nguyễn Thành Đạo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2957	22028114	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2958	22028115	Hoàng Duy Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2959	22028116	Vũ Thị Minh Thư	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2960	22028117	Nguyễn Minh Hùng	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
2961	22028118	Nguyễn Văn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2962	22028119	Nguyễn Thái Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2963	22028120	Đinh Công Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2964	22028121	Đồng Quang Duy Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2965	22028122	Nguyễn Viết Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2966	22028123	Trần Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2967	22028124	Vũ Việt Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2968	22028125	Nguyễn Minh Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2969	22028126	Nguyễn Huy Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2970	22028127	Nguyễn Hoàng Sơn	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
2971	22028128	Nguyễn Thị Vân Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2972	22028129	Tăng Vĩnh Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2973	22028130	Nguyễn Hoàng Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2974	22028131	Lê Xuân An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2975	22028132	Hoàng Linh Chi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
2976	22028133	Dương Công Đạt	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
2977	22028134	Nguyễn Phạm Việt Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2978	22028135	Tô Phú Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2979	22028136	Nguyễn Đình Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2980	22028137	Lương Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2981	22028138	Khúc Gia Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2982	22028139	Hà Văn Đức	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
2983	22028140	Hoàng Anh Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2984	22028141	Trần Thị Hoa Mai	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2985	22028142	Nguyễn Ngọc Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2986	22028143	Nguyễn Thành Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2987	22028144	Mai Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2988	22028145	Bùi Thị Ngọc ánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2989	22028146	Nguyễn Hữu Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2990	22028147	Nguyễn Hồ Bắc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2991	22028148	Nguyễn Công Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2992	22028149	Nguyễn Đăng Việt Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2993	22028150	Lê Bá Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2994	22028151	Nguyễn Thị Lan Hương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2995	22028152	Lê Đức Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2996	22028153	Nguyễn Thức Hoàn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2997	22028154	Võ Lê Hiếu	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
2998	22028155	Nguyễn Hữu Thế	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
2999	22028156	Nguyễn Văn Ngọc Bảo	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3000	22028157	Nguyễn Đăng Thành Vinh	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
3001	22028158	Hồ Văn Tiến Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3002	22028159	Nguyễn Đình Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3003	22028160	Nguyễn Sỹ Tân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3004	22028161	Nguyễn Duy Anh Quốc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3005	22028162	Lê Thị Hải Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3006	22028163	Nguyễn Bá Thịnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3007	22028164	Lâm Nguyễn Duy Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3008	22028165	Lê Đắc Minh Trí	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3009	22028166	Đinh Ngọc Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3010	22028167	Hoàng Văn Phi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3011	22028168	Trần Minh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3012	22028169	Đỗ Đình Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3013	22028170	Tổng Quang Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3014	22028171	Nguyễn Mạnh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3015	22028172	Lê Xuân Hùng	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3016	22028173	Nguyễn Tự Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3017	22028174	Nguyễn Tiến Trung	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3018	22028175	Bùi Quốc Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3019	22028176	Mã Nguyễn Khánh Hùng	0		11.760.000		11.760.000	0	11.760.000	
3020	22028177	Nguyễn Hải Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3021	22028178	Nguyễn Đức Hiền	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3022	22028179	Đặng Đào Xuân Trúc	-680.400		17.500.000		17.500.000	0	16.819.600	
3023	22028180	Nguyễn Hữu Tiến	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3024	22028181	Đỗ Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3025	22028182	Nguyễn Văn Thiện	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3026	22028183	Trần Huy Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3027	22028184	Nguyễn Hữu Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3028	22028185	Phạm Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3029	22028186	Đường Minh Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3030	22028187	Trần Bình Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3031	22028188	Hoàng Văn Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3032	22028189	Lê Thành Đạt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3033	22028190	Lê Minh Quý	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3034	22028191	Nguyễn Đức Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3035	22028192	Nguyễn Tiến Tạo	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3036	22028193	Bùi Thế Công	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3037	22028194	Nguyễn Văn Thuận	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
3038	22028195	Trần Thế Mạnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3039	22028196	Nguyễn Đức Khánh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3040	22028197	Nguyễn Bá Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3041	22028198	Đỗ Minh Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3042	22028199	Đỗ Đức Cường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3043	22028200	Nguyễn Quang Cảnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3044	22028201	Trương Thị Xuân Sang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3045	22028202	Lương Thị Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3046	22028203	Đặng Mạnh Cường	0		13.400.000		13.400.000	0	13.400.000	
3047	22028204	Lê Anh Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3048	22028205	Phạm Tất Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3049	22028206	Trần Văn Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3050	22028207	Trần Đức Tâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3051	22028208	Phạm Văn Toàn	0		31.900.000		31.900.000	0	31.900.000	
3052	22028209	Nguyễn Quang Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3053	22028210	Trần Thái An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3054	22028211	Đoàn Trung Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3055	22028212	Nguyễn Văn Bản	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3056	22028213	Đỗ Thái Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3057	22028214	Bùi Thị Huyền Tâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3058	22028215	Nguyễn Đức Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3059	22028216	Nguyễn Việt Bách	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3060	22028217	Hoàng Hữu Phước	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3061	22028218	Phạm Tuấn Đạt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3062	22028219	Nhữ Trọng Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3063	22028220	Vũ Tuấn Kiệt	-20.000		21.500.000		21.500.000	0	21.480.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3064	22028221	Đào Đình Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3065	22028222	Lê Thành Doanh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3066	22028223	Mai Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3067	22028224	Lê Thị Diệu Thúy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3068	22028225	Phạm Mai Anh	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3069	22028226	Nguyễn Đàm Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3070	22028227	Văn Huy Luân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3071	22028228	Trần Duy Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3072	22028229	Nguyễn Quang Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3073	22028230	Nguyễn Tuấn Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3074	22028231	Nguyễn Viết Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3075	22028232	Nguyễn Chí Nghĩa	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3076	22028234	Bùi Quang Tùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3077	22028235	Vũ Tùng Lâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3078	22028236	Nguyễn Quốc Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3079	22028237	Phạm Hữu Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3080	22028238	Phan Anh Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3081	22028239	Phạm Công Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3082	22028240	Đỗ Tiến Đạt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3083	22028241	Nguyễn Mạnh Quỳnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3084	22028242	Tạ Hải An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3085	22028243	Hoàng Duy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3086	22028244	Trần Lương Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3087	22028245	Trần Văn Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3088	22028246	Nguyễn Mạnh Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3089	22028247	Trần Long Hải	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3090	22028248	Khuất Tuấn Anh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3091	22028249	Nguyễn Văn Nhất	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3092	22028250	Phan Đức Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3093	22028251	Nguyễn Thành Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3094	22028252	Nguyễn Thanh Trà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3095	22028253	Vũ Tú Quỳnh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3096	22028254	Nguyễn Thị Thu Trang	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3097	22028255	Mai Ngọc Duy	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3098	22028256	Tô Phan Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3099	22028257	Nguyễn Xuân Anh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3100	22028258	Đàm Việt Cường	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3101	22028259	Hoàng Đức Dương	0		11.760.000		11.760.000	0	11.760.000	
3102	22028260	Kiều Minh Quang	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	
3103	22028261	Vũ Ninh Giang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3104	22028262	Bùi Minh Nhật	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3105	22028263	Nguyễn Hồng Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3106	22028264	Nguyễn Duy Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3107	22028265	Nguyễn Quốc Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3108	22028266	Tổng Vũ Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3109	22028267	Lê Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3110	22028268	Ngô Hải Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3111	22028269	Phạm Ngọc Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3112	22028270	Nguyễn Quang Trung	0		26.960.000		26.960.000	0	26.960.000	
3113	22028271	Phạm Xuân Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3114	22028272	Nguyễn Nhật Phong	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3115	22028273	Trần Đại Dương	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3116	22028274	Phan Công Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3117	22028275	Nguyễn Thành Đạt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3118	22028276	Nguyễn Bảo Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3119	22028277	Kiều Đức Long	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3120	22028278	Nguyễn Đỗ Quang Đại	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3121	22028279	Nguyễn Đình Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3122	22028280	Ngô Duy Hiếu	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3123	22028281	Nguyễn Văn Lân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3124	22028282	Nguyễn Thu Hà	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3125	22028283	Lê Minh Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3126	22028284	Phạm Quang Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3127	22028285	Nguyễn Đức Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3128	22028286	Nguyễn Hữu Phương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3129	22028287	Đình Tuấn Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3130	22028288	Lưu Khải Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3131	22028289	Nguyễn Trung Hiếu	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3132	22028290	Nguyễn Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3133	22028291	Cao Xuân Hùng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3134	22028292	Đào Thị Thu Hường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3135	22028293	Hoàng Duy Hưng	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3136	22028294	Nguyễn Hùng Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3137	22028295	Lại Hoàng Hiệp	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3138	22028296	Phạm Quý Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3139	22028297	Trần Thu Thủy	680.400		23.100.000		23.100.000	0	23.780.400	Thiếu BHYT năm 2024
3140	22028298	Nguyễn Đức Phát	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
3141	22028299	Nguyễn Quang Khải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3142	22028300	Hoàng Minh Quân	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3143	22028301	Đông Tự Nguyên A	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3144	22028302	Trần Thị Thủy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3145	22028303	Nguyễn Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3146	22028304	Lê Trung Hiếu	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
3147	22028305	Đoàn Đức Thành	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3148	22028306	Đình Xuân Hòa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3149	22028307	Nguyễn Nhật Quang	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
3150	22028309	Vũ Văn Phong	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3151	22028310	Nguyễn Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3152	22028311	Lê Xuân Nam Khánh	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
3153	22028313	Lê Văn Thắng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3154	22028314	Trương Minh Việt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3155	22028315	Đoàn Minh Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3156	22028316	Nguyễn Đức Quân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3157	22028317	Trương Sỹ Đạt	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
3158	22028318	Lê Sĩ Toàn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3159	22028319	Nguyễn Chí Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3160	22028320	Nguyễn Đình Nghĩa	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3161	22028321	Đỗ Hoàng Việt	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3162	22028322	Lê Thị Minh Tâm	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3163	22028323	Nguyễn Thị Huyền Thương	0		25.500.000		25.500.000	0	25.500.000	
3164	22028325	Nguyễn Trần Phương Hà	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3165	22028326	Đào Thị Bình An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3166	22028327	Nguyễn Mạnh Cường	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3167	22028328	Nguyễn Nho Hiếu	0		9.300.000		9.300.000	0	9.300.000	
3168	22028329	Vương Nguyệt Bình	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3169	22028330	Nguyễn Trần Tuấn Anh	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
3170	22028331	Nguyễn Việt Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3171	22028332	Nguyễn Phương Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3172	22028334	Trần ánh Dương	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3173	22028335	Dương Gia Huân	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3174	22028336	KIM CHAE YEON	-828.000		17.500.000		17.500.000	0	16.672.000	
3175	22029000	Nguyễn Chí Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3176	22029001	Nguyễn Quang Thái	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3177	22029002	Trương Văn Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3178	22029003	Nguyễn Minh Đức	-600		23.900.000		23.900.000	0	23.899.400	
3179	22029004	Nguyễn Quang Minh	0		23.100.000		23.100.000	0	23.100.000	
3180	22029005	Lê Hồng Phúc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3181	22029006	Nguyễn Hữu Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3182	22029008	Phùng Tuấn Kiệt	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3183	22029009	Lê Tuấn Ngọc	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3184	22029010	Hoàng Đức Kiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3185	22029011	Nguyễn Thế Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3186	22029012	Nguyễn Công Hải	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3187	22029013	Khuất Nguyễn Diệu Trang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3188	22029014	Hà Đức Minh	0		18.900.000		18.900.000	0	18.900.000	
3189	22029016	Đỗ Việt Hải	0		27.900.000		27.900.000	0	27.900.000	
3190	22029018	Dương Nhật Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3191	22029019	Mai Đức Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3192	22029020	Trịnh Thành Thiên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3193	22029021	Hoàng Tuấn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3194	22029022	Lê Anh Tuấn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3195	22029023	Vũ Ngọc Duy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3196	22029024	Thiều Việt Tuấn Khanh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3197	22029025	Nguyễn Ngọc Đại	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3198	22029026	Nguyễn Đức Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3199	22029027	Nguyễn Công Huy	0		24.700.000		24.700.000	0	24.700.000	
3200	22029028	Nguyễn Việt Quang	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3201	22029029	Nguyễn Quang An	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3202	22029030	Lê Thế Hiển	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3203	22029031	Cao Quang Vinh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3204	22029032	Ngô Tuấn Hưng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3205	22029033	Dương Kiến Quốc	0		32.700.000		32.700.000	0	32.700.000	
3206	22029034	Trần Trung Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3207	22029035	Đàm Nhật Minh	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
3208	22029036	Lê Hoài Nam	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3209	22029037	Ngô Quang Tăng	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
3210	22029038	Ngô Thành Tiến	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3211	22029039	Nguyễn Đình An	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3212	22029040	Dương Thị Huệ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3213	22029041	Lê Trần Anh Dũng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3214	22029042	Bùi Duy Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3215	22029043	Nguyễn Huy Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3216	22029044	Phạm Đan Trường	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3217	22029045	Phạm Văn Chiến	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3218	22029046	Phùng Thị Linh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3219	22029047	Nguyễn Thị Mai Chi	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
3220	22029048	Nguyễn Thị Trang	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3221	22029049	Lê Quang Huy	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3222	22029050	Nguyễn Quốc Huy	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3223	22029051	Hoàng Nhật Minh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3224	22029052	Nguyễn Việt Hoàng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3225	22029053	Nguyễn Tuấn Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3226	22029054	Ngô Anh Sơn	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3227	22029055	Phạm Anh Tú	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3228	22029056	Ngô Nhật Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3229	22029057	Nguyễn Việt Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3230	22029058	Chu Tâm Vũ	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3231	22029059	Phạm Khôi Nguyên	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3232	22029060	Nguyễn Phan Anh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3233	22029061	Nguyễn Hoàng Minh	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3234	22029062	Phùng Quốc Việt	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3235	22029063	Nguyễn Hoàng Minh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3236	22029064	Tạ Thị Huyền Trang	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3237	22029065	Đinh Xuân Hải	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3238	22029066	Khương Duy	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3239	22029067	Phạm Đức Vượng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3240	22029068	Nguyễn Việt Dũng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3241	22029069	Lê Duy Long	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3242	22029071	Trần Duy Long	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3243	22029072	Nguyễn Hồng Minh	0		27.100.000		27.100.000	0	27.100.000	
3244	22029073	Hứa Huyền Thu	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3245	22029074	Phạm Duy Mạnh	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3246	22029075	Đình Thái Phong	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3247	22029076	Đặng Xuân Chung	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3248	22029077	Vũ Hải Đăng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3249	22029078	Phạm Huy Bằng	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3250	22029079	Đào Thu Hoài	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3251	22029081	Mai Đức Hiệp	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
3252	22029082	Lê Quang Tuấn	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3253	22029083	Đặng Ngọc Giáp	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3254	22029084	Nguyễn Nhật Anh	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3255	22029085	Phạm Minh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3256	22029086	Vũ Công Hoan	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3257	22029087	Trần Quang Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3258	22029088	Vũ Đức Hiếu	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
3259	22029089	Đỗ Hoàng Long	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3260	22029090	Nguyễn Xuân Giang	0		18.300.000		18.300.000	0	18.300.000	
3261	22029091	Tào Mạnh Đức	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3262	22029092	Nguyễn Ngọc Dương	0		20.700.000		20.700.000	0	20.700.000	
3263	22029093	Phạm Mạnh Kiên	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3264	22029094	Phạm Yến Nhi	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3265	22029095	Trần Tuấn Hưng	0		18.200.000		18.200.000	0	18.200.000	
3266	22029096	Phan Như Vũ Marcel	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3267	22029097	Đỗ Thành Lập	0		23.900.000		23.900.000	0	23.900.000	
3268	22029098	Đoàn Quốc Huy	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3269	22029099	Nguyễn Minh Trí	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3270	22029100	Vũ Hải Đăng	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	
3271	22029101	Lê Hiền Vinh	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3272	22029102	Đào Đình Thảo	0		21.500.000		21.500.000	0	21.500.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3273	22029103	Nguyễn Trọng Diễn	0		22.300.000		22.300.000	0	22.300.000	
3274	22029104	Đặng Tùng Sơn	0		19.100.000		19.100.000	0	19.100.000	
3275	22029105	Nguyễn Văn Chiến	0		17.500.000		17.500.000	0	17.500.000	
3276	22029106	Nguyễn Trương Dũng	0		19.900.000		19.900.000	0	19.900.000	
3277	23020001	Nguyễn Hải An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3278	23020002	Nguyễn Văn An	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3279	23020003	Phan Tất An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3280	23020004	Lê Đức Hoàng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3281	23020005	Lê Quốc Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3282	23020007	Nguyễn Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3283	23020008	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3284	23020009	Nguyễn Phi Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3285	23020010	Phạm Tuấn Anh	-663.390		16.000.000		16.000.000	0	15.336.610	
3286	23020011	Trần Tuấn Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3287	23020012	Hoàng Quốc Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3288	23020013	Lê Tuấn Cảnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3289	23020014	Hà Vũ Công	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3290	23020015	Nguyễn Văn Cử	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3291	23020016	Nguyễn Mạnh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3292	23020017	Nguyễn Phú Cường	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
3293	23020018	Nguyễn Thạc Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3294	23020019	Nguyễn Văn Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3295	23020020	Đinh Văn Quốc Chường	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3296	23020021	Nguyễn Ngọc Dinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3297	23020022	Đào Năng Dịu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3298	23020023	Trần Đăng Duật	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3299	23020024	Bùi Hùng Dũng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3300	23020025	Mai Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3301	23020026	Nguyễn Mạnh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3302	23020028	Nguyễn Xuân Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3303	23020029	Phạm Hùng Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3304	23020030	Phùng Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3305	23020031	Vũ Xuân Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3306	23020032	Mai Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3307	23020034	Nguyễn Nho Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3308	23020035	Trịnh Bình Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3309	23020036	Nguyễn Văn Đại	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3310	23020037	Lê Minh Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3311	23020038	Nguyễn Đình Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3312	23020039	Nguyễn Đức Đạt	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3313	23020040	Trần Thành Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3314	23020041	Đoàn Đình Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3315	23020042	Vũ Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3316	23020043	Trần Quang Đình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3317	23020044	Lê Duy Đông	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3318	23020045	Đỗ Trung Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3319	23020046	Hoàng Hữu Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3320	23020047	Lê Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3321	23020048	Lê Phan Trí Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3322	23020049	Nguyễn Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3323	23020051	Nguyễn Hà Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3324	23020053	Nguyễn Trường Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3325	23020054	Trần Thị Hà Giang	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3326	23020055	Nguyễn Minh Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3327	23020056	Nguyễn Minh Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3328	23020057	Nguyễn Thanh Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3329	23020058	Trương Văn Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3330	23020059	Võ Văn Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3331	23020060	Nguyễn Anh Hào	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3332	23020061	Trần Trung Hậu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3333	23020062	Nguyễn Đức Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3334	23020063	Nguyễn Trung Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3335	23020064	Vũ Minh Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3336	23020065	Bùi Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3337	23020066	Đặng Vũ Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3338	23020067	Nguyễn Như Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3339	23020068	Nguyễn Phúc Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3340	23020069	Nguyễn Trọng Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3341	23020070	Phạm Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3342	23020071	Trịnh Xuân Hóa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3343	23020073	Trần Hữu Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3344	23020074	Bùi Thái Học	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3345	23020075	Hà Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3346	23020077	Nguyễn Phi Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3347	23020078	Nguyễn Tường Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3348	23020079	Bùi An Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3349	23020080	Đinh Viết Huy	0		5.936.000		5.936.000	0	5.936.000	
3350	23020081	Nguyễn Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3351	23020082	Nguyễn Quốc Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3352	23020083	Nguyễn Thị Huyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3353	23020084	Phạm Quang Hưng	-172.000		16.000.000		16.000.000	0	15.828.000	
3354	23020085	Đỗ Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3355	23020086	Nguyễn Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3356	23020087	Trần Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3357	23020088	Phạm Nam Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3358	23020089	Phan Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3359	23020090	Trần Phương Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3360	23020092	Lê Văn Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3361	23020093	Nguyễn Đăng Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3362	23020094	Tôn Thiện Khỏe	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3363	23020095	Nguyễn Duy Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3364	23020096	Nguyễn Tùng Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3365	23020098	Lê Bảo Lân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3366	23020099	Nguyễn Viết Thành Lân	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3367	23020100	Lê Đình Nhật Linh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3368	23020101	Nguyễn Ngọc Linh	-43.000		16.000.000		16.000.000	0	15.957.000	
3369	23020102	Hán Vũ Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3370	23020103	Nguyễn Bảo Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3371	23020104	Nguyễn Thành Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3372	23020105	Vũ Quốc Long	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3373	23020107	Nguyễn Sỹ Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3374	23020108	Phí Đình Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3375	23020109	Vũ Văn Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3376	23020110	Dương Đình Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3377	23020111	Hoàng Lê Minh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3378	23020112	Hoàng Lê Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3379	23020114	Nguyễn Lê Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3380	23020115	Nguyễn Ngọc Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3381	23020116	Nguyễn Quốc Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3382	23020117	Nguyễn Văn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3383	23020118	Phạm Văn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3384	23020119	Trần Văn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3385	23020120	Đỗ Đình Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3386	23020121	Nguyễn Hoài Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3387	23020122	Phùng Hải Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3388	23020123	Nguyễn Dương Việt Nga	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3389	23020124	Lê Tuấn Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3390	23020125	Nguyễn Đỗ Trọng Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3391	23020127	Dương Khôi Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3392	23020128	Bùi Đức Nhật	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3393	23020129	Đoàn Long Nhật	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3394	23020130	Hoàng Ngọc Nhi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3395	23020131	Nguyễn Ngọc Phát	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3396	23020132	Dương Mạnh Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3397	23020133	Hoàng Văn Phú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3398	23020134	Phan Thanh Phú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3399	23020135	Đầu Hồng Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3400	23020136	Nguyễn Minh Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3401	23020137	Nguyễn Việt Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3402	23020138	Dương Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3403	23020139	Hoàng Trung Quân	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3404	23020140	Lương Duy Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3405	23020141	Nguyễn Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3406	23020142	Vũ Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3407	23020143	Trần Văn Quyết	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3408	23020144	Lê Minh Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3409	23020145	Trần Đình Phước Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3410	23020146	Đặng Anh Tôn	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3411	23020147	Nguyễn Anh Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3412	23020148	Nguyễn Chi Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3413	23020149	Lê Minh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3414	23020150	Lưu Quang Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3415	23020151	Đoàn Văn Tuyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3416	23020152	Cao Trần Hà Thái	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3417	23020154	Lê Kim Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3418	23020155	Trần Quang Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3419	23020156	Đào Xuân Thao	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3420	23020157	Trần Thị Phương Thảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3421	23020158	Đỗ Đức Thắng	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3422	23020159	Lương Vũ Thế	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3423	23020161	Quách Đức Thiện	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3424	23020162	Trần Huy Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3425	23020163	Phan Bá Thọ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3426	23020164	Phạm Minh Thông	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
3427	23020165	Lê Trọng Thực	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3428	23020166	Lưu Trung Trực	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3429	23020167	Nguyễn Văn Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3430	23020168	Trần Thị Thanh Vân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3431	23020169	Lê Hoàng Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3432	23020170	Nguyễn Hoàng Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3433	23020171	Nguyễn Khánh Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3434	23020172	Phạm Tuấn Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3435	23020173	Phan Văn Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3436	23020174	Hoàng Thành Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3437	23020175	Lương Thành Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3438	23020176	Nguyễn Đức Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3439	23020177	Nguyễn Hoàng Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3440	23020178	Vũ Ngọc An	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3441	23020179	Đỗ Hải Anh	11.659.900		16.000.000		16.000.000	0	27.659.900	Nợ K1/24-25
3442	23020180	Nguyễn Đức Thế Anh	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3443	23020181	Nguyễn Tuấn Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3444	23020185	Nguyễn Thị Kim Cúc	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3445	23020186	Cao Văn Đình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3446	23020187	Đỗ Đức Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3447	23020188	Nguyễn Hồng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3448	23020189	Nguyễn Huy Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3449	23020190	Nguyễn Quang Đại	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3450	23020191	Nguyễn Tiên Đạt	-1.026.000		16.000.000		16.000.000	0	14.974.000	
3451	23020194	Nguyễn Xuân Đức	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3452	23020195	Hoàng Trường Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3453	23020196	Ngô Trường Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3454	23020198	Phạm Ngân Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3455	23020199	Chu Đức Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3456	23020206	Phạm Hoàng Lực	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3457	23020207	Lê Đỗ Công Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3458	23020208	Phạm Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3459	23020209	Phạm Việt Hoàng Nam	-4.340.100		17.738.000		17.738.000	0	13.397.900	
3460	23020210	Lê Thị Nga	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
3461	23020212	Nguyễn Quốc Phương	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3462	23020213	Phạm Thị Thu Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3463	23020214	Trần Thị Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3464	23020216	Nguyễn Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3465	23020217	Tạ Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3466	23020218	Phạm Công Quý	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3467	23020219	Nguyễn Yên Quỳnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3468	23020221	Phạm Ngọc Kỳ Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3469	23020222	Vũ Anh Tài	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3470	23020223	Vũ Anh Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3471	23020224	Nguyễn Hoàng Tùng	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3472	23020225	Chu Hữu Tươi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3473	23020226	Đỗ Danh Thái	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3474	23020228	Phạm Văn Hoàng Thiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3475	23020229	Phan Sơn Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3476	23020231	Nguyễn Anh Thư	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3477	23020232	Lại Huyền Thương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3478	23020233	Tăng Tuấn Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3479	23020234	Lê Hoàng Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3480	23020235	Lê Trường Xuân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3481	23020236	Nguyễn Thị Băng Yên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3482	23020237	Nguyễn Trường An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3483	23020238	Đào Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3484	23020239	Lê Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3485	23020241	Trần Thế Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3486	23020242	Nguyễn Hoàng Bách	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3487	23020243	Đỗ Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3488	23020244	Nguyễn Đình Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3489	23020245	Nguyễn Xuân Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3490	23020246	Nguyễn Thế Bằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3491	23020247	Đoàn Trọng Bình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3492	23020248	Trần Thế Công	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3493	23020249	Nguyễn Khắc Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3494	23020250	Lê Hữu Chiến	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3495	23020251	Lê Văn Chiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3496	23020252	Nguyễn Mạnh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3497	23020253	Đặng Ngọc Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3498	23020254	Lê Đức Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3499	23020255	Nguyễn Đình Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3500	23020256	Đỗ Đăng Đại	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3501	23020257	Vũ Như Đại	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3502	23020258	Lê Quốc Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3503	23020259	Nguyễn Kim Thành Đạt	-34.000		18.607.000		18.607.000	0	18.573.000	
3504	23020260	Đào Minh Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3505	23020261	Kiều Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3506	23020262	Lê Huỳnh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3507	23020263	Trần Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3508	23020264	Vũ Trường Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3509	23020265	Nguyễn Minh Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3510	23020266	Phạm Đình Nam Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3511	23020267	Trần Trung Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3512	23020268	Bùi Lương Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3513	23020269	Đặng Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3514	23020270	Đỗ Tất Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3515	23020272	Nguyễn Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3516	23020273	Ngô Khánh Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3517	23020274	La Văn Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3518	23020275	Lê Minh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3519	23020276	Hoàng Văn Học	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3520	23020277	Nguyễn Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3521	23020278	Nguyễn Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3522	23020279	Nguyễn Tuấn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3523	23020280	Nguyễn Văn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3524	23020281	Trần Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3525	23020283	Nguyễn Thái Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3526	23020284	Nguyễn Đặng Lâm	0		23.821.000		23.821.000	0	23.821.000	
3527	23020285	Phạm Văn Lập	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3528	23020286	Nguyễn Quang Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3529	23020287	Kiều Doãn Lượng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3530	23020288	Lê Quốc Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3531	23020289	Nguyễn Duy Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3532	23020290	Đào Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3533	23020291	Hà Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3534	23020292	Hoàng Danh Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3535	23020293	Lê Ngọc Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3536	23020294	Nguyễn Hải Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3537	23020295	Nguyễn Thành Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3538	23020296	Nguyễn Văn Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3539	23020297	Quách Văn Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3540	23020298	Chữ Hiệp Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3541	23020299	Nguyễn Thị Yến Nhi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3542	23020300	Nguyễn Văn Phan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3543	23020301	Nguyễn Đoàn Thuận Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3544	23020302	Nguyễn Văn Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3545	23020303	Nguyễn Phùng Phước	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3546	23020304	Trần Hoàng Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3547	23020305	Nguyễn Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3548	23020306	Nguyễn Văn Quyến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3549	23020307	Nguyễn Văn Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3550	23020308	Lê Khánh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3551	23020310	Nguyễn Mạnh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3552	23020311	Đặng Văn Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3553	23020312	Nguyễn Phương Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3554	23020313	Vũ Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3555	23020314	Vương Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3556	23020315	Nguyễn Hữu Tuyển	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3557	23020317	Lương Bảo Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3558	23020318	Ngô Ngọc Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3559	23020319	Nguyễn Gia Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3560	23020320	Nguyễn Anh Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3561	23020321	Nguyễn Gia Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3562	23020322	Nguyễn Hoàng Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3563	23020323	Nguyễn Trường An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3564	23020324	Chu Thị Phương Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3565	23020325	Đỗ Hoàng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3566	23020326	Lâm Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3567	23020327	Lê Hồng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3568	23020330	Phạm Hà Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3569	23020332	Trần Xuân Bảo	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3570	23020333	Trịnh Tuấn Ngọc Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3571	23020334	Nguyễn Quý Bắc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3572	23020335	Nguyễn Duy Hải Bằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3573	23020336	Kiều Quốc Công	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3574	23020337	Nguyễn Thế Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3575	23020338	Nguyễn Công Cường	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3576	23020339	Phan Trần Mạnh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3577	23020341	Vũ Bảo Chinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3578	23020342	Bùi Thanh Dân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3579	23020343	Đỗ Việt Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3580	23020344	Ngô Quang Dũng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3581	23020345	Phạm Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3582	23020346	Phan Hoàng Dũng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3583	23020347	Đặng Đức Duy	0		2.607.000		2.607.000	0	2.607.000	
3584	23020348	Nguyễn Văn Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3585	23020349	Hoàng Văn Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3586	23020350	Nguyễn Đăng Dương	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3587	23020351	Vũ Nguyên Đan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3588	23020352	Hoàng Tiến Đạt	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3589	23020353	Tô Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3590	23020354	Tôn Thành Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3591	23020356	Bùi Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3592	23020357	Hoàng Ngọc Diệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3593	23020358	Lê Thiện Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3594	23020359	Trịnh Hoàng Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3595	23020360	Trương Trọng Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3596	23020362	Dương Lý Khánh Hạ	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3597	23020363	Vì Minh Hiền	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
3598	23020364	Phan Tuấn Hiệp	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3599	23020365	Lê Vũ Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3600	23020366	Nguyễn Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3601	23020367	Phạm Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3602	23020368	Nguyễn Duy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3603	23020370	Đông Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3604	23020371	Hoàng Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3605	23020373	Phạm Quốc Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3606	23020374	Đoàn Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3607	23020375	Hà Xuân Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3608	23020376	Nguyễn Đức Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3609	23020377	Nguyễn Gia Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3610	23020379	Nguyễn Văn Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3611	23020380	Vũ Đức Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3612	23020381	Nguyễn Thị Thanh Huyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3613	23020382	Ngô Nguyễn Khải Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3614	23020383	Nguyễn Anh Kiệt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3615	23020384	Nguyễn Đình Khải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3616	23020385	Nguyễn Gia Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3617	23020386	Trần Khắc Phúc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3618	23020387	Trần Quốc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3619	23020388	Nguyễn Thế Khôi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3620	23020390	Nguyễn Thị Ngọc Lan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3621	23020391	Phạm Bảo Lăng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3622	23020392	Lưu Quang Linh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3623	23020393	Muộn Quốc Khánh Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3624	23020394	Ngô Đình Linh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3625	23020395	Nguyễn Văn Linh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3626	23020396	Tạ Quang Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3627	23020397	Tạ Giang Thùy Loan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3628	23020398	Nông Phi Long	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3629	23020399	Nguyễn Thị Minh Ly	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3630	23020401	Vũ Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3631	23020402	Đàm Văn Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3632	23020403	Hoàng Ngọc Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3633	23020404	Kiều Đức Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3634	23020405	Nguyễn Hữu Hoàng Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3635	23020406	Nguyễn Phương Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3636	23020407	Đặng Minh Nguyệt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3637	23020408	Ngô Đình Minh Nhật	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3638	23020409	Đào Tự Phát	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3639	23020410	Nguyễn Trọng Hồng Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3640	23020411	Cao Minh Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3641	23020412	Nguyễn Bá Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3642	23020413	Phạm Nhật Quang	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3643	23020414	Võ Duy Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3644	23020415	Bùi Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3645	23020416	Đàm Lê Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3646	23020417	Nguyễn Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3647	23020419	Phan Mạnh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3648	23020421	Hoàng Minh Quyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3649	23020422	Nguyễn Đình Quyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3650	23020423	Hoàng Sơn	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3651	23020424	Vũ Minh Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3652	23020425	Phạm Hải Tiến	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3653	23020426	Hoàng Sỹ Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3654	23020427	Vũ Văn Tới	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3655	23020428	Nguyễn Hoàng Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3656	23020429	Phạm Minh Tú	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3657	23020430	Hà Mạnh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3658	23020431	Chu Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3659	23020432	Mai Minh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3660	23020433	Mai Phan Anh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3661	23020434	Nguyễn Khánh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3662	23020435	Vũ Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3663	23020437	Tạ Nguyên Thành	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3664	23020438	Trần Doãn Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3665	23020439	Nguyễn Năng Thịnh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3666	23020440	Lường Minh Trí	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3667	23020441	Nguyễn Công Trình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3668	23020442	Phạm Thế Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3669	23020443	Phan Quang Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3670	23020444	Nguyễn Văn Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3671	23020445	Nguyễn Công Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3672	23020446	Hoàng Minh Vũ	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3673	23020447	Đàm Hải Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3674	23020449	Phạm Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3675	23020451	Nguyễn Viết Bình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3676	23020452	Trần Gia Bình	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3677	23020453	Lê Dương Việt Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3678	23020454	Hà Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3679	23020455	Lê Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3680	23020456	Phạm Hoàng Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3681	23020457	Ngô Xuân Đàm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3682	23020459	Nguyễn Thành Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3683	23020460	Nguyễn Thành Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3684	23020461	Nguyễn Thành Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3685	23020463	Nguyễn Xuân Hoàng Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3686	23020464	Bùi Thế Hiếu	-500		16.000.000		16.000.000	0	15.999.500	
3687	23020465	Trần Đức Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3688	23020466	Nguyễn Duy Hoàng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3689	23020467	Phạm Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3690	23020468	Trần Khánh Hoàng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3691	23020469	Đoàn Quang Huy	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3692	23020470	Nguyễn Công Huy	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3693	23020471	Nguyễn Văn Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3694	23020472	Phan Văn Huy	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3695	23020473	Phạm Anh Hưng	0		22.952.000		22.952.000	0	22.952.000	
3696	23020475	Đình Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3697	23020476	Dương Thùy Linh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3698	23020477	Bùi Đức Long	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3699	23020478	Nguyễn Hải Long	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3700	23020480	Hoàng Hữu Ngọc Minh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3701	23020481	Nguyễn Bình Minh	-663.390		16.000.000		16.000.000	0	15.336.610	
3702	23020482	Nguyễn Mậu Hoàng Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3703	23020483	Đông Thị Kim Ngân	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3704	23020484	Dương Tuấn Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3705	23020485	Nguyễn Trọng Phúc	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3706	23020486	Quách Minh Quân	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3707	23020487	Nguyễn Ngọc Sơn	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3708	23020488	Trương Thế Tài	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3709	23020489	Trịnh Nhật Tân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3710	23020490	Vũ Mạnh Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3711	23020491	Đỗ Văn Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3712	23020492	Đặng Anh Tuấn	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3713	23020493	Ngô Văn Thanh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3714	23020494	Nguyễn Huy Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3715	23020495	Phạm Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3716	23020496	Trần Đình Tuấn	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3717	23020497	Cao Vũ Xuân Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3718	23020498	Hoàng Việt Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3719	23020499	Lê Duy Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3720	23020500	Trần Bá Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3721	23020501	Đặng Duy Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3722	23020503	Nguyễn Phúc Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3723	23020504	Trương Huy Vinh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3724	23020505	Phạm Huy Hoàng Vũ	-8.000		18.607.000		18.607.000	0	18.599.000	
3725	23020506	Trần Nho Long Vũ	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3726	23020507	Đinh Văn An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3727	23020508	Nguyễn Bình An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3728	23020509	Nguyễn Trọng An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3729	23020510	Lê Minh Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3730	23020511	Lưu Minh Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3731	23020512	Nguyễn Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3732	23020513	Nguyễn Hoàng Hà Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3733	23020514	Phạm Thúc Việt Anh	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
3734	23020515	Vũ Phúc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3735	23020516	Dương Thanh Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3736	23020517	Trần Lê Cương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3737	23020518	Đàm Đại Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3738	23020519	Ngô Tuấn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3739	23020520	Nguyễn Mạnh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3740	23020522	Phạm Khánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3741	23020523	Nguyễn Hải Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3742	23020524	Nguyễn Hữu Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3743	23020525	Dương Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3744	23020526	Lã Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3745	23020527	Lê Xuân Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3746	23020528	Mai Anh Đức	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3747	23020529	Đỗ Thị Thu Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3748	23020530	Lê Thanh Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3749	23020531	Nguyễn Mạnh Hà	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
3750	23020532	Nguyễn Thu Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3751	23020533	Nguyễn Thị Thanh Hiền	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3752	23020534	Nguyễn Huy Hiệp	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3753	23020535	Phạm Huy Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3754	23020536	Trần Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3755	23020537	Điền Mạnh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3756	23020538	Đinh Tiến Hùng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3757	23020539	Đặng Quốc Huy	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3758	23020540	Nguyễn Anh Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3759	23020541	Phạm Ngọc Huyền	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
3760	23020542	Phạm Việt Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3761	23020543	Trần Nhật Hưng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3762	23020544	Nguyễn Xuân Trường Khải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3763	23020545	Nguyễn Tùng Lâm	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3764	23020546	Vương Thùy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3765	23020547	Nguyễn Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3766	23020548	Phạm Hữu Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3767	23020549	Bùi Huyền Mi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3768	23020550	Doãn Đoàn Đức Minh	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
3769	23020551	Giang Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3770	23020553	Phạm Công Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3771	23020554	Trần Đình Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3772	23020555	Nguyễn Thị Si My	-3.000.000		24.304.000		24.304.000	0	21.304.000	
3773	23020556	Bùi Mạnh Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3774	23020557	Nguyễn Nhật Nam	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
3775	23020559	Lưu Đạt Tuấn Nghĩa	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3776	23020560	Trịnh Thanh Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3777	23020561	Nguyễn Khôi Nguyên	0		31.836.000		31.836.000	0	31.836.000	
3778	23020562	Trần Phương Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3779	23020563	Lê Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3780	23020564	Trần Minh Quân	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3781	23020565	Đặng Anh Quế	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
3782	23020566	Lê Hoàng San	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3783	23020567	Lê Văn Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3784	23020568	Ngô Thị Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3785	23020569	Phạm Thanh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3786	23020570	Nguyễn Tự Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3787	23020571	Nông Sơn Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3788	23020572	Vũ Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3789	23020573	Nguyễn Phương Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3790	23020574	Ngô Đức Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3791	23020576	Vũ Tiến Tuấn Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3792	23020577	Chu Anh Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3793	23020579	Nguyễn Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3794	23020580	Phạm Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3795	23020581	Nguyễn Hải An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3796	23020582	Nguyễn Ngọc Bảo An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3797	23020583	Hoàng Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3798	23020584	Lê Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3799	23020585	Nguyễn Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3800	23020586	Nguyễn Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3801	23020587	Vũ Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3802	23020588	Vũ Hoàng Ân	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
3803	23020590	Vũ Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3804	23020591	Hoàng Khánh Chi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3805	23020592	Nguyễn Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3806	23020593	Hoàng Quốc Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3807	23020594	Dương Tiến Đạt	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3808	23020595	Trần Tuấn Đạt	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
3809	23020596	Nguyễn Thành Đô	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3810	23020598	Đào Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3811	23020599	Đoàn Việt Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3812	23020600	Lưu Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3813	23020601	Nguyễn Tuấn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3814	23020602	Vũ Ngọc Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3815	23020603	Lê Thúy Hà	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	
3816	23020604	Phạm Bảo Hân	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
3817	23020605	Vũ Văn Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3818	23020606	Bùi Đức Hòa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3819	23020607	Nguyễn Đức Hoan	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3820	23020608	Nguyễn Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3821	23020610	Ngô Đức Huy	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
3822	23020611	Nguyễn Ngọc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3823	23020612	Nguyễn Quang Huy	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
3824	23020613	Vũ Bá Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3825	23020614	Đỗ Duy Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3826	23020615	Đỗ Ngọc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3827	23020616	Nguyễn Văn Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3828	23020618	Phạm Hoàng Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3829	23020619	Nguyễn Văn Lập	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3830	23020620	Ngô Thị Thảo Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3831	23020621	Nguyễn Thị Ngọc Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3832	23020622	Vũ Trần Duy Linh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
3833	23020623	Nguyễn Phước Ngưỡng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3834	23020624	Nguyễn Văn Lương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3835	23020625	Nguyễn Bá Mạnh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3836	23020626	Ma Đức Minh	0		17.488.000		17.488.000	0	17.488.000	
3837	23020628	Nguyễn Tuệ Minh	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
3838	23020629	Nguyễn Vũ Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3839	23020630	Vũ Thị Mừng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3840	23020631	Đặng Phương Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3841	23020633	Vũ Gia Hoàng Nhân	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3842	23020634	Hà Thị Kim Oanh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3843	23020636	Nguyễn Hữu Hồng Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3844	23020637	Phạm Hoàng Phúc	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3845	23020638	Đặng Thu Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3846	23020639	Hoàng Văn Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3847	23020640	Trương Gia Sinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3848	23020641	Nguyễn Quế Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3849	23020642	Nguyễn Bá Trọng Tín	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3850	23020643	Nguyễn Quốc Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3851	23020644	Võ Hồng Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3852	23020645	Phạm Phương Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3853	23020646	Bùi Minh Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
3854	23020647	Khuất Đình Vinh	0		30.760.000		30.760.000	0	30.760.000	
3855	23020648	Đình Minh Vũ	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
3856	23020650	Nguyễn Công Quang Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3857	23020651	Nguyễn Dương Minh Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3858	23020652	Nguyễn Thế Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3859	23020653	Hoàng Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3860	23020654	Phạm Gia Doanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3861	23020655	Nguyễn Đức Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3862	23020656	Nguyễn Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3863	23020657	Nguyễn Trọng Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3864	23020658	Khuất Văn Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3865	23020659	Lê Trí Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3866	23020660	Nguyễn Văn Hoàng Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3867	23020661	Hồ Thúy Hằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3868	23020662	Nguyễn Thúy Hằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3869	23020663	Đỗ Việt Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3870	23020664	Nguyễn Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3871	23020665	Phan Xuân Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3872	23020666	Đào Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3873	23020667	Nguyễn Văn Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3874	23020668	Thái Việt Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3875	23020669	Lê Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3876	23020670	Phạm Thế Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3877	23020671	Đặng Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3878	23020672	Nguyễn Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3879	23020673	Nguyễn Sinh Huy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3880	23020674	Đỗ Tuấn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3881	23020675	Đặng Đình Khang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3882	23020676	Nguyễn Tuấn Khang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3883	23020677	Tạ Duy Khánh	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
3884	23020678	Phạm Tùng Lâm	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3885	23020679	Đỗ Chí Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3886	23020680	Nguyễn Bá Hoàng Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3887	23020681	Nguyễn Đức Lưu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3888	23020683	Lê Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3889	23020684	Nguyễn Thành Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3890	23020685	Nguyễn Uyên Minh	0		22.952.000		22.952.000	0	22.952.000	
3891	23020686	Nhữ Ngọc Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3892	23020687	Huỳnh Lê Nghĩa	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3893	23020688	Nguyễn Trung Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3894	23020689	Đồ Thị Bích Ngọc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3895	23020690	Lê Thị Thế Ngọc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3896	23020691	Nguyễn Đức Nguyên	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3897	23020692	Trần Thế Pháp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3898	23020694	Nguyễn Đức Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3899	23020695	Lê Thị Tú Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3900	23020696	Chu Anh Quốc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3901	23020697	Tân Văn Quyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3902	23020698	Nguyễn Văn Quỳnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3903	23020699	Trần Hoàng Sơn	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3904	23020700	Lê Đức Anh Tài	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3905	23020701	Nguyễn Ngọc Tài	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3906	23020702	Lê Duy Khánh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3907	23020703	Lê Chí Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3908	23020704	Phạm Anh Tuấn	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3909	23020705	Lù Minh Tường	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
3910	23020706	Bùi Trung Thanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3911	23020707	Nguyễn Văn Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3912	23020708	Hoàng Duy Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3913	23020709	Nguyễn Xuân Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3914	23020710	Trịnh Ngọc Thống	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3915	23020711	Đinh Huyền Trang	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
3916	23020712	Dương Thái Trân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3917	23020713	Mai Tân Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3918	23020714	Nguyễn Đình Văn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3919	23020715	Lương Thế Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3920	23020716	Nguyễn Xuân Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3921	23020717	Trần Thuận Vy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3922	23020718	Bùi Trường An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3923	23020719	Đỗ Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3924	23020721	Nguyễn Quang Anh	0		28.166.000		28.166.000	0	28.166.000	
3925	23020722	Phạm Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3926	23020723	Lê Anh Tuấn Bằng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3927	23020724	Phạm Thị Bích	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3928	23020725	Hoa Mạnh Cường	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3929	23020727	Tô Văn Chúc	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3930	23020728	Bùi Mạnh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3931	23020729	Kiều Minh Dũng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3932	23020730	Thân Thế Trí Dũng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3933	23020731	Nguyễn Đức Duy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3934	23020732	Nguyễn Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3935	23020733	Văn Thư Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3936	23020734	Ngô Thiện Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3937	23020735	Phạm Thành Đông	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3938	23020736	Lê Mạnh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3939	23020738	Phan Hoàng Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3940	23020739	Lê Minh Hải	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
3941	23020740	Đình Văn Hào	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3942	23020741	Mai Đức Hiền	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3943	23020742	Vũ Văn Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3944	23020743	Nguyễn Huy Hoàng	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
3945	23020744	Dương Văn Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3946	23020745	Lăng Văn Huy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3947	23020746	Uông Gia Huy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3948	23020747	Trần Lưu Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3949	23020748	Lục Văn Khoa	-9.500		4.198.000		4.198.000	0	4.188.500	
3950	23020749	Nguyễn Văn Linh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3951	23020750	Phạm Đức Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3952	23020751	Dương Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3953	23020752	Lưu Gia Minh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3954	23020753	Dương Thị Kim Ngân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3955	23020754	Lê Trọng Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3956	23020755	Nguyễn Minh Nghĩa	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3957	23020756	Đinh Văn Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3958	23020757	Lê Hồng Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3959	23020758	Bùi Anh Quân	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3960	23020759	Nguyễn Tất Quân	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3961	23020760	Nguyễn Trọng Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3962	23020761	Nguyễn Văn Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3963	23020762	Lương Nguyễn Việt Sang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3964	23020763	Trần Ngọc Sáng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3965	23020764	Vũ Ngọc Sơn	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3966	23020765	Hoàng Minh Tâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3967	23020766	Nguyễn Văn Tổng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3968	23020767	Nguyễn Quang Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3969	23020768	Triệu Bùi Minh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3970	23020769	Mạc Văn Tùng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3971	23020770	Trần Sơn Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3972	23020772	Nguyễn Trần Thu Thảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3973	23020773	Trần Việt Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3974	23020774	Nguyễn Hoàng Thiện	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3975	23020776	Mai Đức Trí	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3976	23020777	Hoàng Xuân Trường	4.510.000		17.738.000		17.738.000	0	22.248.000	Nợ 1 phần K1/24-25
3977	23020778	Lê Minh Tuấn Vũ	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
3978	23020779	Lê Quốc Anh	0		23.821.000		23.821.000	0	23.821.000	
3979	23020780	Nguyễn Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3980	23020781	Nguyễn Quang Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3981	23020782	Vũ Đức Anh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
3982	23020783	Đỗ Hoàng Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3983	23020784	Nguyễn Quang Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3984	23020785	Nguyễn Thanh Bình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3985	23020786	Nguyễn Đình Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
3986	23020787	Nguyễn Thị Phương Chi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3987	23020788	Hoàng Hải Chiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3988	23020789	Trần Minh Chiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3989	23020790	Nguyễn Văn Dân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3990	23020791	Nguyễn Đức Duân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3991	23020792	Bùi Tiến Dũng	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
3992	23020793	Nguyễn Anh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3993	23020794	Nguyễn Mạnh Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3994	23020795	Bùi Đăng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3995	23020796	Đỗ Tùng Dương	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
3996	23020797	Phan Đăng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3997	23020798	Phùng Khắc Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3998	23020800	Trịnh Đình Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
3999	23020801	Lê Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4000	23020802	Nguyễn Trường Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4001	23020803	Trịnh Văn Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4002	23020804	Trương Hoàng Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4003	23020805	Nguyễn Văn Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4004	23020806	Hoàng Viết Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4005	23020807	Ngô Văn Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4006	23020808	Nguyễn Đình Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4007	23020809	Nguyễn Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4008	23020810	Phạm Đức Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4009	23020811	Phùng Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4010	23020812	Đoàn Quang Hoàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4011	23020813	Lê Thanh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4012	23020814	Mai Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4013	23020815	Nguyễn Việt Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4014	23020816	Trần Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4015	23020817	Võ Viết Hoàng	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4016	23020818	Vũ Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4017	23020819	Phan Xuân Hôn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4018	23020820	Hoàng Minh Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4019	23020821	Lê Công Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4020	23020822	Trần Văn Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4021	23020823	Hà Huy Anh Kiệt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4022	23020824	Đỗ Tuấn Khanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4023	23020825	Phạm Dương Khanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4024	23020826	Mai Gia Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4025	23020827	Nguyễn Quang Bảo Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4026	23020828	Phạm Ngọc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4027	23020829	Nguyễn Văn Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4028	23020830	Trần Thế Khôi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4029	23020831	Nguyễn Tuấn Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4030	23020832	Nguyễn Việt Linh	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4031	23020833	Phạm Thị Thùy Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4032	23020834	Đình Thành Long	-19.932.610		16.000.000		16.000.000	0	-3.932.610	SV nộp trước cho nhiều kỳ
4033	23020835	Lê Thanh Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4034	23020836	Hoàng Đức Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4035	23020837	Lê Ngô Đức Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4036	23020838	Nguyễn Văn Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4037	23020839	Nguyễn Xuân Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4038	23020840	Tạ Đức Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4039	23020841	Nguyễn Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4040	23020842	Nguyễn Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4041	23020843	Trần Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4042	23020844	Vũ Ngọc Trường Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4043	23020845	Hoàng Nhật Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4044	23020846	Nguyễn Trọng Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4045	23020847	Phạm Thành Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4046	23020848	Phan Đình Phương Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4047	23020849	Lê Thị Linh Nga	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
4048	23020850	Đặng Trọng Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4049	23020851	Đỗ Thị Minh Ngọc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4050	23020852	Lê Nguyễn	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4051	23020853	Nguyễn Văn Nhân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4052	23020854	Chu Hồng Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4053	23020855	Nguyễn Thế Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4054	23020856	Vũ Hải Phong	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4055	23020857	Trần Minh Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4056	23020858	Hà Thu Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4057	23020859	Trần Văn Phường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4058	23020860	Nguyễn Minh Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4059	23020861	Phùng Văn Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4060	23020862	Bùi Đức Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4061	23020863	Đặng Bá Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4062	23020864	Trần Văn Trung Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4063	23020866	Lê Minh Quyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4064	23020867	Trịnh Quang Sáng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4065	23020868	Nguyễn Thế Hoàng Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4066	23020869	Phạm Trung Sỹ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4067	23020870	Phan Thành Tài	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4068	23020871	Phùng Khắc Tâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4069	23020872	Nguyễn Trọng Tấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4070	23020873	Vũ Văn Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4071	23020874	Vũ Hàn Tín	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4072	23020875	Đinh Kiều Công Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4073	23020876	Đoàn Mạnh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4074	23020877	Hoàng Nghĩa Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4075	23020878	Quách Thanh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4076	23020879	Vũ Chí Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4077	23020880	Nguyễn Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4078	23020881	Phạm Ngọc Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4079	23020882	Đỗ Đăng Tuyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4080	23020883	Bùi Xuân Thanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4081	23020884	Nguyễn Hải Thanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4082	23020885	Nguyễn Tất Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4083	23020886	Nguyễn Tiến Thành	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
4084	23020887	Nguyễn Thế Thiện	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4085	23020888	Lưu Tiến Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4086	23020889	Nguyễn Minh Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4087	23020890	Trịnh Thị Huyền Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4088	23020892	Nguyễn Đức Trọng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4089	23020893	Nguyễn Minh Trọng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4090	23020894	Mã Thành Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4091	23020895	Nguyễn Công Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4092	23020896	Lương Hữu Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4093	23020897	Cao Quang Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4094	23020898	Lê Hoàng Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4095	23020899	Bùi Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4096	23020900	Nguyễn Duy Đức Anh	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
4097	23020901	Phạm Tuấn Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4098	23020902	Phạm Thế Anh	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
4099	23020903	Trần Thế Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4100	23020904	Thân Thị ánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4101	23020905	Đặng Xuân Bách	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4102	23020906	Nguyễn Duy Bách	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4103	23020908	Nguyễn Mạnh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4104	23020909	Trần Văn Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4105	23020910	Nguyễn Sỹ Danh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4106	23020911	Hà Tiến Doanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4107	23020912	Đỗ Minh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4108	23020913	Hà Mạnh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4109	23020914	Lê Doãn Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4110	23020915	Nguyễn Chí Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4111	23020916	Nguyễn Quang Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4112	23020917	Phạm Đăng Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4113	23020918	Trần Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4114	23020919	Đặng Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4115	23020920	Nguyễn Đức Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4116	23020921	Dương Văn Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4117	23020923	Nguyễn Như Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4118	23020924	Võ Huy Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4119	23020925	Phạm Trường Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4120	23020926	Nguyễn Anh Hào	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4121	23020927	Hà Thị Thu Hằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4122	23020928	Trần Minh Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4123	23020929	Nguyễn Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4124	23020930	Nguyễn Minh Hiếu	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4125	23020931	Nguyễn Ngọc Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4126	23020932	Nguyễn Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4127	23020933	Nguyễn Văn Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4128	23020934	Lê Nguyễn Việt Hoàng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4129	23020935	Trần Thiên Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4130	23020936	Trần Danh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4131	23020937	Đặng Minh Huy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4132	23020938	Lê Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4133	23020939	Nguyễn Việt Huynh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4134	23020940	Nguyễn Thế Huỳnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4135	23020941	Ngô Gia Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4136	23020942	Nguyễn Văn Khải	-884.520		16.000.000		16.000.000	0	15.115.480	
4137	23020943	Đình Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4138	23020944	Ngô Nhật Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4139	23020945	Bùi Duy Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4140	23020946	Bùi Thanh Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4141	23020947	Nguyễn Thanh Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4142	23020948	Phạm Ngọc Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4143	23020950	Ngô Hồ Bảo Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4144	23020951	Bùi Đức Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4145	23020952	Nguyễn Văn Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4146	23020953	Bùi Lê Minh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4147	23020954	Nguyễn Hoài Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4148	23020955	Nguyễn Thành Nam	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
4149	23020956	Nguyễn Sinh Ngàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4150	23020957	Phạm Tấn Phát	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4151	23020958	Đặng Huỳnh Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4152	23020959	Nguyễn Minh Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4153	23020960	Ngô Thu Phương	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4154	23020961	Nguyễn Duy Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4155	23020962	Đỗ Văn Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4156	23020963	Nguyễn Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4157	23020964	Bùi Thái Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4158	23020966	Lương Công Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4159	23020967	Đỗ Đắc Tài	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4160	23020968	Chu Văn Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4161	23020969	Phạm Việt Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4162	23020970	Dương Văn Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4163	23020972	Vũ Thế Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4164	23020973	Nguyễn Văn Tường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4165	23020974	Nguyễn Công Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4166	23020975	Nguyễn Xuân Thiết	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4167	23020976	Dương Phương Thùy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4168	23020979	Trần Văn Thương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4169	23020980	Trần Gia Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4170	23020981	Đỗ Quang Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4171	23020982	Hồ Sỹ An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4172	23020983	Nguyễn Đắc Phúc An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4173	23020984	Nguyễn Trường An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4174	23020985	Bùi Thế Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4175	23020986	Kiều Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4176	23020987	Khúc Ngọc Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4177	23020989	Ngô Duy Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4178	23020990	Nguyễn Đức Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4179	23020991	Trần Tuấn Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4180	23020992	Bùi Nguyễn Gia Bảo	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4181	23020993	Lương Xuân Bắc	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4182	23020994	Nguyễn Văn Bằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4183	23020995	Mai Thành Công	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4184	23020996	Trần Cao Cường	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4185	23020997	Vũ Mạnh Chiến	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
4186	23020998	Lê Minh Dũng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4187	23020999	Nguyễn Mạnh Dũng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4188	23021001	Trương Ngọc Quốc Duy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4189	23021002	Đới Sỹ Quang Dương	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
4190	23021003	Lê Hải Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4191	23021004	Phạm Khánh Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4192	23021005	Phạm Sỹ Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4193	23021006	Vương Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4194	23021007	Hà Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4195	23021008	Lê Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4196	23021009	Bạch Văn Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4197	23021011	Lê Minh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4198	23021013	Đồng Minh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4199	23021014	Nguyễn Hoàng Hùng	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4200	23021015	Nguyễn Hữu Hùng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4201	23021016	Nguyễn Quang Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4202	23021017	Nguyễn Việt Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4203	23021018	Đào Mạnh Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4204	23021019	Nguyễn Trần Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4205	23021020	Nguyễn Văn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4206	23021021	Trần Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4207	23021022	Phạm Đình Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4208	23021023	Trần Ngọc Quốc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4209	23021024	Lê Anh Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4210	23021025	Nguyễn Thị Ngọc Lan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4211	23021026	Đàm Đức Mạnh	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
4212	23021027	Lê Đức Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4213	23021028	Đào Văn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4214	23021029	Nguyễn Văn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4215	23021030	Nguyễn Minh Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4216	23021031	Trần Phương Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4217	23021033	Nông Quốc Phú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4218	23021034	Nguyễn Hoàng Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4219	23021035	Nguyễn Đình Phước	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4220	23021036	Bùi Xuân Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4221	23021037	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4222	23021038	Bùi Đức Tâm	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4223	23021039	Nguyễn Văn Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4224	23021040	Vũ Huy Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4225	23021041	Nguyễn Trung Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4226	23021042	Trịnh Đức Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4227	23021043	Đỗ Ngọc Tuyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4228	23021044	Ngô Minh Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4229	23021045	Nguyễn Mạnh Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4230	23021046	Bùi Nguyên Trinh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4231	23021047	Phạm Chính Trọng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4232	23021048	Phạm Đức Trọng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4233	23021049	Chu Quốc Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4234	23021050	Nguyễn Thành Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4235	23021052	Hồ Hữu Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4236	23021053	Đào Minh An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4237	23021054	Đào Minh An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4238	23021055	Lưu Quốc An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4239	23021056	Ngô Thái An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4240	23021057	Bùi Quang Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4241	23021058	Đặng Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4242	23021059	Đinh Hoàng Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4243	23021060	Nguyễn Hoàng Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4244	23021061	Nguyễn Thế Anh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4245	23021062	Vũ Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4246	23021063	Vũ Đình Bách	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4247	23021064	Đào Duy Bảo	0		22.952.000		22.952.000	0	22.952.000	
4248	23021065	Đặng Quốc Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4249	23021066	Đàm Xuân Bắc	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4250	23021068	Đỗ Thanh Bình	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4251	23021069	Nguyễn Thanh Bình	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
4252	23021070	Nguyễn Xuân Cẩn	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4253	23021071	Nguyễn Trung Công	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4254	23021074	Lê Văn Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4255	23021075	Lê Việt Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4256	23021076	Nguyễn Anh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4257	23021077	Nguyễn Cao Cường	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4258	23021078	Nguyễn Mạnh Cường	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
4259	23021079	Tô Duy Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4260	23021080	Vũ Hồng Cường	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4261	23021081	Khương Minh Chiến	6.808.000		17.738.000		17.738.000	0	24.546.000	Nợ HP GDQP n/h 23-24
4262	23021083	Cao Ngọc Danh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4263	23021084	Nguyễn Quang Diệu	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
4264	23021085	Đình Hoàng Dũng	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
4265	23021086	Hà Trần Anh Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4266	23021087	Nguyễn Lưu Anh Dũng	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
4267	23021088	Nguyễn Xuân Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4268	23021089	Trần Văn Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4269	23021090	Bùi Quang Duy	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4270	23021091	Phạm Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4271	23021092	Trần Khánh Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4272	23021093	Nguyễn Thị Minh Duyên	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4273	23021094	Đào Nhật Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4274	23021095	Văn Tiến Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4275	23021096	Nguyễn Hoàng Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4276	23021097	Nguyễn Phong Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4277	23021098	Nguyễn Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4278	23021100	Cù Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4279	23021101	Lê Trung Đức	0		22.952.000		22.952.000	0	22.952.000	
4280	23021103	Vũ Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4281	23021105	Trần Hoàng Giang	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4282	23021106	Đào Việt Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4283	23021107	Đồng Văn Hải	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
4284	23021108	Nguyễn Minh Hải	-2.297.700		17.738.000		17.738.000	0	15.440.300	
4285	23021109	Dương Nhật Hào	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4286	23021111	Nguyễn Hoàng Hiệp	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4287	23021112	Hà Chí Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4288	23021113	Luyện Văn Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4289	23021114	Lương Trung Hiếu	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4290	23021115	Nguyễn Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4291	23021116	Vũ Xuân Hiếu	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4292	23021117	Trần Thị Hoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4293	23021119	Lê Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4294	23021120	Đình Văn Hội	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4295	23021121	Đình Thị Huế	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
4296	23021122	Hoàng Văn Hùng	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4297	23021124	Quảng Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4298	23021125	Trần Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4299	23021126	Đỗ Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4300	23021127	Phan Đăng Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4301	23021128	Nguyễn Tuấn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4302	23021129	Hà Hoàng Anh Kiệt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4303	23021130	Nguyễn Xuân Kiệt	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
4304	23021132	Phạm Tuấn Khanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4305	23021133	Dương Quốc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4306	23021134	Đình Nguyễn Tùng Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4307	23021135	Đỗ Nguyễn Quốc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4308	23021136	Trần Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4309	23021137	Nguyễn Trường Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4310	23021138	Phạm Tùng Lâm	-9.450		16.000.000		16.000.000	0	15.990.550	
4311	23021139	Nguyễn Huyền Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4312	23021140	Trần Hải Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4313	23021141	Chu Thành Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4314	23021142	Nguyễn Thế Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4315	23021143	Phí Đức Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4316	23021144	Dương Văn Lộc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4317	23021145	Phạm Đình Lợi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4318	23021147	Nguyễn Văn Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4319	23021149	Hoàng Minh	13.702.300		16.000.000		16.000.000	0	29.702.300	Nợ K1/24-25
4320	23021150	Mai Văn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4321	23021153	Tô Thành Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4322	23021154	Trần Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4323	23021156	Đào Văn Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4324	23021157	Đỗ Trọng Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4325	23021158	Nguyễn Thế Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4326	23021159	Nguyễn Xuân Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4327	23021160	Sái Hải Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4328	23021161	Hoàng Hải Ninh	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4329	23021162	Đỗ Văn Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4330	23021163	Vũ Trọng Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4331	23021165	Lê Tuấn Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4332	23021166	Nguyễn Trường Phước	53.450		20.345.000		20.345.000	0	20.398.450	Nợ lẻ
4333	23021167	Đặng Nhật Quang	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4334	23021169	Hoàng Anh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4335	23021170	Lương Văn Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4336	23021171	Nguyễn Trương Trung Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4337	23021172	Vũ Phạm Anh Quân	0		22.083.000		22.083.000	0	22.083.000	
4338	23021173	Nguyễn Phú Sang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4339	23021174	Đặng Thái Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4340	23021175	Nguyễn Duy Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4341	23021176	Nguyễn Đức Tâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4342	23021177	Nguyễn Minh Tâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4343	23021178	Nguyễn Thủy Tiên	0		12.019.000		12.019.000	0	12.019.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4344	23021180	Nguyễn Xuân Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4345	23021181	Lê Doãn Khánh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4346	23021182	Ngô Minh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4347	23021183	Phạm Công Toàn	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4348	23021184	Từ Minh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4349	23021185	Trịnh Khánh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4350	23021186	Hoàng Quốc Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4351	23021187	Nguyễn Hoàng Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4352	23021188	Nguyễn Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4353	23021190	Nguyễn Trần Thiện Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4354	23021191	Nguyễn Ngô Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4355	23021192	Hà Minh Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4356	23021193	Phạm Khánh Toàn Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4357	23021195	Nguyễn Đình Thông	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4358	23021196	Bùi Như Thuần	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4359	23021198	Nguyễn Đắc Thực	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4360	23021199	Trần Khắc Trọng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4361	23021201	Nguyễn Văn Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4362	23021202	Nguyễn Cao Hoàng Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4363	23021203	Lê Hữu Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4364	23021204	Đỗ Thành An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4365	23021205	Nguyễn Văn An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4366	23021206	Hoàng Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4367	23021207	Nghiêm Xuân Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4368	23021208	Nguyễn Đức Nhật Anh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4369	23021209	Nguyễn Đức Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4370	23021210	Nguyễn Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4371	23021211	Nguyễn Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4372	23021212	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4373	23021213	Phạm Hùng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4374	23021214	Phạm Ngọc Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4375	23021215	Phùng Nam Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4376	23021216	Trần Anh	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
4377	23021217	Trần Tiến Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4378	23021218	Nguyễn Việt Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4379	23021219	Lê Quốc Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4380	23021220	Nguyễn Tiến Bảo	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4381	23021221	Nguyễn Quang Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4382	23021222	Hà Trí Cường	0		27.532.000		27.532.000	0	27.532.000	
4383	23021223	Nguyễn Tá Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4384	23021224	Phạm Văn Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4385	23021225	Phạm Thành Danh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4386	23021226	Vũ Minh Duẩn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4387	23021227	Đỗ Văn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4388	23021228	Nguyễn Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4389	23021229	Nguyễn Văn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4390	23021230	Lê Thanh Duy	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4391	23021231	Nguyễn Hữu Tuấn Duy	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4392	23021232	Trần Khánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4393	23021233	Bùi Hải Dương	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4394	23021234	Nguyễn Đức Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4395	23021235	Nguyễn Tiến Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4396	23021236	Nguyễn Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4397	23021237	Trần Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4398	23021238	Vũ Đăng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4399	23021239	Phạm Việt Đan	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4400	23021240	Đỗ Trí Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4401	23021241	Nguyễn Đức Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4402	23021242	Trần Tuấn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4403	23021243	Nguyễn Vũ Đoàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4404	23021244	Vũ Thái Đô	1.128.000		26.456.000		26.456.000	0	27.584.000	Nợ 1 phần K1/24-25
4405	23021245	Ngô Văn Đông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4406	23021246	Lê Huy Thành Đồng	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4407	23021247	Lê Huy Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4408	23021248	Lê Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4409	23021249	Nguyễn Đăng Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4410	23021251	Nguyễn Ngọc Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4411	23021252	Nguyễn Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4412	23021253	Đỗ Đức Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4413	23021254	Đỗ Văn Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4414	23021255	Lê Văn Hải	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4415	23021256	Lý Văn Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4416	23021257	Trần Nam Hải	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4417	23021258	Nguyen Minh Hang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4418	23021259	Nguyễn Trần Ngọc Hân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4419	23021260	Đoàn Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4420	23021261	Khổng Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4421	23021262	Nguyễn Trọng Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4422	23021263	Phạm Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4423	23021264	Phạm Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4424	23021265	Đặng Huy Hiệu	-884.520		20.000.000		20.000.000	0	19.115.480	
4425	23021266	Nguyễn Trung Hòa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4426	23021267	Vũ Ngọc Hoàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4427	23021268	Khổng Trọng Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4428	23021269	Nguyễn Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4429	23021270	Nguyễn Thái Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4430	23021271	Nguyễn Việt Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4431	23021272	Từ Dương Vũ Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4432	23021273	Vũ Hữu Hoạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4433	23021274	Nhâm Đình Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4434	23021275	Bùi Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4435	23021276	Lê Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4436	23021277	Nguyễn Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4437	23021278	Phạm Lê Gia Huy	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4438	23021279	Phan Đăng Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4439	23021280	Tạ Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4440	23021281	Bùi Xuân Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4441	23021282	Phạm Văn Hưng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4442	23021283	Phạm Việt Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4443	23021284	Kiều Lan Hương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4444	23021285	Tạ Minh Hường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4445	23021286	Bùi Trọng Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4446	23021287	Nghiêm Xuân Kiên	-39.000		20.000.000		20.000.000	0	19.961.000	
4447	23021288	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4448	23021289	Nguyễn Việt Khanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4449	23021290	Dương Ngọc Khánh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4450	23021291	Lê Bá Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4451	23021292	Nguyễn Duy Khánh	0		28.608.000		28.608.000	0	28.608.000	
4452	23021293	Nguyễn Duy Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4453	23021294	Nguyễn Hoàng Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4454	23021295	Phạm Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4455	23021296	Phạm Văn Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4456	23021297	Trương Quốc Khánh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4457	23021298	Lê Hoàng Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4458	23021299	Lê Hải Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4459	23021300	Đinh Đức Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4460	23021301	Nguyễn Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4461	23021302	Phạm Trường Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4462	23021303	Nguyễn Thành Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4463	23021304	Đỗ Văn Lực	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4464	23021305	Đinh Đức Mạnh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4465	23021306	Bùi Lê Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4466	23021307	Đặng Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4467	23021310	Phạm Hải Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4468	23021311	Trần Nhật Minh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4469	23021312	Trần Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4470	23021313	Vũ Thế Minh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4471	23021314	Bùi Huyền My	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
4472	23021315	Trịnh Quang Năng	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4473	23021316	Đào Mạnh Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4474	23021317	Nguyễn Cao Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4475	23021318	Trần Thiện Nhân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4476	23021319	Trần Thị Hồng Nhung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4477	23021320	Mẫn Văn Nhật Phi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4478	23021321	Nguyễn Thế Phong	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4479	23021322	Nguyễn Văn Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4480	23021323	Nguyễn Viết Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4481	23021324	Phạm Huy Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4482	23021325	Võ Đỗ Khánh Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4483	23021327	Trần Duy Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4484	23021328	Nguyễn Ngọc Như Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4485	23021329	Hoàng Anh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4486	23021330	Đinh Vũ Quý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4487	23021331	Công Nghĩa Nam Sơn	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4488	23021332	Đỗ Hoàng Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4489	23021333	Đỗ Hồng Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4490	23021334	Hoàng Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4491	23021335	Nguyễn Tuấn Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4492	23021336	Nguyễn Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4493	23021337	Ngô Đức Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4494	23021338	Nguyễn Đức Tạo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4495	23021339	Nguyễn Xuân Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4496	23021340	Trương Hồng Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4497	23021341	Trịnh Khắc Trung Tín	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4498	23021342	Trần Minh Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4499	23021344	Lê Anh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4500	23021345	Nguyễn Mậu Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4501	23021346	Nguyễn Phạm Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4502	23021347	Phạm Văn Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4503	23021348	Đình Quang Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4504	23021349	Nguyễn Lương Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4505	23021350	Chu Quang Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4506	23021351	Nguyễn Hoàng Tuyển	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4507	23021352	Lê Hồng Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4508	23021353	Nguyễn Văn Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4509	23021354	Thiều Đoàn Thái	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4510	23021355	Nguyễn Hải Thanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4511	23021356	Trịnh Xuân Thanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4512	23021357	Phạm Công Thành	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4513	23021358	Nguyễn Quang Thạo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4514	23021359	Nguyễn Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4515	23021360	Lê Ngọc Thọ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4516	23021361	Trần Viết Anh Thư	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4517	23021362	Nguyễn Trọng Thức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4518	23021363	Phạm Thanh Triều	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4519	23021364	Lê Khánh Trình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4520	23021365	Bùi Đức Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4521	23021366	Lại Thế Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4522	23021367	Nguyễn Đình Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4523	23021368	Trần Hùng Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4524	23021369	Đỗ Anh Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4525	23021370	Phạm Gia Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4526	23021371	Hoàng Minh Vũ	0		28.608.000		28.608.000	0	28.608.000	
4527	23021372	Văn Khắc Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4528	23021373	Nguyễn Đức An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4529	23021374	Bùi Nam Anh	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4530	23021375	Đào Duy Anh	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4531	23021376	Hoàng Chung Anh	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4532	23021377	Nguyễn Đình Anh	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4533	23021378	Nguyễn Tuấn Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4534	23021379	Nguyễn Văn Anh	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4535	23021382	Bùi Quốc ấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4536	23021383	Nguyễn Việt Bách	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4537	23021384	Dương Quốc Cảnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4538	23021385	Bùi Mạnh Dũng	0		1.738.000		1.738.000	0	1.738.000	
4539	23021386	Nguyễn Đức Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4540	23021387	Nguyễn Quang Dũng	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
4541	23021389	Vũ Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4542	23021390	Nguyễn Quang Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4543	23021391	Đặng Trường Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4544	23021392	Đỗ Lê Thái Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4545	23021393	Lê Ngọc Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4546	23021394	Nguyễn Quốc Đại	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4547	23021395	Hồ Lê Tuấn Đạt	0		21.214.000		21.214.000	0	21.214.000	
4548	23021396	Nguyễn Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4549	23021397	Phạm Tiến Đạt	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
4550	23021398	Trương Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4551	23021399	Lê Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4552	23021400	Tạ Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4553	23021401	Trần Huy Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4554	23021402	Lê Thị Khánh Hạ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4555	23021403	Nguyễn Đăng Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4556	23021404	Hoàng Đình Hai Hiệu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4557	23021405	Vũ Quý Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4558	23021406	Lê Nguyên Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4559	23021408	Vũ Đình Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4560	23021409	Nguyễn Cao Thị Huyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4561	23021410	Đỗ Tuấn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4562	23021411	Nguyễn Văn Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4563	23021412	Võ Ngọc Tuấn Kiệt	0		18.607.000		18.607.000	0	18.607.000	
4564	23021413	Đào Việt Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4565	23021414	Phạm Thị Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4566	23021415	Trần Quang Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4567	23021416	Đình Ngọc Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4568	23021417	Vương Đình Bảo Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4569	23021418	Trần Bá Lực	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4570	23021419	Nguyễn Văn Lương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4571	23021422	Trần Tuấn Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4572	23021424	Trịnh Ngọc Nga	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4573	23021425	Trần Trọng Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4574	23021426	Bùi Minh Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4575	23021427	Nguyễn Xuân Phong	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4576	23021428	Phạm Công Quốc Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4577	23021429	Trịnh Hoàng Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4578	23021430	Trương Gia Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4579	23021431	Lê Hồng Phúc	0		22.952.000		22.952.000	0	22.952.000	
4580	23021433	Phạm Duy Phương	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4581	23021434	Trần Việt Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4582	23021436	Nguyễn Đăng Sáng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4583	23021437	Kim Ngọc Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4584	23021438	Lê Nguyễn Nam Sơn	0		19.476.000		19.476.000	0	19.476.000	
4585	23021439	Phùng Duy Tân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4586	23021440	Đặng Nguyễn Anh Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4587	23021441	Tổng Trần Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4588	23021442	Đàm Văn Tuệ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4589	23021443	Nguyễn Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4590	23021445	Phạm Sỹ Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4591	23021447	Vũ Thành Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4592	23021448	Nguyễn Hữu Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4593	23021449	Lê Mạnh Thiện	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4594	23021450	Trần Thu Thủy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4595	23021451	Mai Hà Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4596	23021453	Dương Công Trúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4597	23021454	Trần Hiếu Văn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4598	23021455	Nguyễn Thị Hạnh Vi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4599	23021456	Nguyễn Bá Trần Viện	-9.999		19.476.000		19.476.000	0	19.466.001	
4600	23021457	Hoàng Quốc Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4601	23021458	Nguyễn Thành Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
4602	23021459	Bùi Khánh An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4603	23021460	Chung Thị Mai Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4604	23021461	Đặng Châu Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4605	23021462	Khổng Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4606	23021463	Lê Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4607	23021464	Lê Huy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4608	23021465	Lê Nguyên Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4609	23021466	Nguyễn Hồng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4610	23021468	Nguyễn Thị Vân Anh	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
4611	23021469	Phạm Mai Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4612	23021470	Trần Hoàng Mai Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4613	23021471	Trần Quốc Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4614	23021472	Văn Lê Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4615	23021473	Vũ Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4616	23021474	Nguyễn Xuân Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4617	23021475	Dương Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4618	23021476	Nguyễn Đức Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4619	23021477	Nguyễn Văn Biển	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4620	23021478	Bùi Phúc Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4621	23021479	Nguyễn Đình Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4622	23021480	Nguyễn Đình Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4623	23021481	Nguyễn Chí Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4624	23021482	Nguyễn Đức Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4625	23021483	Vũ Huy Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4626	23021484	Đỗ Quang Cường	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
4627	23021485	Lê Đức Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4628	23021486	Nguyễn Lê Việt Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4629	23021487	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4630	23021489	Vũ Thị Kim Chi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4631	23021490	Bùi Anh Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4632	23021491	Nguyễn Minh Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4633	23021492	Đỗ Văn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4634	23021493	Nguyễn Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4635	23021494	Nguyễn Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4636	23021495	Nguyễn Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4637	23021496	Nguyễn Ngọc Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4638	23021497	Nguyễn Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4639	23021498	Nguyễn Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4640	23021499	Võ Minh Dũng	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
4641	23021500	Vũ Đăng Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4642	23021501	Lê Anh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4643	23021502	Nguyễn Anh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4644	23021503	Nguyễn Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4645	23021504	Nguyễn Ngọc Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4646	23021505	Phan Thanh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4647	23021506	Trần ánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4648	23021507	Vũ Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4649	23021508	Hoàng Thái Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4650	23021509	Lê Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4651	23021510	Nguyễn Đức Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4652	23021512	Nguyễn Xuân Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4653	23021513	Phạm Ngọc Hải Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4654	23021514	Trần Bình Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4655	23021515	Đào Văn Đà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4656	23021516	Nguyễn Đăng Đạo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4657	23021517	Đỗ Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4658	23021518	Hoàng Thành Đạt	0		15.028.000		15.028.000	0	15.028.000	
4659	23021519	Lê Văn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4660	23021520	Nguyễn Bích Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4661	23021521	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4662	23021522	Nguyễn Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4663	23021524	Vũ Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4664	23021525	Đinh Hồng Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4665	23021526	Đỗ Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4666	23021527	Nguyễn Phan Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4667	23021528	Trần Văn Đông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4668	23021529	Vũ Huy Đông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4669	23021530	Đỗ Trung Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4670	23021531	Lê Hồng Đức	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	
4671	23021532	Lê Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4672	23021533	Nguyễn Kim Trung Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4673	23021534	Nguyễn Tư Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4674	23021535	Phạm Sỹ Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4675	23021536	Trần Mạnh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4676	23021537	Trịnh Trung Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4677	23021538	Cao Hương Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4678	23021539	Nguyễn Đăng Giáp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4679	23021540	Nguyễn Văn Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4680	23021541	Phạm Việt Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4681	23021542	Nguyễn Trung Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4682	23021543	Tô Ngọc Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4683	23021544	Đào Danh Hào	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4684	23021545	Nguyễn Ngọc Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4685	23021546	Đậu Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4686	23021548	Nguyễn Đình Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4687	23021549	Nguyễn Hữu Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4688	23021550	Nguyễn Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4689	23021551	Nguyễn Quang Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4690	23021552	Nguyễn Xuân Hiếu	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4691	23021553	Phạm Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4692	23021554	Phạm Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4693	23021555	Trần Đình Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4694	23021556	Nguyễn Văn Hòa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4695	23021557	Bùi Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4696	23021558	Đoàn Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4697	23021560	Nguyễn Văn Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4698	23021561	Nguyễn Văn Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4699	23021562	Phạm Ngọc Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4700	23021563	Trần Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4701	23021564	Trần Hữu Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4702	23021565	Đoàn Thái Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4703	23021566	Lưu Văn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4704	23021567	Nguyễn Công Mạnh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4705	23021568	Nguyễn Thế Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4706	23021569	Phạm Văn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4707	23021570	Tổng Đức Hùng	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
4708	23021571	Bùi Quang Huy	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4709	23021572	Lương Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4710	23021573	Nguyễn Đăng Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4711	23021574	Nguyễn Đình Quốc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4712	23021575	Nguyễn Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4713	23021578	Nguyễn Nhất Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4714	23021579	Tô Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4715	23021580	Thiều Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4716	23021581	Trần Tuấn Huy	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4717	23021582	Nguyễn Ngọc Huyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4718	23021583	Nguyễn Đức Hưng	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	
4719	23021584	Nguyễn Văn Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4720	23021585	Quách Thanh Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4721	23021586	Trần Việt Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4722	23021587	Trịnh Quang Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4723	23021588	Lương Đức Kiên	0		29.684.000		29.684.000	0	29.684.000	
4724	23021589	Nguyễn Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4725	23021590	Nguyễn Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4726	23021591	Nguyễn Xuân Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4727	23021592	Bùi Thế Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4728	23021593	Lê Quang Khải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4729	23021594	Nguyễn Anh Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4730	23021595	Phạm Công Khang	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4731	23021596	Phạm Công Khanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4732	23021597	Phạm Hoàng An Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4733	23021598	Trần Duy Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4734	23021599	Trần Gia Khánh	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	
4735	23021600	Trần Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4736	23021601	Trương Mạnh Khiêm	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4737	23021602	Lê Nho Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4738	23021603	Trần Lê Minh Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4739	23021604	Lê Thế Lâm	0		28.608.000		28.608.000	0	28.608.000	
4740	23021605	Bùi Quang Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4741	23021606	Lê Huyền Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4742	23021607	Lê Thị Hoàng Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4743	23021608	Ngô Thị Ngọc Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4744	23021609	Nguyễn Phương Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4745	23021610	Nguyễn Thùy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4746	23021611	Vũ Thục Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4747	23021612	Vũ Thùy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4748	23021613	Đào Hồng Lĩnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4749	23021614	Đặng Tuấn Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4750	23021615	Phạm Huy Châu Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4751	23021616	Đỗ Tiến Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4752	23021617	Nguyễn Hữu Lưu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4753	23021618	Đào Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4754	23021619	Nguyễn Văn Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4755	23021620	Thái Khắc Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4756	23021621	Lê Quang Miên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4757	23021622	Bùi Quang Minh	-900.000		20.000.000		20.000.000	0	19.100.000	
4758	23021623	Dương Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4759	23021624	Đặng Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4760	23021625	Đinh Công Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4761	23021627	Lò Châu Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4762	23021628	Nguyễn Đăng Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4763	23021629	Nguyễn Giang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4764	23021630	Nguyễn Nhật Minh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4765	23021631	Nguyễn Nhật Minh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4766	23021632	Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4767	23021633	Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4768	23021634	Phạm Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4769	23021635	Phạm Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4770	23021636	Phan Đình Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4771	23021638	Vũ Nguyễn Trường Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4772	23021639	Đào Phương Nam	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4773	23021640	Hoàng Khánh Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4774	23021641	Lê Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4775	23021642	Lê Thanh Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4776	23021643	Nguyễn Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4777	23021644	Nguyễn Trường Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4778	23021645	Quách Thành Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4779	23021646	Trần Minh Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4780	23021647	Hoàng Thị Thanh Nga	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4781	23021648	Nguyễn Tuấn Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4782	23021649	Hồ Văn Tiến Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4783	23021650	Phạm Văn Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4784	23021651	Trần Thành Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4785	23021652	Đoàn Khánh Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4786	23021653	Mạch Trần Quang Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4787	23021654	Phan Đăng Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4788	23021656	Nguyễn Duy Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4789	23021657	Trần Xuân Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4790	23021658	Vũ Cao Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4791	23021660	Đào Mạnh Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4792	23021661	Nguyễn Hoàng Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4793	23021662	Nguyễn Minh Phúc	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4794	23021663	Nguyễn Tiến Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4795	23021664	Nguyễn Văn Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4796	23021665	Nguyễn Thành Phước	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4797	23021666	Bùi Hải Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4798	23021667	Bùi Thu Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4799	23021668	Nguyễn Thị Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4800	23021669	Bùi Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4801	23021671	Lê Nhữ Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4802	23021672	Lê Tất Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4803	23021673	Phạm Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4804	23021674	Thạch Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4805	23021675	Nguyễn Đình Quốc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4806	23021676	Kiều Thiện Quý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4807	23021677	Lê Ngọc Quý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4808	23021678	Phạm Văn Quyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4809	23021679	Lê Ngọc Quyết	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4810	23021680	Đặng Hoàng Sơn	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4811	23021681	Hà Xuân Sơn	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4812	23021682	Lê Sĩ Thái Sơn	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4813	23021683	Ngô Bá Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4814	23021684	Nguyễn Anh Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4815	23021685	Nguyễn Quang Bảo Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4816	23021686	Nguyễn Trường Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4817	23021687	Ngô Hoan Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4818	23021690	Đào Ngọc Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4819	23021691	Ngô Thế Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4820	23021692	Nguyễn Đình Nhật Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4821	23021693	Triệu Cao Tấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4822	23021694	Nguyễn Văn Tiền	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4823	23021695	Lê Hoàng Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4824	23021696	Phạm Anh Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4825	23021697	Trịnh Hải Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4826	23021698	Nguyễn Cảnh Toàn	-72.000		23.228.000		23.228.000	0	23.156.000	
4827	23021699	Nguyễn Đức Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4828	23021700	Hồ Anh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4829	23021701	Lý Đức Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4830	23021702	Ngô Anh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4831	23021703	Nhữ Đình Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4832	23021704	Dương Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4833	23021705	Lê Văn Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4834	23021706	Lương Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4835	23021707	Nguyễn Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4836	23021708	Nguyễn Lê Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4837	23021709	Phạm Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4838	23021710	Trần Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4839	23021711	Vũ Quốc Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4840	23021712	Ngô Sơn Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4841	23021713	Nguyễn Khánh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4842	23021714	Nguyễn Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4843	23021715	Nguyễn Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4844	23021716	Nguyễn Văn Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4845	23021717	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4846	23021719	Nguyễn Xuân Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4847	23021720	Trần Duy Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4848	23021721	Đỗ Phương Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4849	23021722	Kiều Đức Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4850	23021723	Nguyễn Việt Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4851	23021724	Tô Quang Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4852	23021725	Trần Chiến Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4853	23021726	Nguyễn Văn Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4854	23021727	Phan Tiến Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4855	23021730	Ngo Việt Thuyết	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4856	23021731	Nguyễn Mai Thanh Thư	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4857	23021732	Lê Huy Thực	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
4858	23021733	Nguyễn Đoàn Hoài Thương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4859	23021734	Nguyễn Thị Thương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4860	23021735	Nguyễn Thu Trang	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4861	23021736	Nguyễn Thùy Trang	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4862	23021737	Nguyễn Văn Tráng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4863	23021738	Nguyễn Thời Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4864	23021739	Phan Trần Quang Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4865	23021740	Cao Vũ Nhật Triều	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4866	23021741	Bùi Đức Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4867	23021743	Đặng Phạm Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4868	23021744	Nguyễn Huy Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4869	23021745	Nguyễn Văn Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4870	23021746	Mai Đức Văn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4871	23021747	Vũ Nhật Tường Vân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4872	23021749	Trần Văn Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4873	23021750	Đào Lê Long Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4874	23021751	Lê Duy Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4875	23021752	Nguyễn Tiến Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4876	23021754	Nguyễn Văn Vượng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4877	23021755	Nguyễn Diệu Mai Vy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4878	23021756	Nguyễn Thị Hải Yến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4879	23021757	Nguyễn Thị Ngọc Yến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4880	23021758	Nguyễn Mạnh An	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4881	23021759	Nguyễn Thành An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4882	23021760	Bùi Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4883	23021761	Bùi Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4884	23021762	Hà Quỳnh Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4885	23021763	Lê Đình Long Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4886	23021764	Lương Thị Mai Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4887	23021765	Nguyễn Hải Anh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4888	23021766	Nguyễn Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4889	23021768	Nguyễn Dương Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4890	23021769	Nguyễn Quốc Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4891	23021770	Nguyễn Thị Ngọc Bích	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4892	23021771	Lê Đức Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4893	23021772	Lương Hùng Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4894	23021773	Nguyễn Quốc Cường	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4895	23021774	Lê Minh Châu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4896	23021775	Nguyễn Hữu Chuyên	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	
4897	23021776	Nguyễn Thế Doanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4898	23021777	Bùi Đức Dũng	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4899	23021778	Dương Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4900	23021779	Đỗ Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4901	23021780	Ngô Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4902	23021782	Nguyễn Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4903	23021783	Tăng Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4904	23021784	Lưu Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4905	23021785	Nguyễn Quang Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4906	23021786	Nguyễn Thành Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4907	23021787	Phạm Thế Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4908	23021788	Trần Hữu Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4909	23021789	Nguyễn Hữu Thái Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4910	23021791	Trần Hữu Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4911	23021792	Trần Phát Đam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4912	23021793	Chu Trần Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4913	23021794	Hoàng Đức Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4914	23021795	Trương Quang Đạt	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4915	23021796	Trần Quốc Điền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4916	23021798	Đặng Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4917	23021799	Lê Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4918	23021802	Nguyễn Phương Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4919	23021803	Phạm Mạnh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4920	23021804	Dương Đức Được	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4921	23021805	Bùi Hoàng Giang	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
4922	23021806	Lê Thị Trà Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4923	23021807	Nguyễn Đình Giáp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4924	23021808	Nguyễn Ngọc Giáp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4925	23021809	Nguyễn Khắc Hoàng Hà	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4926	23021810	Nguyễn Thanh Hà	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
4927	23021811	Vũ Thị Thu Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4928	23021812	Ngô Duy Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4929	23021813	Trần Thanh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4930	23021814	Trương Văn Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4931	23021816	Bùi Hoàng Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4932	23021817	Dương Xuân Hiệp	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4933	23021818	Phạm Văn Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4934	23021819	Đinh Trọng Hiếu	0		25.380.000		25.380.000	0	25.380.000	
4935	23021820	Đỗ Trung Hiếu	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
4936	23021821	Phạm Minh Hiếu	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
4937	23021822	Phạm Minh Hiếu	0		29.684.000		29.684.000	0	29.684.000	
4938	23021823	Trần Quang Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4939	23021824	Trần Thị Quỳnh Hoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4940	23021825	Văn Thị Như Hoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4941	23021826	Chu Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4942	23021827	Đỗ Việt Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4943	23021828	Phạm Minh Hoàng	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
4944	23021829	Trần Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4945	23021830	Trần Văn Khánh Hoàng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4946	23021831	Nguyễn Sinh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4947	23021832	Lê Nguyễn Gia Huy	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4948	23021833	Lê Nguyễn Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4949	23021834	Phạm Nhật Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4950	23021835	Phạm Quốc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4951	23021836	Phan Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4952	23021837	Hà Mạnh Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4953	23021838	Trần Đình Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4954	23021839	Nguyễn Văn Hường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4955	23021840	Bùi Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4956	23021841	Dư Trần Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4957	23021842	Nguyễn Đắc Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4958	23021843	Nguyễn Xuân Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4959	23021844	Phạm Xuân Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4960	23021845	Lý Anh Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4961	23021846	Nguyễn Tuấn Khanh	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
4962	23021847	Vũ Tuấn Khanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4963	23021848	Lê Văn Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4964	23021849	Nguyễn Nhật Khánh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
4965	23021850	Phạm Bảo Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4966	23021851	Trần Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4967	23021852	Bùi Mạnh Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4968	23021853	Nguyễn Hoàng Lan	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4969	23021854	Hoàng Bình Lâm	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
4970	23021855	Ngô Tùng Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4971	23021856	Vũ Thanh Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4972	23021857	Đỗ Thị Ngọc Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4973	23021858	Hoàng Bùi Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4974	23021859	Nguyễn Công Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4975	23021860	Nguyễn Duy Lợi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4976	23021861	Dương Hoàng Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4977	23021862	Đặng Bình Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4978	23021863	Đinh Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4979	23021864	Lê Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4980	23021865	Nguyễn Hoàng Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4981	23021866	Nguyễn Tiến Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4982	23021867	Trần Hải Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4983	23021868	Bùi Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4984	23021869	Đặng Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4985	23021870	Nguyễn Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4986	23021871	Nguyễn Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4987	23021872	Nguyễn Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4988	23021873	Trần Văn Ninh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4989	23021874	Nguyễn Thị Hồng Ngát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4990	23021875	Đinh Đăng Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
4991	23021876	Phan Bích Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4992	23021877	Đặng Trung Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4993	23021878	Nguyễn Đức Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4994	23021879	Nguyễn Đình Thanh Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4995	23021880	Nguyễn Gia Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4996	23021881	Phạm Hải Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4997	23021882	Nguyễn Duy Phương	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
4998	23021883	Nguyễn Văn Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
4999	23021884	Bùi Duy Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5000	23021885	Bùi Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5001	23021886	Nguyễn Đăng Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5002	23021887	Phạm Việt Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5003	23021888	Phí Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5004	23021889	Vũ Nhật Quang	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
5005	23021890	Hoàng Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5006	23021891	Ngô Văn Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5007	23021892	Nguyễn Trọng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5008	23021893	Dương Ngô Quỳnh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
5009	23021894	Nguyễn Ngọc Rô	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5010	23021895	Dương Xuân Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5011	23021896	Ngôn Vũ Ngọc Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5012	23021897	Nguyễn Ngọc Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5013	23021898	Nguyễn Quang Sơn	0		26.456.000		26.456.000	0	26.456.000	
5014	23021899	Nguyễn Tiến Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5015	23021900	Đặng Anh Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5016	23021901	Lê Mạnh Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5017	23021902	Nguyễn Phúc Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5018	23021903	Nguyễn Văn Tiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5019	23021904	Đinh Mai Hữu Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5020	23021905	Nguyễn Trí Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5021	23021906	Nguyễn Xuân Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5022	23021907	Trần Đức Toàn	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
5023	23021908	Dương Minh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5024	23021909	Nguyễn Đức Anh Tuấn	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
5025	23021910	Trần Anh Tuấn	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
5026	23021911	Ngô Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5027	23021912	Nguyễn Quang Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5028	23021913	Yên Mạnh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5029	23021914	Lê Minh Tuyển	0		27.532.000		27.532.000	0	27.532.000	
5030	23021915	Hoàng Đức Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5031	23021916	Vũ Văn Thái	0		27.532.000		27.532.000	0	27.532.000	
5032	23021917	Bùi Văn Thành	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5033	23021918	Đặng Trung Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5034	23021919	Đoàn Minh Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5035	23021920	Lê Phương Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5036	23021921	Trần Hữu Thiện	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5037	23021922	Trần Minh Thông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5038	23021923	Hoàng Văn Thuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5039	23021924	Trần Thị Huyền Trang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5040	23021925	Nguyễn Bá Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5041	23021926	Nguyễn Đức Trọng	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
5042	23021927	Đào Hoàng Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5043	23021928	Lê Quang Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5044	23021929	Nguyễn Đức Hoàng Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5045	23021930	Nguyễn Hoàng Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5046	23021931	Vũ Xuân Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5047	23021932	Nguyễn Ngọc Ước	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5048	23021933	Nghiêm Quang Vinh	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
5049	23021934	Nguyễn Bá Thành Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5050	23021935	Phạm Tuấn Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5051	23021936	Phan Tùng Vũ	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
5052	23021937	Dương Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5053	23021938	Hoàng Văn Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
5054	23021939	Lê Đức Hứa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
5055	23021940	Bàng Đức Quyết	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
5056	23021941	Phouthavong Xayavong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
5057	24020002	Lê Viết An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5058	24020003	Mai Quốc An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5059	24020004	Nguyễn Lê An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5060	24020005	Trần Việt An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5061	24020006	Đỗ Hoàng Ân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5062	24020008	Hồ Sỹ Huy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5063	24020009	Lê Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5064	24020010	Lê Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5065	24020011	Lê Trí Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5066	24020012	Ngô Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5067	24020013	Nguyễn An Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5068	24020014	Nguyễn Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5069	24020015	Nguyễn Hải Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5070	24020016	Nguyễn Huyền Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5071	24020017	Nguyễn Nhật Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5072	24020018	Nguyễn Sái Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5073	24020019	Nguyễn Thị Lan Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5074	24020020	Nguyễn Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5075	24020021	Nguyễn Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5076	24020023	Phạm Quang Anh	-1.585.650		20.000.000		20.000.000	0	18.414.350	
5077	24020024	Phan Huy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5078	24020025	Tạ Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5079	24020026	Trần Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5080	24020027	Trần Minh Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5081	24020028	Trần Thế Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5082	24020029	Trần Thế Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5083	24020030	Trần Văn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5084	24020031	Trần Xuân Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5085	24020032	Trịnh Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5086	24020033	Vũ Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5087	24020034	Nguyễn Ngọc ánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5088	24020035	Lê Xuân Bắc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5089	24020036	Nguyễn Xuân Bắc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5090	24020037	Phạm Xuân Bắc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5091	24020039	Trần Đức Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5092	24020040	Trần Việt Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5093	24020041	Hoàng Thanh Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5094	24020042	Nguyễn Tất Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5095	24020043	Phạm Phúc Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5096	24020044	Nguyễn Hữu Cảnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5097	24020045	Vũ Thị Huyền Chang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5098	24020047	Trần Trung Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5099	24020048	Ngô Quốc Chính	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5100	24020049	Phạm ánh Chúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5101	24020050	Đỗ Quốc Nguyên Chương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5102	24020051	Đặng Đình Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5103	24020052	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5104	24020053	Phí Quốc Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5105	24020054	Lê Đăng Ngô Đan	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5106	24020055	Bùi Nhật Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5107	24020056	Nguyễn Danh Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5108	24020057	Trần Doãn Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5109	24020058	Nguyễn Hữu Danh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5110	24020059	Đặng Xuân Đào	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5111	24020060	Đỗ Hoàng Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5112	24020061	Doãn Minh Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5113	24020062	Nguyễn Hữu Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5114	24020063	Phạm Tất Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5115	24020064	Phí Dương Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5116	24020065	Trần Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5117	24020066	Mai Quang Diệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5118	24020067	Bùi Văn Đình	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
5119	24020068	Hoàng Văn Đình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5120	24020069	Đỗ Đình Đô	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5121	24020070	Nguyễn Thành Đô	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5122	24020071	Nguyễn Đăng Doanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5123	24020072	Nguyễn Đức Đông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5124	24020073	Cao Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5125	24020074	Đoàn Thế Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5126	24020075	Đoàn Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5127	24020077	Hoàng Việt Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5128	24020078	Mai Thành Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5129	24020079	Nguyễn Hoàng Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5130	24020080	Nguyễn Ngọc Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5131	24020081	Phan Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5132	24020082	Vũ Gia Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5133	24020083	Đỗ Thị Dung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5134	24020084	Hoàng Trung Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5135	24020085	Lưu Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5136	24020086	Ngô Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5137	24020087	Nguyễn Chí Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5138	24020088	Nguyễn Đình Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5139	24020089	Nguyễn Doãn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5140	24020090	Nguyễn Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5141	24020091	Nguyễn Hữu Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5142	24020092	Nguyễn Huy Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5143	24020093	Phạm Chí Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5144	24020094	Phạm Ngọc Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5145	24020095	Phạm Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5146	24020096	Trần Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5147	24020097	Vũ Việt Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5148	24020098	Nguyễn Đắc Được	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5149	24020099	Phạm Xuân Được	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5150	24020100	Đình Văn Dương	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5151	24020101	Lê Bá Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5152	24020102	Ngô Phú Quang Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5153	24020104	Nguyễn Hải Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5154	24020105	Nguyễn Mạnh Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5155	24020106	Nguyễn Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5156	24020107	Trần Thùy Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5157	24020108	Bùi Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5158	24020109	Lê Hồng Tuấn Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5159	24020110	Nguyễn Khương Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5160	24020111	Viên Khương Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5161	24020112	Nguyễn Ngọc Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5162	24020113	Nguyễn Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5163	24020114	Nguyễn Thế Ngọc Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5164	24020115	Nguyễn Thị Ngọc Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5165	24020117	Nguyễn Đức Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5166	24020118	Phạm Ngọc Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5167	24020119	Lê Duy Hào	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5168	24020120	Phạm Công Hậu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5169	24020121	Tổng Ngọc Hiền	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5170	24020122	Bùi Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5171	24020123	Đào Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5172	24020124	Kiều Đăng Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5173	24020125	Lê Bá Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5174	24020126	Lưu Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5175	24020127	Nguyễn Hữu Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5176	24020128	Nguyễn Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5177	24020129	Phạm Trần Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5178	24020130	Phan Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5179	24020131	Trần Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5180	24020132	Trần Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5181	24020133	Dương Văn Hiệu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5182	24020134	Nguyễn Duy Hiệu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5183	24020135	Nguyễn Quốc Hoàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5184	24020136	Bùi Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5185	24020137	Đào Vũ Đức Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5186	24020138	Đinh Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5187	24020139	Nguyễn Hồng Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5188	24020140	Nguyễn Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5189	24020141	Trần Đức Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5190	24020142	Trương Quang Hoành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5191	24020143	Đào Văn Huân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5192	24020144	Đỗ Tuấn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5193	24020145	Nguyễn Minh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5194	24020146	Nguyễn Phú Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5195	24020147	Phạm Thanh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5196	24020149	Đỗ Đức Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5197	24020150	Nguyễn Thế Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5198	24020151	Nguyễn Trọng Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5199	24020152	Phan Văn Phước Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5200	24020153	Trần Nhật Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5201	24020154	Trần Thiệu Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5202	24020155	Bùi Thị Thanh Hường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5203	24020156	Trần Thị Thanh Hường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5204	24020157	Đinh Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5205	24020158	Lê Khắc Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5206	24020159	Lê Văn Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5207	24020160	Nguyễn Đình Công Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5208	24020161	Nguyễn Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5209	24020162	Nguyễn Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5210	24020163	Nguyễn Minh Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5211	24020164	Nguyễn Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5212	24020165	Nguyễn Tuấn Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5213	24020166	Phạm Lê Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5214	24020167	Bùi Thế Khắc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5215	24020168	Dương Định Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5216	24020169	Nguyễn Trọng Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5217	24020170	Phạm Dương Khanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5218	24020171	Đặng Duy Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5219	24020172	Nguyễn Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5220	24020174	Phạm Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5221	24020175	Phạm Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5222	24020176	Thiều Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5223	24020177	Trần Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5224	24020178	Trần Phúc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5225	24020179	Vũ Huy Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5226	24020180	Nguyễn Đức Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5227	24020181	Dương Đăng Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5228	24020182	Trần Đăng Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5229	24020183	Dương Hải Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5230	24020184	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5231	24020185	Thân Đăng Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5232	24020186	Phạm Minh Khởi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5233	24020187	Bùi Thế Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5234	24020188	Hoàng Đình Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5235	24020189	Hoàng Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5236	24020190	Lưu Danh Kiên	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
5237	24020191	Tạ Xuân Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5238	24020192	Đỗ Đức Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5239	24020193	Trịnh Tiến Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5240	24020194	Hoàng Đức Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5241	24020195	Nguyễn Khắc Hải Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5242	24020196	Nguyễn Tuấn Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5243	24020197	Trần Đức Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5244	24020198	Nguyễn Đình Lãng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5245	24020199	Ngô Văn Liêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5246	24020201	Nguyễn Quang Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5247	24020202	Nguyễn Tuấn Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5248	24020203	Hà Hoàng Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5249	24020204	Nguyễn Xuân Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5250	24020205	Đào Mạnh Hải Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5251	24020206	Nguyễn Cao Bảo Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5252	24020207	Nguyễn Doãn Bảo Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5253	24020208	Nguyễn Hữu Hải Long	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5254	24020209	Nguyễn Lê Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5255	24020210	Nguyễn Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5256	24020211	Trần Bảo Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5257	24020212	Trần Nhật Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5258	24020213	Võ Trần Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5259	24020214	Hoàng Xuân Lực	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5260	24020216	Phạm Ngọc Mai	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5261	24020217	Nguyễn Công Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5262	24020218	Nguyễn Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5263	24020219	Nguyễn Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5264	24020220	Nguyễn Tiến Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5265	24020221	Nguyễn Văn Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5266	24020222	Phạm Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5267	24020223	Phan Duy Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5268	24020224	Trần Văn Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5269	24020225	Trương Công Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5270	24020226	Vũ Tiến Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5271	24020227	Đặng Ngọc Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5272	24020228	Đoàn Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5273	24020229	Kiều Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5274	24020230	Lê Chí Hoàng Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5275	24020231	Lê Duy Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5276	24020232	Nguyễn Chí Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5277	24020233	Nguyễn Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5278	24020234	Nguyễn Ngọc Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5279	24020235	Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5280	24020236	Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5281	24020239	Phạm Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5282	24020240	Phạm Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5283	24020241	Vũ Đặng Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5284	24020242	Phạm Thị Trà My	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5285	24020243	Lê Mậu Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5286	24020245	Phạm Thành Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5287	24020246	Trần Gia Hoàng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5288	24020247	Trần Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5289	24020248	Trương Bá Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5290	24020249	Đặng Thị Hoàng Ngân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5291	24020250	Lâm Thùy Ngân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5292	24020251	Nguyễn Trung Nghĩa	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5293	24020252	Vũ Minh Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5294	24020253	Nguyễn Thị Phương Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5295	24020254	Nguyễn Ngọc Khôi Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5296	24020255	Trần Đạt Khôi Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5297	24020256	Nguyễn Lê Duy Nhân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5298	24020257	Nguyễn Thế Nhân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5299	24020258	Đỗ Minh Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5300	24020259	Nguyễn Minh Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5301	24020260	Trần Thị Uyên Nhi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5302	24020261	Lê Thị Nhung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5303	24020262	Nguyễn Oanh Oanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5304	24020263	Cao Nguyễn Phát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5305	24020264	Cao Đức Phát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5306	24020265	Phạm Công Phát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5307	24020266	Đinh Tuấn Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5308	24020267	Hoàng Hải Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5309	24020268	Nguyễn Chí Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5310	24020269	Nguyễn Duy Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5311	24020270	Nguyễn Hoàng Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5312	24020271	Nguyễn Như Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5313	24020272	Nguyễn Ngọc Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5314	24020273	Đặng Minh Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5315	24020274	Đinh Gia Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5316	24020275	Lê Xuân Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5317	24020276	Nguyễn Trọng Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5318	24020277	Đặng Anh Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5319	24020279	Đặng Lê Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5320	24020280	Đặng Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5321	24020281	Lê Thuần Anh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5322	24020282	Lê Trịnh Quốc Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5323	24020283	Lường Tú Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5324	24020284	Nguyễn Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5325	24020285	Trần Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5326	24020286	Vũ Hoàng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5327	24020287	Phạm Văn Vinh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5328	24020288	Phương Năng Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5329	24020289	Đàm Thiên Quốc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5330	24020290	Nguyễn Ngọc Quý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5331	24020291	Hoàng Bá Quyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5332	24020292	Đỗ Minh Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5333	24020293	Đỗ Ngọc Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5334	24020294	Lê Bá Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5335	24020295	Lê Xuân Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5336	24020296	Nguyễn Hùng Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5337	24020297	Nguyễn Minh Sơn	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	
5338	24020298	Nguyễn Trường Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5339	24020299	Trần Nguyễn Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5340	24020300	Vũ Anh Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5341	24020301	Cao Thị Mai Sương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5342	24020302	Phan Thế Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5343	24020303	Võ Anh Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5344	24020304	Nguyễn Văn Tấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5345	24020305	Đào Quang Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5346	24020306	Nguyễn Ngọc Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5347	24020307	Hoàng Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5348	24020308	Vương Đình Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5349	24020310	Triệu Tuấn Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5350	24020311	Vũ Tuấn Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5351	24020312	Trần Văn Thao	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5352	24020313	Đinh Đức Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5353	24020314	Mạc Thế Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5354	24020315	Phạm Đức Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5355	24020317	Cao Sỹ Thông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5356	24020318	Trần Đình Thông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5357	24020319	Thìn Thị Thủy	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5358	24020320	Đinh Văn Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5359	24020321	Nguyễn Văn Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5360	24020322	Nguyễn Việt Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5361	24020323	Nguyễn Xuân Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5362	24020324	Nguyễn Văn Toán	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5363	24020325	Đào Văn Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5364	24020326	Hồ Đức Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5365	24020327	Nguyễn Đức Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5366	24020328	Trần Huyền Trang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5367	24020329	Ngô Minh Triết	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5368	24020330	Nguyễn Thị Kiều Trinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5369	24020331	Hoàng Minh Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5370	24020332	Nguyễn Huy Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5371	24020333	Nguyễn Tuấn Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5372	24020334	Phạm Đức Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5373	24020335	Nguyễn Đức Bảo Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5374	24020336	Nguyễn Thành Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5375	24020337	Nguyễn Thành Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5376	24020338	Trần Quang Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5377	24020339	Trịnh Xuân Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5378	24020341	Hoàng Đường Anh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5379	24020342	Nguyễn Duy Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5380	24020343	Nguyễn Minh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5381	24020344	Lê Đình Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5382	24020345	Nguyễn Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5383	24020346	Nguyễn Minh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5384	24020347	Nguyễn Thiên Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5385	24020348	Võ Hoài Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5386	24020349	Vũ Đình Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5387	24020350	Đặng Xuân Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5388	24020351	Hoàng Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5389	24020352	Nguyễn Huy Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5390	24020353	Nguyễn Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5391	24020354	Nguyễn Xuân Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5392	24020355	Phạm Hữu Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5393	24020356	Nguyễn Văn Tuyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5394	24020357	Hoàng Phương Uyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5395	24020358	Ngô Thị Thảo Vân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5396	24020359	Hoàng Quốc Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5397	24020360	Lê Đức Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5398	24020361	Phạm Quốc Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5399	24020362	Trần Anh Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5400	24020363	Lê Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5401	24020364	Nguyễn Hữu Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5402	24020365	Nguyễn Văn Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5403	24020366	Trần Đức Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5404	24020367	Đặng Nguyên Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5405	24020368	Nguyễn Lưu Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5406	24020369	Nguyễn Đắc Vượng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5407	24020370	Phan Thị Hà Vy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5408	24020371	Bùi Văn An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5409	24020372	Chu Văn An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5410	24020373	Lã Trường An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5411	24020374	Lê Thành An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5412	24020375	Phạm Hà Nguyên An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5413	24020376	Bùi Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5414	24020377	Bùi Thế Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5415	24020378	Đỗ Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5416	24020379	Hoàng Kim Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5417	24020380	Hoàng Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5418	24020381	Lê Ngọc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5419	24020382	Nguyễn Bảo Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5420	24020383	Nguyễn Đỗ Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5421	24020384	Nguyễn Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5422	24020385	Nguyễn Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5423	24020386	Nguyễn Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5424	24020387	Nguyễn Huy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5425	24020388	Nguyễn Ngọc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5426	24020389	Nguyễn Sỹ Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5427	24020391	Phạm Hải Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5428	24020392	Phạm Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5429	24020393	Phùng Thế Anh	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
5430	24020394	Trần Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5431	24020395	Trần Quang Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5432	24020396	Trần Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5433	24020397	Nguyễn Xuân Bắc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5434	24020398	Đỗ Gia Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5435	24020399	Nguyễn Viết Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5436	24020400	Phạm Đăng Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5437	24020401	Nguyễn Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5438	24020402	Nguyễn Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5439	24020403	Trần Ngọc Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5440	24020404	Nguyễn Đức Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5441	24020405	Nguyễn Đức Thanh Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5442	24020406	Nguyễn Nam Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5443	24020407	Phạm Long Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5444	24020408	Trần Thái Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5445	24020409	Nguyễn Trọng Cao	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5446	24020410	Nguyễn Minh Cát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5447	24020411	Lê Tài Bảo Châu	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
5448	24020412	Phan Văn Châu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5449	24020413	Ngô Thị Cẩm Chi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5450	24020414	Nguy Phan Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5451	24020415	Nguyễn Minh Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5452	24020416	Trần Văn Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5453	24020417	Lưu Hồng Chúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5454	24020418	Ngô Thành Chung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5455	24020419	Bùi Văn Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5456	24020420	Phạm Ngọc Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5457	24020421	Đàm Anh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5458	24020422	Đinh Tiến Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5459	24020423	Lê Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5460	24020424	Lê Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5461	24020425	Nguyễn Đình Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5462	24020426	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5463	24020427	Nguyễn Quốc Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5464	24020428	Lê Văn Đàm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5465	24020429	Bùi Đình Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5466	24020430	Lưu Ngọc Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5467	24020431	Nguyễn Hữu Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5468	24020432	Nguyễn Sỹ Nam Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5469	24020433	Tô Vũ Phúc Đăng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
5470	24020434	Đỗ Duy Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5471	24020435	Lê Đăng Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5472	24020436	Nguyễn Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5473	24020437	Nguyễn Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5474	24020438	Nguyễn Văn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5475	24020439	Phạm Xuân Đạt	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5476	24020440	Vũ An Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5477	24020441	Vũ Đỗ Đình Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5478	24020442	Vũ Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5479	24020443	Hoàng Khánh Điệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5480	24020444	Hồ Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5481	24020445	Hoàng Trí Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5482	24020446	Nguyễn Bùi Hoàng Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5483	24020447	Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5484	24020448	Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5485	24020449	Nguyễn Ngọc Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5486	24020450	Đặng Minh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5487	24020451	Đặng Tuấn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5488	24020452	Nguyễn Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5489	24020453	Nguyễn Hoàng Trung Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5490	24020454	Nguyễn Hữu Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5491	24020455	Nguyễn Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5492	24020456	Nguyễn Tuấn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5493	24020457	Phạm Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5494	24020458	Trần Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5495	24020459	Vương Xuân Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5496	24020460	Lê ánh Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5497	24020461	Nguyễn Đức Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5498	24020462	Nguyễn Đức Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5499	24020463	Nguyễn Quang Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5500	24020464	Nguyễn Thùy Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5501	24020465	Nguyễn Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5502	24020466	Vương Chí Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5503	24020467	Hoàng Văn Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5504	24020468	Lê Bá Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5505	24020469	Nguyễn Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5506	24020470	Nguyễn Hà Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5507	24020471	Nguyễn Lê Khánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5508	24020474	Trần Anh Duy	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5509	24020475	Trần Lê Duy	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
5510	24020476	Trần Nam Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5511	24020477	Trần Thành Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5512	24020478	Đoàn Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5513	24020479	Nguyễn Hương Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5514	24020480	Nguyễn Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5515	24020481	Phạm Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5516	24020482	Giàng Hải Hà	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
5517	24020483	Nghiêm Nguyễn Việt Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5518	24020484	Giàng A Hải	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
5519	24020485	Giang Văn Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5520	24020486	Lương Minh Hải	-180.000		14.260.000		14.260.000	0	14.080.000	
5521	24020487	Mai Quang Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5522	24020488	Trịnh Quang Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5523	24020489	Đỗ Thành Hậu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5524	24020490	Đỗ Việt Hiền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5525	24020491	Tổng Đức Hiền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5526	24020492	Kim Đình Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5527	24020493	Bùi Đình Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5528	24020494	Bùi Mạnh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5529	24020495	Đỗ Hữu Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5530	24020496	Đỗ Lê Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5531	24020497	Dương Nguyễn Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5532	24020498	Giáp Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5533	24020499	Hoàng Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5534	24020500	Khuất Mạnh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5535	24020501	Nguyễn An Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5536	24020502	Nguyễn Trọng Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5537	24020503	Nguyễn Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5538	24020504	Nguyễn Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5539	24020505	Nguyễn Văn Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5540	24020506	Trần Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5541	24020507	Bùi Văn Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5542	24020508	Cao Việt Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5543	24020509	Dương Việt Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5544	24020510	Nguyễn Lê Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5545	24020511	Nguyễn Tuấn Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5546	24020512	Trần Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5547	24020513	Trần Nhật Hoàng	-273.000		24.304.000		24.304.000	0	24.031.000	
5548	24020515	Vũ Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5549	24020516	Đông Quang Hồng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5550	24020517	Vì Minh Huế	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
5551	24020518	Đỗ Việt Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5552	24020519	Lê Hoàng Phi Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5553	24020520	Lê Trần Tuấn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5554	24020521	Nguyễn Tuấn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5555	24020522	Nguyễn Việt Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5556	24020523	Phan Bùi Tiến Hùng	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
5557	24020524	Trịnh Việt Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5558	24020525	Lều Mạnh Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5559	24020526	Nguyễn Khánh Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5560	24020527	Trần Duy Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5561	24020528	Đặng Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5562	24020529	Đặng Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5563	24020530	Hà Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5564	24020531	Nguyễn Đăng Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5565	24020532	Phạm Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5566	24020533	Trần Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5567	24020534	Vũ Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5568	24020535	Trần Quang Huynh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5569	24020536	Cao Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5570	24020537	Đinh Hoàng Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5571	24020538	Hoàng Lê Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5572	24020539	Nguyễn Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5573	24020540	Nông Việt Khánh	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
5574	24020541	Nguyễn Sỹ Khởi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5575	24020542	Phan Tuấn Khương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5576	24020543	Đỗ Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5577	24020544	Nguyễn Duy Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5578	24020545	Vũ Văn Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5579	24020546	Ngô Tuấn Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5580	24020547	Nguyễn Anh Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5581	24020548	Nguyễn Trần Thế Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5582	24020549	Trần Tuấn Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5583	24020550	Đoàn Hồng Kông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5584	24020551	Nguyễn Xuân Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5585	24020552	Trần Văn Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5586	24020553	Lê Bá Liêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5587	24020554	Kiều Nhật Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5588	24020555	Nguyễn Khánh Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5589	24020556	Cao Văn Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5590	24020557	Nguyễn Duy Lợi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5591	24020558	Đặng Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5592	24020559	Hoàng Công Bảo Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5593	24020560	Nguyễn Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5594	24020561	Nguyễn Tiến Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5595	24020562	Trần Đức Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5596	24020563	Bùi Minh Lương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5597	24020564	Lê Duy Mạnh	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
5598	24020565	Nguyễn Bá Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5599	24020566	Nguyễn Văn Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5600	24020567	Phan Văn Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5601	24020568	Đặng Đình Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5602	24020569	Hà Công Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5603	24020570	Lê Gia Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5604	24020571	Lê Xuân Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5605	24020572	Nguyễn Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5606	24020573	Nguyễn Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5607	24020574	Nguyễn Duy Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5608	24020575	Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5609	24020576	Nguyễn Văn Minh	-414.350		20.000.000		20.000.000	0	19.585.650	
5610	24020577	Phạm Bá Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5611	24020578	Phạm Công Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5612	24020579	Phạm Ngọc Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5613	24020580	Trần Ngọc Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5614	24020581	Vũ Bình Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5615	24020582	Vũ Ngọc Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5616	24020584	Lê Thành Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5617	24020585	Nguyễn Hoàng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5618	24020586	Phạm Đức Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5619	24020587	Phạm Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5620	24020588	Vũ Thành Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5621	24020589	Trần Quốc Đại Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5622	24020590	Trịnh Xuân Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5623	24020592	Lý Trần Minh Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5624	24020593	Nguyễn Vũ Khôi Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5625	24020594	Phan Trung Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5626	24020595	Trần Thảo Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5627	24020596	Nguyễn Trọng Nhân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5628	24020597	Nguyễn Phương Nhi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5629	24020598	Nguyễn Tuấn Ninh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5630	24020599	Trần Hải Ninh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5631	24020600	Đỗ Đình Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5632	24020601	Lê Văn Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5633	24020602	Nguyễn Khắc Lâm Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5634	24020603	Phan Văn Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5635	24020604	Lê Trọng Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5636	24020605	Nguyễn Tiến Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5637	24020606	Cao Đăng Trường Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5638	24020607	Hoàng Tuấn Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5639	24020608	Lại Hoàng Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5640	24020609	Nguyễn Hồ Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5641	24020610	Lê Anh Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5642	24020611	Nguyễn Minh Phương	-114.350		20.000.000		20.000.000	0	19.885.650	
5643	24020612	Bùi Đức Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5644	24020613	Đặng Văn Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5645	24020614	Hà Anh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5646	24020615	Hà Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5647	24020616	Nguyễn Quốc Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5648	24020617	Trần Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5649	24020618	Nguyễn Duy Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5650	24020619	Nguyễn Gia Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5651	24020620	Nguyễn Hữu Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5652	24020621	Nguyễn Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5653	24020622	Nguyễn Văn Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5654	24020623	Nguyễn Việt Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5655	24020624	Phạm Gia Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5656	24020625	Phan Đăng Quốc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5657	24020626	Vương Anh Quốc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5658	24020627	Trần Thị Quyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5659	24020628	Nguyễn Thanh Sang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5660	24020629	Nguyễn Kim Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5661	24020631	Nguyễn Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5662	24020632	Nguyễn Trọng Văn Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5663	24020633	Vũ Quang Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5664	24020634	Đỗ Thế Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5665	24020635	Hoàng Anh Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5666	24020636	Phan Văn Anh Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5667	24020637	Đoàn Minh Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5668	24020638	Nguyễn Hiếu Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5669	24020639	Nguyễn Minh Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5670	24020640	Đào Đình Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5671	24020641	Phạm Trọng Tấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5672	24020642	Nguyễn Ngọc Thạch	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5673	24020643	Đình Văn Thái	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5674	24020644	Nguyễn Huy Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5675	24020645	Đặng Đình Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5676	24020646	Hoàng Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5677	24020647	Nguyễn Ngọc Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5678	24020648	Vũ Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5679	24020649	Đoàn Duy Thanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5680	24020650	Lưu Quang Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5681	24020651	Ngô Xuân Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5682	24020652	Phan Đắc Trung Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5683	24020653	Vũ Minh Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5684	24020654	Lê Trọng Thi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5685	24020655	Hoàng Đình Thọ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5686	24020656	Đoàn Minh Thu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5687	24020657	Trần Huy Thuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5688	24020658	Đỗ Phúc Thuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5689	24020659	Hoàng Ngọc Thuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5690	24020660	Phan Văn Thuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5691	24020661	Vũ Nguyên Thức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5692	24020662	Bùi Xuân Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5693	24020663	Nguyễn Hoàng Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5694	24020664	Đặng Minh Tiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5695	24020665	Phạm Khánh Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5696	24020666	Trần Văn Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5697	24020667	Nguyễn Duy Trà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5698	24020668	Lê Đình Triều	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5699	24020669	Nguyễn Hoàng Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5700	24020670	Đỗ Đăng Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5701	24020671	Vũ Văn Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5702	24020672	Nguyễn Đình Tứ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5703	24020673	Nguyễn Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5704	24020674	Quản Văn Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5705	24020675	Tổng Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5706	24020676	Trần Quốc Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5707	24020677	Bùi Doãn Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5708	24020678	Bùi Minh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5709	24020679	Lê Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5710	24020680	Nguyễn Quang Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5711	24020681	Nguyễn Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5712	24020682	Tô Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5713	24020683	Đàm Đức Tuyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5714	24020684	Dương Văn Tuyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5715	24020685	Phan Mẫu Tuyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5716	24020686	Nguyễn Hoàng Vân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5717	24020687	Nguyễn Viết Hoàng Vấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5718	24020688	Nguyễn Phục Vấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5719	24020689	Bùi Hoàng Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5720	24020690	Bùi Hoàng Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5721	24020691	Đinh Hoàng Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5722	24020692	Phạm Quốc Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5723	24020693	Lê Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5724	24020694	Nguyễn Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5725	24020695	Nguyễn Anh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5726	24020696	Nguyễn Anh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5727	24020697	Nguyễn Nguyên Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5728	24020698	Nguyễn Thị Như ý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5729	24020699	Lê Khoa An	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5730	24020700	Đỗ Duy Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5731	24020701	Lê Hoàng Nhật Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5732	24020702	Nguyễn Đức Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5733	24020703	Nguyễn Tuấn Anh	-404.350		20.000.000		20.000.000	0	19.595.650	
5734	24020704	Phạm Xuân Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5735	24020705	Tạ Ngọc Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5736	24020706	Trần Đức Thế Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5737	24020707	Vũ Thị Ngọc Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5738	24020708	Trần Ngọc Bảo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5739	24020710	Phạm Duy Chiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5740	24020711	Hà Minh Chính	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5741	24020712	Nguyễn Ngọc Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5742	24020713	Tô Văn Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5743	24020714	Hoàng Hải Đăng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5744	24020715	Vũ Minh Đăng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5745	24020716	Lưu Trí Bá Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5746	24020717	Nguyễn Đức Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5747	24020718	Nguyễn Duy Đạt	#####		20.000.000		20.000.000	0	-85.414.350	SV nộp trước cho nhiều kỳ
5748	24020719	Nguyễn Duy Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5749	24020720	Nguyễn Thành Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5750	24020721	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5751	24020723	Vương Xuân Đoàn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5752	24020724	Lê Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5753	24020725	Phạm Trung Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5754	24020726	Đỗ Lam Dung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5755	24020727	Doãn Thị Hồng Dung	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5756	24020728	Đoàn Mạnh Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5757	24020729	Nguyễn Đăng Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5758	24020730	Nguyễn Thế Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5759	24020731	Nông Đức Dũng	-7.334.350		14.260.000		14.260.000	0	6.925.650	
5760	24020732	Vũ Ngọc Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5761	24020733	Lê Tùng Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5762	24020734	Tiên Hoàng Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5763	24020735	Nguyễn Vũ Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5764	24020736	Phạm Ngọc Khánh Duy	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0	17.480.000	
5765	24020737	Nguyễn Huy Hà	-1.074.350		20.000.000		20.000.000	0	18.925.650	
5766	24020738	Dương Phong Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5767	24020739	Nguyễn Tiến Hân	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0	17.480.000	
5768	24020740	Nguyễn Hoàng Hào	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5769	24020741	Lại Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5770	24020742	Trần Mạnh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5771	24020743	Trần Phan Trung Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5772	24020744	Nguyễn Hữu Hiệu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5773	24020745	Đào Duy Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5774	24020746	Lê Huy Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5775	24020747	Nguyễn Duy Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5776	24020748	Nguyễn Minh Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5777	24020749	Phạm Huy Hoàng	-963.350		20.000.000		20.000.000	0	19.036.650	
5778	24020751	Lưu Quốc Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5779	24020752	Lưu Tuấn Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5780	24020753	Nguyễn Cảnh Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5781	24020754	Phạm Tấn Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5782	24020755	Cao Đức Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5783	24020756	Đoàn Quang Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5784	24020757	Nguyễn Đức Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5785	24020758	Lê Hoàng Trí Khang	-2.608.655		20.000.000		20.000.000	0	17.391.345	
5786	24020759	Nguyễn Duy Quốc Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5787	24020760	Phạm Văn Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5788	24020761	Vũ Đồng Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5789	24020762	Phạm Đăng Khoa	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5790	24020763	Nguyễn Viết Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5791	24020764	Phạm Đình Kiên	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5792	24020765	Nguyễn Nhật Lâm	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5793	24020766	Phạm Đình Hải Lâm	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5794	24020768	Phạm Thị Linh	-413.350		20.000.000		20.000.000	0	19.586.650	
5795	24020769	Nguyễn Hoàng Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5796	24020770	Trần Văn Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5797	24020773	Nguyễn Tiến Mạnh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5798	24020774	Nguyễn Đức Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5799	24020775	Nguyễn Nhật Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5800	24020776	Đỗ Thị Mỹ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5801	24020777	Nguyễn Đăng Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5802	24020778	Nguyễn Đình Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5803	24020779	Nguyễn Hoàng Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5804	24020780	Nguyễn Võ Thành Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5805	24020781	Dương Hoàng Ngân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5806	24020782	Lưu Quang Ngọc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5807	24020783	Vũ Thị Bích Ngọc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5808	24020784	Nguyễn Văn Nhã	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5809	24020785	Ngô Tuấn Phi	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5810	24020786	Lê Xuân Phong	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5811	24020787	Phan Đình Phúc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5812	24020788	Tạ Thị Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5813	24020789	Hà Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5814	24020790	Nguyễn Đức Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5815	24020791	Nguyễn Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5816	24020792	Tô Anh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5817	24020793	Trịnh Vũ Quân	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
5818	24020794	Trương Việt Quốc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5819	24020795	Nguyễn Ngọc Quyền	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5820	24020796	Đỗ Đình Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5821	24020797	Hoàng Trung Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5822	24020798	Tạ Trần Thái Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5823	24020799	Trần Anh Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5824	24020800	Trần Ngọc Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5825	24020801	Trần Ngọc Tâm	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5826	24020802	Phạm Thanh Tấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5827	24020803	Lê Yên Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5828	24020804	Trần Mạnh Thắng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5829	24020805	Trịnh Đình Thắng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5830	24020806	Phạm Ngọc Thành	-94.350		20.000.000		20.000.000	0	19.905.650	
5831	24020807	Nguyễn Lâm Thao	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5832	24020808	Trần Đức Thịnh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5833	24020809	Trần Văn Thịnh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5834	24020810	Ngô Trọng Tín	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5835	24020811	Đỗ Minh Triết	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5836	24020812	Trịnh Xuân Trường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5837	24020813	Bùi Duy Tú	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5838	24020814	Nguyễn Viết Tú	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5839	24020815	Trịnh Công Tuấn	-704.350		20.000.000		20.000.000	0	19.295.650	
5840	24020816	Nguyễn Anh Tuấn	-954.350		20.000.000		20.000.000	0	19.045.650	
5841	24020817	Nguyễn Ngọc Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5842	24020818	Nguyễn Quang Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5843	24020819	Hồ Minh Tuệ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5844	24020820	Đinh Ngọc Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5845	24020821	Lương Thanh Tùng	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0	17.480.000	
5846	24020822	Nguyễn Hải Tùng	-214.350		20.000.000		20.000.000	0	19.785.650	
5847	24020823	Phạm Quang Tuyển	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5848	24020824	Nguyễn Phương Uyên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5849	24020825	Phạm Vũ Quốc Việt	-7.334.350		14.260.000		14.260.000	0	6.925.650	
5850	24020826	Nguyễn Quang Vinh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5851	24020827	Trương Văn Vũ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5852	24020828	Lê Quốc Vương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5853	24020829	Nguyễn ánh Vy	-1.078.850		20.000.000		20.000.000	0	18.921.150	
5854	24020830	Nguyễn Thanh An	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5855	24020831	Hoàng Quang Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5856	24020832	Lê Khắc Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5857	24020834	Nguyễn Khắc Phan Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5858	24020835	Nguyễn Tiến Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5859	24020836	Trần Thế Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5860	24020837	Vũ Thế Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5861	24020838	Nguyễn Xuân Bách	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5862	24020839	Nguyễn Quốc Bảo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5863	24020840	Trần Văn Chuyên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5864	24020841	Phạm Mạnh Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5865	24020842	Nguyễn Hải Đăng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5866	24020843	Nguyễn Hải Đăng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5867	24020844	Mai Thành Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5868	24020845	Nguyễn Danh Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5869	24020846	Nguyễn Đình Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5870	24020847	Nguyễn Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5871	24020848	Phùng Đình Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5872	24020849	Trần Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5873	24020850	Nguyễn Anh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5874	24020851	Phùng Lê Anh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5875	24020852	Trịnh Phúc Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5876	24020853	Trương Việt Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5877	24020854	Trần Mạnh Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5878	24020855	Trần Ngọc Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5879	24020856	Lê Hán Đức Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5880	24020857	Nguyễn Văn Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5881	24020858	Trần Bảo Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5882	24020859	Bùi Văn Hải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5883	24020860	Doãn Minh Hải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5884	24020861	Nguyễn Đức Hải	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0	18.595.650	
5885	24020862	Triệu Quang Hiệp	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5886	24020863	Nguyễn Trung Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5887	24020864	Nguyễn Đức Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5888	24020865	Nguyễn Huy Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5889	24020866	Nguyễn Huy Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5890	24020867	Trịnh Minh Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5891	24020868	Hoàng Phi Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5892	24020869	Lê Tuấn Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5893	24020870	Nguyễn Phi Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5894	24020871	Đặng Văn Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5895	24020872	Nguyễn Tiến Huy	-11.274.350		20.000.000		20.000.000	0	8.725.650	
5896	24020873	Vũ Gia Huy	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0	18.595.650	
5897	24020874	Hà Gia Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5898	24020875	Lê Trọng Khôi	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5899	24020876	Phạm Ngọc Khôi	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5900	24020877	Nguyễn Đức Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5901	24020878	Nguyễn Xuân Lộc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5902	24020879	Trần Duy Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5903	24020880	Nguyễn Bá Lực	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5904	24020881	Nguyễn Đức Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5905	24020882	Trần Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5906	24020883	Vũ Công Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5907	24020884	Trần Minh Mười	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5908	24020886	Phạm Văn Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5909	24020887	Phan Anh Nhật	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5910	24020888	Vũ Đức Nhuận	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5911	24020889	Đinh Đức Phát	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5912	24020890	Nguyễn Khánh Phong	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5913	24020891	Nguyễn Hữu Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5914	24020892	Nguyễn Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5915	24020893	Nguyễn Văn Quyết	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5916	24020894	Lê Thanh Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5917	24020895	Nguyễn Văn Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5918	24020896	Vũ Dương Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5919	24020897	Lê Bá Tân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5920	24020898	Bùi Duy Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5921	24020899	Nguyễn Hồng Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5922	24020900	Nguyễn Minh Thành	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5923	24020901	Trịnh Tư Thành	-2.520.000		20.000.000		20.000.000	0	17.480.000	
5924	24020902	Nguyễn Văn Thiện	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5925	24020903	Vũ Đình Tùng	-3.428.700		20.000.000		20.000.000	0	16.571.300	
5926	24020904	Nguyễn Hữu Văn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5927	24020905	Vũ Quốc Việt	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
5928	24020906	Nguyễn Hữu Vinh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5929	24020907	Nguyễn Quang Vinh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5930	24020908	Đặng Nguyễn Đức Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5931	24020909	Đỗ Quốc Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5932	24020910	Đoàn Đức Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5933	24020911	Lê Đức Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5934	24020913	Lê Xuân Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5935	24020914	Ngô Đức Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5936	24020915	Nguyễn Huy Tuấn Anh	-2.690.000		20.000.000		20.000.000	0	17.310.000	
5937	24020916	Nguyễn Nhật Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5938	24020917	Nguyễn Tuấn Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5939	24020918	Nguyễn Việt Anh	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
5940	24020919	Phạm Đức Anh	-914.350		20.000.000		20.000.000	0	19.085.650	
5941	24020920	Trần Văn Anh	-2.820.000		20.000.000		20.000.000	0	17.180.000	
5942	24020921	Nguyễn Thị Ngọc ánh	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
5943	24020922	Nguyễn Thế Bách	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5944	24020923	Trương Thiên Bảo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5945	24020924	Nguyễn Chí Bình	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5946	24020925	Nguyễn Phú Bình	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5947	24020926	Lê Quyết Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5948	24020927	Đình Quốc Công	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5949	24020928	Lê Mạnh Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5950	24020929	Nguyễn Quốc Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5951	24020930	Nguyễn Tiến Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5952	24020931	Trần Đức Đàm	-764.350		20.000.000		20.000.000	0	19.235.650	
5953	24020932	Nguyễn Huy Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5954	24020933	Trần Văn Đạo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5955	24020934	Đào Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5956	24020935	Hồ Văn Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5957	24020936	Nguyễn Thành Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5958	24020937	Nguyễn Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5959	24020938	Nguyễn Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5960	24020939	Phạm Thế Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5961	24020940	Vũ Tuấn Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5962	24020942	Dương Doãn Đông	-2.320.000		20.000.000		20.000.000	0	17.680.000	
5963	24020943	Đặng Tiến Đức	-9.414.350		20.000.000		20.000.000	0	10.585.650	
5964	24020944	Đoàn Minh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5965	24020945	Nguyễn Anh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5966	24020946	Nguyễn Bá Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5967	24020947	Nguyễn Minh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5968	24020948	Nguyễn Minh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5969	24020949	Vũ Đăng Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5970	24020950	Nguyễn Hoàng Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5971	24020951	Nguyễn Văn Duy	-404.350		20.000.000		20.000.000	0	19.595.650	
5972	24020952	Phạm Quang Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
5973	24020953	Nguyễn Như Xuân Giao	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5974	24020954	Nguyễn Phú Giáp	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5975	24020955	Nguyễn Hoàng Hà	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5976	24020956	Đỗ Minh Hải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5977	24020957	Dương Ngọc Hải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5978	24020958	Nguyễn Minh Hải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5979	24020959	Nguyễn Thanh Hải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5980	24020960	Đặng Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5981	24020961	Lê Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5982	24020962	Nguyễn Đức Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5983	24020963	Nguyễn Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5984	24020965	Nguyễn Trọng Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5985	24020966	Phạm Trung Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5986	24020967	Trần Trung Hiếu	5.000.000		20.000.000		20.000.000	0	25.000.000	Nợ K1/24-25
5987	24020968	Trịnh Đức Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5988	24020970	Lê Nhật Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5989	24020972	Nguyễn Việt Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5990	24020973	Nguyễn Việt Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5991	24020974	Uông Minh Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5992	24020975	Viên Đình Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5993	24020976	Đào Mạnh Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5994	24020977	Lê Mạnh Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5995	24020978	Trần Mạnh Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5996	24020979	Đại Quang Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
5997	24020980	Trần Tấn Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5998	24020982	Nguyễn Quốc Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
5999	24020983	Nguyễn Tuấn Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6000	24020984	Nguyễn Văn Huy	-1.394.350		20.000.000		20.000.000	0	18.605.650	
6001	24020985	Nguyễn Hữu Khải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6002	24020986	Trần Văn Khang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6003	24020988	Nguyễn Long Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6004	24020989	Phùng Quốc Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6005	24020990	Vũ Nam Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6006	24020991	Đàm Công Khiển	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6007	24020992	Bùi Mạnh Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6008	24020993	Lê Trung Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6009	24020994	Nguyễn Hữu Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6010	24020995	Nguyễn Trọng Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6011	24020996	Nông Hoàng Kiên	-1.004.350		20.000.000		20.000.000	0	18.995.650	
6012	24020998	Phan Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6013	24020999	Nguyễn Hữu Giang Lâm	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6014	24021000	Nguyễn Văn Lâm	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6015	24021001	Nguyễn Thị Thùy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6016	24021002	An Văn Long	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
6017	24021003	Nguyễn Duy Long	-804.350		20.000.000		20.000.000	0	19.195.650	
6018	24021004	Nguyễn Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6019	24021005	Nguyễn Thành Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6020	24021006	Nguyễn Thành Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6021	24021007	Nguyễn Sỹ Lực	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6022	24021009	Nguyễn Hữu Ngọc Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6023	24021010	Đinh Lê Giang Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6024	24021011	Nguyễn Đức Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6025	24021012	Phạm Văn Nam	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6026	24021013	Đoàn Ngọc Nghĩa	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0	17.171.300	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6027	24021015	Vy Công Ngọc	-714.350		20.000.000		20.000.000	0	19.285.650	
6028	24021016	Lâm Phong	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6029	24021017	Trần Văn Phong	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6030	24021018	Bùi Quang Phú	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6031	24021019	Vũ Đỗ Đức Phúc	-2.814.350		20.000.000		20.000.000	0	17.185.650	
6032	24021021	Nguyễn Trường Phương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6033	24021022	Nguyễn Văn Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6034	24021023	Trần Anh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6035	24021024	Lại Đức Quang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6036	24021025	Nguyễn Ngọc Quang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6037	24021026	Vũ Duy Quang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6038	24021027	Nguyễn Hồng Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6039	24021028	Vũ Hoàng Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6040	24021029	Nguyễn Văn Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6041	24021030	Phạm Minh Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6042	24021033	Đào Duy Thành	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6043	24021034	Nguyễn Anh Thảo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6044	24021035	Vương Mạnh Tiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6045	24021036	Bùi Đức Toàn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6046	24021037	Bùi Khắc Toàn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6047	24021038	Lưu Bá Trình	-1.214.350		20.000.000		20.000.000	0	18.785.650	
6048	24021039	Lê Đức Trọng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6049	24021040	Nguyễn Văn Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6050	24021041	Đỗ Ngọc Trường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6051	24021042	Đỗ Trọng Tuấn	-4.350		20.000.000		20.000.000	0	19.995.650	
6052	24021044	Đặng Anh Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6053	24021045	Lê Anh Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6054	24021046	Nguyễn Anh Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6055	24021047	Nguyễn Anh Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6056	24021048	Trần Anh Tuấn	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0	17.171.300	
6057	24021049	Vũ Quốc Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6058	24021050	Hoàng Viết Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6059	24021052	Phạm Ngọc Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6060	24021053	Vũ Quang Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6061	24021054	Nguyễn Hữu Việt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6062	24021055	Vũ Hoàng Việt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6063	24021056	Hà Đăng Vũ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6064	24021057	Lê Hoàng Vương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6065	24021059	Bùi Phú An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6066	24021060	Đặng Văn An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6067	24021061	Nguyễn Khắc Thuận An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6068	24021062	Nguyễn Phú An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6069	24021063	Nguyễn Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6070	24021064	Nguyễn Thị Ngọc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6071	24021065	Nguyễn Trung Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6072	24021066	Phạm Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6073	24021067	Trần Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6074	24021068	Trịnh Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6075	24021070	Nguyễn Hoàng Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6076	24021072	Trần Đình Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6077	24021073	Trần Văn Báu	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6078	24021074	Đỗ Tiến Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6079	24021075	Nguyễn Huy Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6080	24021076	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6081	24021077	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6082	24021078	Nguyễn Việt Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6083	24021079	Phạm Thế Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6084	24021080	Trần Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6085	24021081	Hoàng Trọng Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6086	24021082	Đào Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6087	24021083	Nguyễn Gia Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6088	24021084	Trịnh Quốc Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6089	24021085	Nguyễn Đình Độ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6090	24021086	Nguyễn Đình Đông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6091	24021087	Bùi Gia Du	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6092	24021088	Lê Việt Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6093	24021089	Nguyễn Hồng Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6094	24021090	Nguyễn Hữu Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6095	24021091	Nguyễn Nhân Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6096	24021092	Tổng Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6097	24021093	Trần Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6098	24021095	Bùi Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6099	24021096	Đặng Thìn Dũng	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
6100	24021097	Nguyễn Văn Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6101	24021098	Ninh ánh Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6102	24021099	Hà Văn Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6103	24021100	Hoàng Văn Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6104	24021101	Nguyễn Đình Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6105	24021102	Tạ Đình Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6106	24021103	Nguyễn Khắc Giáp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6107	24021104	Nguyễn Khắc Hải	-414.350		20.000.000		20.000.000	0	19.585.650	
6108	24021105	Trần Minh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6109	24021106	Vũ Bá Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6110	24021107	Trần Trọng Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6111	24021108	Đình Trần Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6112	24021109	Đỗ Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6113	24021110	Hoàng Hiếu	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
6114	24021111	Lê Công Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6115	24021112	Nguyễn Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6116	24021113	Phạm Ngọc Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6117	24021114	Đào Mạnh Quốc Hoàng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6118	24021115	Phạm Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6119	24021116	Võ Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6120	24021117	Đào Quang Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6121	24021118	Đỗ Bá Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6122	24021119	Lưu Ngọc Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6123	24021120	Trần Tiến Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6124	24021121	Lâm Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6125	24021122	Lê Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6126	24021123	Nguyễn Anh Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6127	24021124	Nguyễn Công Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6128	24021125	Trần Đức Khải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6129	24021126	Trần Trung Khải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6130	24021127	Hoàng Đăng Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6131	24021128	Nguyễn Ngọc Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6132	24021129	Nguyễn Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6133	24021130	Nguyễn Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6134	24021131	Phạm Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6135	24021132	Lê Gia Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6136	24021133	Hà Trọng Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6137	24021134	Trần Thái Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6138	24021135	Bùi Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6139	24021136	Hoàng Đức Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6140	24021137	Kiều Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6141	24021138	Nguyễn Đức Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6142	24021139	Phạm Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6143	24021140	Trần Đình Anh Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6144	24021141	Trần Trung Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6145	24021142	Nguyễn Thiếu Kỳ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6146	24021143	Kiều Thế Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6147	24021144	Lương Tùng Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6148	24021145	Phạm Khánh Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6149	24021146	Nguyễn Cao Hoàng Lân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6150	24021147	Bùi Hoàng Đức Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6151	24021148	Nguyễn Hải Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6152	24021149	Phạm Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6153	24021150	Lý Minh Lượng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6154	24021151	Bùi Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6155	24021152	Lê Khắc Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6156	24021153	Phùng Tiến Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6157	24021154	Bùi Hoàng Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6158	24021155	Đặng Nguyễn Duy Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6159	24021156	Hoàng Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6160	24021157	Kiều Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6161	24021158	Lê Công Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6162	24021159	Ngô Thành Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6163	24021161	Nguyễn Tấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6164	24021162	Phạm Bình Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6165	24021163	Phạm Duy Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6166	24021164	Đỗ Danh Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6167	24021165	Ngô Hải Nam	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
6168	24021166	Tổng Hoàng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6169	24021167	Nguyễn Văn Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6170	24021168	Phạm Thanh Nghĩa	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
6171	24021169	Trương Hữu Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6172	24021170	Phan Minh Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6173	24021171	Bùi An Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6174	24021172	Phạm Phúc Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6175	24021173	Lê Văn Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6176	24021174	Nguyễn Văn Nhị	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6177	24021175	Lê Thiện Phát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6178	24021176	Nguyễn Đức Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6179	24021177	Nguyễn Hữu Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6180	24021178	Nguyễn Xuân Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6181	24021179	Vũ Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6182	24021180	Nghiêm Văn Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6183	24021181	Nguyễn Ngọc Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6184	24021182	Lê Hoàng Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6185	24021183	Nguyễn Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6186	24021184	Phạm Hồng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6187	24021185	Phạm Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6188	24021186	Lê Nhật Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6189	24021187	Nguyễn Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6190	24021188	Phạm Duy Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6191	24021189	Phạm Chu Quốc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6192	24021190	Nguyễn Đình Quý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6193	24021191	Trương Đức Quý	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6194	24021192	Nguyễn Hồng Quyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6195	24021193	Hoàng Phước Sang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6196	24021194	Bùi Hoàng Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6197	24021195	Bùi Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6198	24021196	Đỗ Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6199	24021197	Nguyễn Ngọc Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6200	24021198	Nguyễn Hồng Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6201	24021199	Lê Xuân Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6202	24021200	Nguyễn Đức Thảo	-270.000		16.000.000		16.000.000	0	15.730.000	
6203	24021201	Nguyễn Thị Thúy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6204	24021202	Nguyễn Hữu Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6205	24021203	Nguyễn Ngọc Trân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6206	24021204	Dương Đức Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6207	24021205	Hoàng Minh Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6208	24021206	Trần Đức Trọng	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6209	24021207	Trần Văn Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6210	24021208	Vũ Nguyễn Ngọc Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6211	24021209	Vũ Thế Trực	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6212	24021211	Bùi Xuân Trường	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
6213	24021212	Phạm Văn Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6214	24021213	Trương Minh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6215	24021214	Lê Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6216	24021215	Hà Sơn Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6217	24021216	Lã Minh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6218	24021217	Nguyễn Trung Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6219	24021218	Tạ Tuấn Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6220	24021219	Hạ Quốc Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6221	24021220	Nguyễn Hoàng Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6222	24021221	Phạm Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6223	24021222	Nguyễn Tiến Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6224	24021223	Trần Quang Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6225	24021224	Phạm Văn Vự	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6226	24021225	Lê Quý Vương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6227	24021226	Nguyễn Bá Vương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6228	24021227	Phạm Trọng Vương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6229	24021229	Bùi Hoàng Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6230	24021230	Bùi Tuấn Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6231	24021231	Bùi Xuân Trường Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6232	24021232	Nguyễn Ngọc Nhật Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6233	24021233	Phùng Đức Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6234	24021234	Trần Thị Nhật Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6235	24021235	Vũ Việt Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6236	24021236	Lê Thị Kim ánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6237	24021237	Nguyễn Hữu Bảo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6238	24021238	Trần Ngọc Bảo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6239	24021239	Phan Văn Báu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6240	24021240	Lê Quỳnh Chi	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6241	24021241	Nguyễn Ngọc Chiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6242	24021242	Nguyễn Văn Chiến	-1.604.350		20.000.000		20.000.000	0	18.395.650	
6243	24021243	Nguyễn Trọng Chuẩn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6244	24021244	Nguyễn Trọng Chung	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6245	24021245	Bùi Văn Đại	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
6246	24021247	Hoàng Minh Đạo	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6247	24021248	Nguyễn Thành Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6248	24021249	Nguyễn Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6249	24021250	Nguyễn Xuân Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6250	24021251	Phí Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6251	24021252	Tạ Hiền Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6252	24021253	Nguyễn Thế Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6253	24021254	Trần Minh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6254	24021255	Đỗ Quốc Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6255	24021256	Nguyễn Hữu Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6256	24021257	Nguyễn Tiến Dũng	-879.850		20.000.000		20.000.000	0	19.120.150	
6257	24021258	Trần Trung Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6258	24021259	Đàm Đại Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6259	24021261	Nguyễn Thị Thái Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6260	24021262	Phạm Tùng Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6261	24021263	Vương Đình Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6262	24021264	Đặng Thái Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6263	24021265	Vương Đức Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6264	24021266	Đình Hà Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6265	24021267	Lưu Hương Giang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6266	24021268	Trần Ngọc Hà	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6267	24021269	Nguyễn Thị Hằng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6268	24021270	Trần Đức Hiệp	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6269	24021271	Ngô Đức Hiếu	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6270	24021272	Nguyễn Đức Hoàn	-5.694.350		15.900.000		15.900.000	0	10.205.650	
6271	24021273	Tạ Nguyễn Duy Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6272	24021274	Đoàn Khắc Huân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6273	24021275	Phạm Đình Huân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6274	24021276	Vũ Thị Huệ	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0	17.171.300	
6275	24021277	Hoàng Mạnh Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6276	24021278	Nguyễn Xuân Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6277	24021279	Đào Đức Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6278	24021280	Vũ Quang Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6279	24021281	Trần Trọng Khang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6280	24021282	Vũ Đình Nguyên Khang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6281	24021284	Lê Quốc Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6282	24021285	Nguyễn Duy Khánh	-2.820.000		20.000.000		20.000.000	0	17.180.000	
6283	24021286	Phạm Duy Khánh	-1.178.850		20.000.000		20.000.000	0	18.821.150	
6284	24021287	Vũ Quốc Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6285	24021288	Lê Trung Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6286	24021290	Nguyễn Đức Lâm	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6287	24021291	Giáp Thị Thùy Linh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6288	24021292	Trần Gia Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6289	24021293	Trần Đức Lương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6290	24021294	Giang Hoàng Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6291	24021296	Mẫn Gia Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6292	24021297	Nguyễn Lưu Đức Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6293	24021298	Nguyễn Tường Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6294	24021299	Thân Cao Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6295	24021300	Trần Công Minh	-1.004.350		20.000.000		20.000.000	0	18.995.650	
6296	24021301	Đỗ Hoàng Nam	-1.374.350		20.000.000		20.000.000	0	18.625.650	
6297	24021302	Trịnh Trọng Nghĩa	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6298	24021303	Đặng Trần Nguyên	-7.334.350		14.260.000		14.260.000	0	6.925.650	
6299	24021304	Phạm Văn Nhật	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6300	24021305	Trịnh Long Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6301	24021306	Vũ Ngọc Phúc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6302	24021308	Nguyễn Thị Minh Phương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6303	24021309	Đặng Anh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6304	24021310	Lê Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6305	24021311	Nguyễn Anh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6306	24021312	Nguyễn Anh Quân	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
6307	24021313	Nguyễn Mạnh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6308	24021314	Phạm Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6309	24021315	Trương Duy Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6310	24021316	Hoàng Minh Quang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6311	24021317	Lưu Minh Quang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6312	24021318	Lê Xuân Sáng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6313	24021319	Nguyễn Khánh Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6314	24021321	Hoàng Anh Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6315	24021322	Nguyễn Duy Thái	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6316	24021323	Đặng Tất Thành	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6317	24021324	Nguyễn Minh Thành	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6318	24021325	Nguyễn Văn Thành	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6319	24021326	Nguyễn Việt Thành	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6320	24021328	Vũ Hoài Thương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6321	24021329	Đào Duy Tiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6322	24021330	Hồ Mạnh Tiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6323	24021331	Đặng Hữu Toàn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6324	24021332	Trần Khánh Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6325	24021333	Phạm ái Trân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6326	24021334	Trương Quang Triết	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6327	24021335	Nguyễn Văn Trọng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6328	24021336	Đặng Quốc Trung	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6329	24021337	Trần Tuấn Tú	13.585.650		20.000.000		20.000.000	0	33.585.650	Nợ K1/24-25
6330	24021338	Nguyễn Đình Minh Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6331	24021339	Nguyễn Văn Tuấn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6332	24021340	Ninh Quang Tuệ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6333	24021341	Đặng Xuân Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6334	24021342	Nguyễn Hoàng Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6335	24021343	Nguyễn Quang Tùng	-304.350		20.000.000		20.000.000	0	19.695.650	
6336	24021344	Cao Thị Ngọc Uyên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6337	24021345	Phan Văn Việt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6338	24021346	Nguyễn Hoàng Vũ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6339	24021347	Nguyễn Hoàng Vũ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6340	24021348	Nguyễn Minh Vũ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
6341	24021349	Đỗ Trần Thái An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6342	24021350	Lã Thái An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6343	24021351	Lê Quốc An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6344	24021352	Nguyễn Hải An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6345	24021353	Phạm Quốc An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6346	24021354	Tạ Hoàng Ân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6347	24021355	Bùi Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6348	24021357	Đặng Công Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6349	24021358	Đặng Duy Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6350	24021359	Đặng Phương Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6351	24021360	Đinh Thị Tuyết Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6352	24021362	Đỗ Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6353	24021363	Đoàn Ngọc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6354	24021364	Dương Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6355	24021365	Lê Nguyễn Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6356	24021366	Lê Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6357	24021367	Lương Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6358	24021368	Ngo Bùi Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6359	24021369	Nguyễn Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6360	24021370	Nguyễn Minh Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6361	24021372	Nguyễn Văn Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6362	24021373	Nguyễn Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6363	24021374	Phạm Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6364	24021375	Tô Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6365	24021376	Trần Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6366	24021377	Trần Nguyễn Bảo Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6367	24021378	Trần Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6368	24021379	Trương Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6369	24021380	Nguyễn Minh ánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6370	24021381	Nguyễn Thiện Ba	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6371	24021382	Phạm Gia Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6372	24021383	Đỗ Xuân Bằng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6373	24021384	Phan Doãn Thanh Bằng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6374	24021385	Nguyễn Hoàng Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6375	24021386	Nguyễn Văn Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6376	24021387	Trần Quốc Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6377	24021388	Khoa Đào Ngọc Bích	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6378	24021389	Đào Đình Bình	0		22.152.000		22.152.000	0	22.152.000	
6379	24021390	Lê Ngọc Hoàng Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6380	24021391	Nguyễn Thanh Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6381	24021392	Bùi Đình Cảnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6382	24021393	Hà Hoàng Kim Chi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6383	24021394	Nguyễn Văn Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6384	24021395	Trần Mạnh Chiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6385	24021396	Đặng Danh Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6386	24021397	Lê Hải Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6387	24021398	Nguyễn Mạnh Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6388	24021399	Trần Tuấn Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6389	24021400	Nguyễn Trọng Đại	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6390	24021401	Bùi Hải Đăng	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6391	24021402	Nguyễn Công Danh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6392	24021403	Đỗ Đức Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6393	24021404	Nguyễn Khả Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6394	24021405	Nguyễn Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6395	24021406	Trần Quý Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6396	24021407	Trần Đức Diên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6397	24021408	Lục Thị Diệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6398	24021409	Đào Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6399	24021410	Đỗ Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6400	24021411	Hoàng Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6401	24021412	Hoàng Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6402	24021413	Hứa Việt Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6403	24021414	Lại Tuấn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6404	24021415	Nguyễn Mạnh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6405	24021416	Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6406	24021417	Nguyễn Tài Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6407	24021418	Phạm Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6408	24021419	Trương Đình Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6409	24021420	Bạch Công Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6410	24021421	Bùi Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6411	24021422	Bùi Mạnh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6412	24021423	Bùi Tiến Dũng	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
6413	24021424	Cù Mạnh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6414	24021425	Đặng Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6415	24021426	Đặng Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6416	24021427	Đỗ Trung Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6417	24021428	Lê Đình Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6418	24021429	Lê Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6419	24021430	Lưu Việt Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6420	24021432	Nguyễn Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6421	24021434	Nguyễn Trung Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6422	24021435	Trần Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6423	24021436	Triệu Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6424	24021437	Hoàng Văn Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6425	24021438	Lê Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6426	24021439	Lương Minh Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6427	24021440	Nguyễn Hoàng Thái Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6428	24021441	Nguyễn Thành Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6429	24021442	Nguyễn Tiến Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6430	24021443	Nguyễn Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6431	24021444	Quách Đại Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6432	24021445	Đỗ Lê Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6433	24021446	Hà Phú Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6434	24021447	Nguyễn Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6435	24021448	Nguyễn Quang Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6436	24021449	Nguyễn Thanh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6437	24021450	Nguyễn Tường Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6438	24021451	Nguyễn Xuân Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6439	24021452	Phạm Khánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6440	24021453	Phạm Văn Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6441	24021454	Doãn Minh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6442	24021455	Lại Quang Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6443	24021456	Ngô Thanh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6444	24021457	Nguyễn Lý Việt Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6445	24021458	Nguyễn Phạm Sơn Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6446	24021459	Nguyễn Xuân Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6447	24021460	Vũ Nam Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6448	24021461	Tường Gia Hân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6449	24021462	Đinh Thị Hậu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6450	24021463	Ngô Xuân Hậu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6451	24021464	Lê Minh Hiền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6452	24021466	Phạm Gia Hiền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6453	24021467	Bành Văn Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6454	24021468	Nguyễn Tiến Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6455	24021469	Đặng Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6456	24021470	Đỗ Huy Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6457	24021471	Đỗ Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6458	24021472	Đỗ Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6459	24021473	Lê Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6460	24021474	Lê Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6461	24021475	Lê Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6462	24021476	Nguyễn Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6463	24021477	Nguyễn Trần Hoàng Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6464	24021478	Nguyễn Văn Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6465	24021479	Phạm Xuân Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6466	24021481	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6467	24021482	Nguyễn Duy Hòa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6468	24021483	Đỗ Việt Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6469	24021484	Hà Hải Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6470	24021485	Lã Việt Hoàng	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
6471	24021486	Nguyễn Công Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6472	24021487	Nguyễn Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6473	24021488	Nguyễn Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6474	24021489	Nguyễn Mạnh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6475	24021490	Trần Nguyễn Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6476	24021491	Trương Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6477	24021492	Vàng Đức Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6478	24021493	Võ Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6479	24021494	Vũ Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6480	24021495	Nguyễn Quang Hồng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6481	24021496	Nguyễn Minh Hùng	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6482	24021498	Nguyễn Văn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6483	24021499	Phạm Đức Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6484	24021500	Đình Phúc Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6485	24021501	Lê Khánh Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6486	24021502	Nguyễn Phan Việt Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6487	24021503	Nguyễn Quang Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6488	24021504	Ninh Ngọc Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6489	24021505	Tăng Khánh Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6490	24021506	Trần Duy Hưng	-50.000		20.000.000		20.000.000	0	19.950.000	
6491	24021507	Trần Nhật Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6492	24021508	Vũ Gia Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6493	24021509	Hoàng Thị Linh Hương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6494	24021510	Phạm Văn Hường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6495	24021511	Nguyễn Ngọc Hường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6496	24021512	Bùi Công Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6497	24021513	Bùi Quang Huy	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
6498	24021514	Đào Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6499	24021515	Dương Quốc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6500	24021516	Lê Nam Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6501	24021517	Mạc Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6502	24021518	Nguyễn Quang Nhật Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6503	24021519	Nguyễn Quốc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6504	24021520	Phùng Nhật Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6505	24021521	Trương Đan Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6506	24021522	Lê Thu Huyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6507	24021523	Nguyễn Thị Thu Huyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6508	24021524	Nguyễn Mạnh Kha	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6509	24021525	Nguyễn Quang Khải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6510	24021526	Nguyễn Trường Khang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6511	24021527	Đỗ Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6512	24021528	Lê Ngọc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6513	24021529	Nguyễn Hồng Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6514	24021530	Nguyễn Lê Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6515	24021531	Nguyễn Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6516	24021532	Nguyễn Đức Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6517	24021533	Nguyễn Đức Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6518	24021534	Nguyễn Minh Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6519	24021535	Đỗ Hoàng Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6520	24021536	Nguyễn Minh Khuê	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6521	24021537	Trần Minh Khuê	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6522	24021538	Đình Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6523	24021539	Lê Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6524	24021540	Ma Đình Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6525	24021541	Nguyễn Mạnh Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6526	24021543	Nguyễn Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6527	24021544	Lại Tùng Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6528	24021545	Lưu Tùng Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6529	24021546	Hoàng Trọng Nhật Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6530	24021547	Vũ Hải Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6531	24021548	Vũ Thủy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6532	24021549	Doãn Duy Lợi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6533	24021550	Đỗ Đức Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6534	24021551	Hứa Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6535	24021552	Lê Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6536	24021553	Lộc Trần Gia Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6537	24021554	Nghiêm Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6538	24021555	Nguyễn Đức Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6539	24021557	Lê Đức Lưu	-20.000		20.000.000		20.000.000	0	19.980.000	
6540	24021558	Ngô Thị Cẩm Ly	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
6541	24021559	Cao Thế Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6542	24021560	Nguyễn Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6543	24021561	Trần Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6544	24021562	Bùi Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6545	24021563	Cao Anh Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6546	24021564	Đinh Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6547	24021565	Đoàn Anh Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6548	24021566	Ngô Nguyễn Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6549	24021567	Ngô Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6550	24021568	Nguyễn Bá Hoàng Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6551	24021569	Nguyễn Bảo Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6552	24021570	Nguyễn Dương Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6553	24021571	Nguyễn Duy Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6554	24021572	Nguyễn Huy Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6555	24021573	Nguyễn Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6556	24021574	Vũ Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6557	24021575	Nguyễn Thị Lê Na	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6558	24021576	Bùi Hùng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6559	24021577	Phạm Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6560	24021578	Phạm Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6561	24021579	Phạm Hồng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6562	24021580	Quách Nhật Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6563	24021581	Trần Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6564	24021582	Vương Thành Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6565	24021583	Đoàn Trọng Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6566	24021584	Phạm Minh Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6567	24021585	Bùi Đình Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6568	24021586	Nguyễn Hồng Thảo Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6569	24021587	Tạ Đình Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6570	24021588	Ngô Hoàng Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6571	24021589	Trần Thị Hạnh Nhi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6572	24021590	Hoàng Đức Nhuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6573	24021591	Nguyễn Việt Nhung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6574	24021592	Hồ Sỹ Phát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6575	24021593	Lê Ngọc Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6576	24021594	Nguyễn Khánh Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6577	24021595	Nguyễn Quốc Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6578	24021596	Phạm Tuấn Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6579	24021597	Lâm Việt Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6580	24021598	Nguyễn Công Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6581	24021599	Bạch Mai Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6582	24021600	Nguyễn Việt Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6583	24021601	Bùi Thị Bích Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6584	24021602	Đỗ Hồng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6585	24021604	Lê Hồng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6586	24021605	Nguyễn Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6587	24021606	Đặng Nhật Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6588	24021607	Nguyễn Đức Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6589	24021608	Nguyễn Tiên Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6590	24021609	Trần Đại Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6591	24021610	Trần Đức Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6592	24021611	Trịnh Thiên Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6593	24021612	Cao Khắc Phan Sang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6594	24021613	Nguyễn Anh Sơn	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
6595	24021614	Nguyễn Minh Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6596	24021615	Trần Cẩm Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6597	24021616	Vũ Trí Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6598	24021617	Nguyễn Quốc Sỹ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6599	24021618	Phan Việt Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6600	24021619	Trần Mạnh Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6601	24021620	Nguyễn Phúc Tấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6602	24021621	Hoàng Văn Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6603	24021622	Nguyễn Đình Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6604	24021623	Nguyễn Ngọc Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6605	24021624	Nguyễn Đức Thanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6606	24021625	Trần Quang Thanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6607	24021626	Lê Tuấn Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6608	24021627	Mai Hải Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6609	24021628	Nguyễn Đình Trường Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6610	24021629	Nguyễn Phúc Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6611	24021630	Trần Đức Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6612	24021631	Nguyễn Tuấn Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6613	24021632	Bùi Xuân Thi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6614	24021633	Hoàng Thị Thi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6615	24021634	Nguyễn Phúc Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6616	24021635	Bùi Quang Thọ	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
6617	24021636	Đỗ Văn Thu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6618	24021637	Lê Trọng Thức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6619	24021638	Trần Duy Thường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6620	24021639	Khúc Minh Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6621	24021641	Nguyễn Văn Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6622	24021642	Trần Việt Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6623	24021643	Trương Duy Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6624	24021644	Nguyễn Thùy Trang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6625	24021645	An Đức Minh Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6626	24021646	Phạm Vinh Trí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6627	24021647	Châu Nguyễn Tố Trinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6628	24021648	Trần Minh Trúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6629	24021649	Phạm Văn Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6630	24021650	Nguyễn Duy Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6631	24021651	Nguyễn Thế Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6632	24021652	Hoàng Phạm Anh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6633	24021653	Phạm Đình Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6634	24021654	Đình Quang Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6635	24021655	Đàm Minh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6636	24021656	Đào Minh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6637	24021657	Lê Đình Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6638	24021658	Nguyễn Đức Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6639	24021659	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6640	24021660	Bùi Hoàng Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6641	24021661	Hoàng Lâm Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6642	24021663	Nguyễn Hữu Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6643	24021664	Nguyễn Khắc Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6644	24021665	Nguyễn Văn Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6645	24021666	Nguyễn Xuân Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6646	24021667	Phạm Kim Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6647	24021668	Phạm Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6648	24021669	Nguyễn Xuân Tường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6649	24021670	Nguyễn Trần Quang Tuyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6650	24021672	Vũ Thị Hồng Vân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6651	24021673	Nguyễn Gia Vĩ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6652	24021675	Đặng Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6653	24021676	Đặng Thành Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6654	24021677	Đào Trọng Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6655	24021678	Lê Thái Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6656	24021679	Hoàng Long Vũ	0		20.000.000		20.000.000	20.000.000	0	ĐHQGHN hỗ trợ HP
6657	24021680	La Minh Vũ	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
6658	24021681	Đình Quốc An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6659	24021682	Nguyễn Khánh An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6660	24021683	Phạm Xuân An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6661	24021684	Đình Ngọc Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6662	24021685	Đỗ Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6663	24021686	Nguyễn Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6664	24021687	Nguyễn Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6665	24021688	Nguyễn Duy Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6666	24021689	Nguyễn Ngọc Thạch Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6667	24021690	Nguyễn Thị Vân Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6668	24021691	Nguyễn Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6669	24021692	Nguyễn Văn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6670	24021693	Nguyễn Văn Tú Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6671	24021694	Nguyễn Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6672	24021695	Nguyễn Việt Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6673	24021696	Phan Nguyễn Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6674	24021697	Chu Ngọc ánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6675	24021698	Lại Văn Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6676	24021699	Bùi Thế Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6677	24021700	Phùng Quốc Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6678	24021701	Nguyễn Bính	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6679	24021702	Vũ Minh Cảnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6680	24021703	Đặng Tiểu Chân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6681	24021704	Phạm Bá Minh Châu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6682	24021705	Phạm Đức Chính	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6683	24021706	Hoàng Tiến Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6684	24021707	Phạm Vũ Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6685	24021708	Nguyễn Nam Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6686	24021709	Nguyễn Việt Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6687	24021710	Phạm Kiên Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6688	24021711	Phạm Tiến Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6689	24021712	Lê Văn Đại	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6690	24021713	Chu Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6691	24021714	Nguyễn Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6692	24021715	Phạm Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6693	24021716	Phạm Văn Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6694	24021717	Vũ Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6695	24021718	Vương Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6696	24021719	Bùi Hồng Danh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6697	24021720	Trần Hiền Danh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6698	24021721	Ngô Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6699	24021722	Nguyễn Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6700	24021723	Nguyễn Thành Đạt	5.650		20.000.000		20.000.000	0	20.005.650	Nợ lẻ
6701	24021724	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6702	24021725	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6703	24021726	Phạm Trí Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6704	24021727	Trần Công Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6705	24021728	Trương Đức Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6706	24021729	Vũ Tuấn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6707	24021730	Đào Đức Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6708	24021731	Hoàng Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6709	24021732	Lê Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6710	24021733	Lê Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	20.000.000	0	
6711	24021734	Lê Trần Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6712	24021735	Ngô Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6713	24021736	Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6714	24021737	Nguyễn Tài Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6715	24021738	Niêm Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6716	24021739	Phạm Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6717	24021740	Phạm Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6718	24021741	Phạm Trung Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6719	24021742	Trần Hà Anh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6720	24021743	Trịnh Đình Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6721	24021744	Võ Lê Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6722	24021745	Bùi Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6723	24021746	Đặng Tất Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6724	24021747	Đào Ngô Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6725	24021748	Đỗ Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6726	24021749	Hoàng Anh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6727	24021750	Mâu Việt Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6728	24021751	Nguyễn Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6729	24021752	Nguyễn Quang Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6730	24021753	Nguyễn Việt Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6731	24021754	Phạm Đức Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6732	24021755	Tạ Tiến Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6733	24021756	Vũ Mạnh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6734	24021757	Đỗ Đại Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6735	24021758	Mai Nguyễn Nhật Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6736	24021759	Nguyễn Đăng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6737	24021760	Nguyễn Hữu Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6738	24021761	Nguyễn Quý Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6739	24021762	Phan Ngọc Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6740	24021763	Phan Thái Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6741	24021764	Trần Nam Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6742	24021765	Trần Xuân Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6743	24021766	Đặng Tiến Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6744	24021767	Hoàng Đăng Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6745	24021768	Lã Văn Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6746	24021769	Nguyễn Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6747	24021770	Ninh Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6748	24021771	Trần Khương Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6749	24021772	Trương Tiến Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6750	24021773	Vũ Khánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6751	24021774	Nguyễn Hương Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6752	24021775	Nguyễn Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6753	24021776	Bùi Ngọc Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6754	24021777	Bùi Hoàng Hải	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6755	24021778	Hoàng Văn Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6756	24021779	Kim Đình Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6757	24021780	Lê Minh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6758	24021781	Nguyễn Công Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6759	24021782	Nguyễn Đình Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6760	24021783	Nguyễn Đức Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6761	24021784	Tạ Quang Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6762	24021785	Trần Thanh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6763	24021786	Lê Trung Hậu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6764	24021787	Đỗ Thuý Hiền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6765	24021788	Nguyễn Tuấn Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6766	24021789	Dương Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6767	24021790	Hồ Sĩ Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6768	24021791	Lê Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6769	24021792	Nguyễn Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6770	24021793	Nguyễn Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6771	24021794	Thân Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6772	24021795	Vũ Bùi Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6773	24021796	Vũ Đức Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6774	24021797	Vũ Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6775	24021798	Vũ Xuân Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6776	24021799	Doãn Việt Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6777	24021800	Nguyễn Công Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6778	24021801	Nguyễn Đức Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6779	24021802	Nguyễn Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6780	24021803	Nguyễn Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6781	24021804	Nguyễn Ngô Duy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6782	24021805	Nguyễn Sỹ Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6783	24021806	Nguyễn Thế Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6784	24021807	Trần Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6785	24021808	Phạm Văn Hợp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6786	24021809	Nguyễn Mạnh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6787	24021810	Nguyễn Xuân Hùng	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6788	24021811	Phùng Duy Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6789	24021812	Bùi Tuấn Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6790	24021813	Đinh Gia Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6791	24021814	Lê Phúc Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6792	24021815	Nguyễn Xuân Tuấn Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6793	24021816	Nguyễn Đình Hữu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6794	24021817	Hồ Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6795	24021818	Lê Doãn Đoàn Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6796	24021819	Lê Duy Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6797	24021820	Lê Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6798	24021821	Lê Viết Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6799	24021822	Nguyễn Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6800	24021823	Nguyễn Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6801	24021824	Nguyễn Hoàng Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6802	24021825	Nguyễn Phạm Nhật Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6803	24021826	Nguyễn Quốc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6804	24021827	Nguyễn Trung Lâm Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6805	24021828	Nguyễn Xuân Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6806	24021829	Phạm Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6807	24021830	Trần Thái Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6808	24021831	Trịnh Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6809	24021832	Triệu Thị Thanh Huyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6810	24021833	Hoàng Ngọc Khả	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6811	24021834	Lê Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6812	24021835	Lê Văn Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6813	24021836	Nghiêm Duy Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6814	24021837	Nguyễn Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6815	24021838	Phùng Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6816	24021839	Trần Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6817	24021840	Võ Nguyên Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6818	24021841	Nguyễn Văn Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6819	24021842	Phạm Duy Tùng Khiêm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6820	24021843	Đỗ Đăng Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6821	24021844	Nguyễn Minh Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6822	24021845	Phan Trọng Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6823	24021846	Hoàng Duy Khương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6824	24021847	Cao Xuân Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6825	24021848	Hồ Xuân Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6826	24021849	Lê Chí Kiên	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
6827	24021850	Nguyễn Duy Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6828	24021851	Nguyễn Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6829	24021852	Nguyễn Văn Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6830	24021853	Phạm Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6831	24021854	Vũ Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6832	24021855	Bùi Anh Kiệt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6833	24021856	Đặng Bảo Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6834	24021857	Đỗ Hoàng Thanh Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6835	24021858	Đoàn Thanh Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6836	24021859	Hoàng Khánh Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6837	24021860	Thân Ngọc Hải Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6838	24021861	Dương Quang Lịch	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6839	24021863	Mai Trần Phương Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6840	24021864	Mâu Văn Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6841	24021865	Nguyễn Hữu Hoàng Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6842	24021866	Nguyễn Nhật Linh	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6843	24021867	Nguyễn Thị Ngọc Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6844	24021868	Nguyễn Văn Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6845	24021869	Nguyễn Văn Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6846	24021870	Vũ Đức Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6847	24021871	Ngô Gia Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6848	24021872	Nguyễn Hải Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6849	24021873	Nguyễn Trọng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6850	24021874	Phạm Vũ Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6851	24021875	Nguyễn Đức Lương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6852	24021876	Trần Cẩm Ly	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6853	24021877	Lê Tiến Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6854	24021878	Nguyễn Đắc Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6855	24021879	Nguyễn Phạm Tiến Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6856	24021880	Phạm Đức Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6857	24021881	Trương Văn Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6858	24021882	Đặng Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6859	24021883	Đình Trần Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6860	24021884	Đỗ Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6861	24021885	Mai Đức Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6862	24021886	Mai Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6863	24021887	Nguyễn Bá Duy Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6864	24021888	Nguyễn Gia Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6865	24021889	Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6866	24021890	Nguyễn Quang Minh	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	
6867	24021891	Phạm Cao Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6868	24021892	Phạm Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6869	24021893	Phạm Xuân Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6870	24021894	Trần Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6871	24021895	Phạm Thị Trà My	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6872	24021896	Bùi Gia Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6873	24021897	Cao Văn Thành Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6874	24021898	Dương Hồ Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6875	24021899	Lê Đặng Phương Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6876	24021900	Nguyễn Đình Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6877	24021901	Nguyễn Quảng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6878	24021902	Nguyễn Trung Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6879	24021903	Nguyễn Văn Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6880	24021904	Nguyễn Văn Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6881	24021905	Phạm Đình Phương Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6882	24021907	Chu Văn Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6883	24021908	Trần Đại Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6884	24021909	Đỗ Đặng Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6885	24021910	Đỗ Quốc Chính Nguyễn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6886	24021911	Vũ Bình Nguyễn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6887	24021912	Bùi Trí Nguyễn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6888	24021913	Trần Thị Thanh Nhân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6889	24021914	Nguyễn Thiện Nhân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6890	24021915	Nguyễn Minh Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6891	24021916	Trần Hải Ninh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6892	24021917	Nguyễn Thị Kim Oanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6893	24021918	Hoàng Mạnh Phát	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6894	24021919	Đỗ Thời Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6895	24021920	Lê Khả Đan Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6896	24021921	Man Văn Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6897	24021922	Phạm Xuân Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6898	24021923	Trần Tiến Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6899	24021924	Trần Văn Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6900	24021925	Vi Dương Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6901	24021926	Hoàng Nguyên Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6902	24021927	Lương Trọng Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6903	24021928	Nguyễn Huy Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6904	24021929	Phạm Quang Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6905	24021930	Lê Minh Phương	0		23.228.000		23.228.000	0	23.228.000	
6906	24021931	Nguyễn Thị Mai Phương	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6907	24021932	Bùi Mạnh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6908	24021933	Cánh Nam Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6909	24021934	Nguyễn Anh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6910	24021935	Nguyễn Phạm Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6911	24021936	Phạm Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6912	24021937	Trần Tiến Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6913	24021938	Hoàng Nghĩa Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6914	24021939	Lê Anh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6915	24021940	Nguyễn Đăng Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6916	24021941	Nguyễn Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6917	24021942	Nguyễn Tiến Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6918	24021943	Nguyễn Văn Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6919	24021944	Phạm Đức Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6920	24021945	Phạm Ngọc Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6921	24021946	Vũ Duy Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6922	24021947	Phạm Văn Quyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6923	24021948	Hà Mạnh Quyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6924	24021949	Đặng Trần Quyết	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6925	24021950	Tạ Thị Như Quỳnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6926	24021951	Lê Minh Sáng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6927	24021952	Hà Thiên Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6928	24021953	Lê Minh Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6929	24021954	Nguyễn Công Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6930	24021955	Nguyễn Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6931	24021956	Nguyễn Trọng Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6932	24021957	Phạm Hồng Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6933	24021958	Phạm Văn Sơn	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
6934	24021959	Trần Văn Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6935	24021960	Bùi Công Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6936	24021961	Tạ Minh Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6937	24021962	Trần Quang Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6938	24021963	Lưu Quốc Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6939	24021964	Ngọ Quang Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6940	24021965	Nguyễn Ngọc Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6941	24021966	Nguyễn Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6942	24021967	Tổng Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6943	24021968	Võ Thế Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6944	24021969	Vũ Ngọc Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6945	24021970	Nguyễn Tuấn Thanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6946	24021971	Nguyễn Tuấn Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6947	24021972	Phạm Hữu Nhật Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6948	24021973	Trần Tuấn Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6949	24021974	Đài Thu Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6950	24021975	Trần Văn Thể	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6951	24021976	Nguyễn Đức Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6952	24021977	Vương Thị Anh Thơ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6953	24021978	Hứa Duy Thư	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6954	24021979	Phạm Công Thứ	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
6955	24021980	Lê Đức Thuận	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6956	24021981	Phan Văn Thường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6957	24021982	Trịnh Hoàng Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6958	24021983	Trương Minh Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6959	24021984	Vũ Văn Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6960	24021985	Phạm Như Tiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6961	24021986	Lê Văn Tới	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6962	24021987	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6963	24021988	Bùi Văn Trọng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6964	24021989	Lê Phú Trọng	-1.107.000		20.000.000		20.000.000	0	18.893.000	
6965	24021990	Hoàng Đức Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6966	24021991	Nguyễn Đức Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6967	24021992	Nguyễn Thành Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6968	24021993	Phạm Thành Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6969	24021994	Trần Khánh Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6970	24021995	Nguyễn Anh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6971	24021996	Hoàng Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6972	24021997	Hoàng Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6973	24021998	Phạm Minh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6974	24021999	Nguyễn Đoàn Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
6975	24022000	Ngô Đức Văn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6976	24022001	Trần Anh Văn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6977	24022003	Nguyễn Đức Minh Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6978	24022004	Ngô Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6979	24022005	Trương Đức Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6980	24022006	Ngô Duy Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6981	24022007	Nguyễn Hoàng Minh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6982	24022008	Nguyễn Trường Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6983	24022009	Trần Quang Anh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6984	24022010	Lê Quốc Vương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
6985	24022011	Nguyễn Đức Bình An	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6986	24022012	Ngô Ngọc Anh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6987	24022013	Nguyễn Hà Tú Anh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6988	24022014	Nguyễn Thị Ngọc ánh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6989	24022016	Mẫn Thị Hải Băng	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6990	24022017	Trần Nguyễn Kiều Chinh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6991	24022018	Nguyễn Xuân Công	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6992	24022019	Đào Thành Đạt	-4.404.350		16.000.000		16.000.000	0	11.595.650	
6993	24022021	Đỗ Hoàng Khắc Đoàn	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6994	24022022	Dương Văn Duẩn	-6.820.000		16.000.000		16.000.000	0	9.180.000	
6995	24022024	Nguyễn Xuân Đức	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6996	24022025	Phạm Minh Đức	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6997	24022026	Nguyễn Việt Dũng	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
6998	24022027	Bùi Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
6999	24022028	Nguyễn Thùy Dương	-1.004.350		16.000.000		16.000.000	0	14.995.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7000	24022029	Nguyễn Thành Giang	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7001	24022030	Nguyễn Thị Phương Hậu	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7002	24022032	Vũ Minh Hiếu	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7003	24022036	Trần Tân Hùng	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7004	24022037	Trần Mạnh Hưng	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7005	24022038	Hà Đức Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7006	24022039	Vũ Đăng Huy	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7007	24022040	Nguyễn Thị Thanh Huyền	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7008	24022041	Trần Thu Huyền	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7009	24022043	Nguyễn Sỹ Lộc	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7010	24022044	Trịnh Duy Lộc	-5.404.350		16.000.000		16.000.000	0	10.595.650	
7011	24022045	Phạm Minh Lý	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7012	24022046	Bùi Quang Minh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7013	24022047	Vũ Quang Minh	-5.714.350		16.000.000		16.000.000	0	10.285.650	
7014	24022049	Trịnh Hoàng Phát	-4.504.350		16.000.000		16.000.000	0	11.495.650	
7015	24022052	Đinh Thị Diễm Quỳnh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7016	24022054	Trịnh Bá Sơn	-5.184.349		16.000.000		16.000.000	0	10.815.651	
7017	24022055	Lê Xuân Tâm	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7018	24022056	Nguyễn Văn Thạch	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7019	24022058	Hoàng Ngọc Thành	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7020	24022059	Mai Văn Thành	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7021	24022060	Nguyễn Thị Thảo	-4.702.850		16.000.000		16.000.000	0	11.297.150	
7022	24022063	Nguyễn Minh Tiến	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7023	24022064	Bùi Ngọc Toàn	-5.229.850		16.000.000		16.000.000	0	10.770.150	
7024	24022066	Nguyễn Thị Huyền Trang	-5.220.350		16.000.000		16.000.000	0	10.779.650	
7025	24022067	Nguyễn Thành Trung	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7026	24022069	Nguyễn Anh Tuấn	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7027	24022070	Nguyễn Thế Tuyên	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7028	24022072	Nguyễn Trung Việt	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7029	24022073	Nguyễn Quang Vinh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7030	24022074	Nguyễn Thế Vinh	-5.414.350		16.000.000		16.000.000	0	10.585.650	
7031	24022075	Bùi Lộc Thái Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7032	24022076	Lê Gia Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7033	24022077	Nguyễn Đức Hoàng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7034	24022078	Nguyễn Quốc Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7035	24022079	Nguyễn Trọng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7036	24022080	Nguyễn Xuân Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7037	24022081	Phạm Nguyễn Quang Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7038	24022082	Phùng Thế Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7039	24022083	Vũ Việt Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7040	24022084	Vũ Duy Bắc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7041	24022085	Ngô Xuân Bách	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7042	24022086	Nguyễn Lương Bằng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7043	24022088	Trần Quốc Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7044	24022089	Nguyễn Văn Bình	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
7045	24022090	Vũ Văn Chinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7046	24022091	Dương Văn Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7047	24022092	Lê Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7048	24022093	Hoàng Quốc Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7049	24022094	Nguyễn Đình Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7050	24022095	Trần Đình Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7051	24022096	Nguyễn Văn Đồi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7052	24022097	Đỗ Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7053	24022098	Dương Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7054	24022099	Lê Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7055	24022100	Nguyễn Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7056	24022101	Trần Lê An Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7057	24022102	Trần Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7058	24022103	Lê Trọng Tuấn Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7059	24022104	Ngô Kim Nhật Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7060	24022105	Nguyễn Quang Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7061	24022106	Thái Quốc Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7062	24022107	Trần Việt Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7063	24022108	Lê Minh Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7064	24022109	Mai Thế Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7065	24022110	Đỗ Đình Khánh Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7066	24022111	Lê Vũ Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7067	24022112	Lê Văn Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7068	24022113	Nguyễn Văn Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7069	24022114	Hà Huy Giáp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7070	24022115	Bùi Minh Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7071	24022116	Nguyễn Minh Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7072	24022117	Đỗ Mạnh Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7073	24022118	Nguyễn Đức Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7074	24022119	Nguyễn Hoàng Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7075	24022120	Phan Bá Duy Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7076	24022121	Đặng Đình Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7077	24022122	Nguyễn Đình Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7078	24022123	Nguyễn Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7079	24022124	Nguyễn Văn Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7080	24022125	Vũ Mạnh Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7081	24022126	Nguyễn Đức Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7082	24022127	Nguyễn Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7083	24022128	Nguyễn Lưu Phong Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7084	24022129	Nguyễn Mậu Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7085	24022130	Nguyễn Minh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7086	24022131	Nguyễn Nhật Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7087	24022132	Nguyễn Trắc Minh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7088	24022133	Võ Lê Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7089	24022134	Đào Mạnh Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7090	24022136	Hoàng Phi Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7091	24022137	Nguyễn Tuấn Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7092	24022138	Nguyễn Đức Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7093	24022140	Vũ Lưu Hương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7094	24022141	Đỗ Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7095	24022142	Đoàn Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7096	24022143	Lê Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7097	24022144	Lê Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7098	24022145	Phí Trung Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7099	24022146	Vũ Đức Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7100	24022147	Vũ Duy Huỳnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7101	24022148	Lê Đăng Khải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7102	24022149	Doãn Nam Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7103	24022150	Nguyễn Hữu Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7104	24022151	Trần Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7105	24022152	Vũ Lưu Gia Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7106	24022153	Nguyễn Danh Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7107	24022154	Vũ Bảo Khuê	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7108	24022155	Nguyễn Hữu Kiên	0		17.738.000		17.738.000	0	17.738.000	
7109	24022156	Vũ Ngọc Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7110	24022157	Nguyễn Thế Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7111	24022158	Phạm Tiến Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7112	24022159	Nguyễn Hoàng Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7113	24022160	Phạm Tiến Lộc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7114	24022161	Trần Việt Lộc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7115	24022162	Vũ Đình Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7116	24022163	Nguyễn Thị Ngọc Mai	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7117	24022164	Phạm Thế Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7118	24022165	Bùi Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7119	24022166	Lê Vương Bình Minh	-2.494.350		4.100.000		4.100.000	0	1.605.650	
7120	24022167	Nguyễn Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7121	24022168	Nguyễn Gia Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7122	24022169	Trần Thái Anh Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7123	24022170	Vũ Hải Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7124	24022171	Bùi Văn Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7125	24022172	Đặng Tuấn Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7126	24022173	Lê Hải Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7127	24022174	Lê Xuân Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7128	24022175	Nguyễn Hữu Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7129	24022176	Nguyễn Trần Thành Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7130	24022177	Nguyễn Văn Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7131	24022178	Phạm Nguyễn Hải Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7132	24022179	Phan Trường Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7133	24022180	Vũ Thái Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7134	24022181	Phạm Thị Quỳnh Nga	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7135	24022182	Vũ Tá Duy Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7136	24022183	Vũ Việt Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7137	24022184	Hoàng Khôi Ngôi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7138	24022185	Đặng Đình Tiến Nguyễn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7139	24022186	Phạm Hoàng Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7140	24022187	Trần Kim Trung Nguyễn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7141	24022188	Đinh Hữu Ninh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7142	24022189	Trần Đức Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7143	24022190	Nguyễn Bá Phú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7144	24022191	Lê Duy Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7145	24022192	Vũ Hồng Phúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7146	24022193	Lãnh Hữu Phước	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7147	24022194	Hoàng Anh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7148	24022196	Phí Anh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7149	24022197	Lê Đăng Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7150	24022198	Phan Văn Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7151	24022199	Vũ Ngọc Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7152	24022200	Nguyễn Tự Quyết	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7153	24022202	Nguyễn Thế Duy Tân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7154	24022203	Nguyễn Phạm Ngọc Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7155	24022204	Lưu Quang Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7156	24022205	Nguyễn Đức Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7157	24022206	Vũ Xuân Thắng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7158	24022207	Nguyễn Viết Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7159	24022208	Kim Hà Thu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7160	24022209	Hoàng Đình Thuận	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7161	24022210	Nguyễn Đức Thuận	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7162	24022211	Phạm Thị Minh Thuận	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7163	24022212	Nguyễn Trọng Thúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7164	24022213	Mai Xuân Thủy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7165	24022214	Trần Trọng Thủy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7166	24022215	Bùi Công Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7167	24022216	Đặng Mạnh Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7168	24022217	Nguyễn Đức Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7169	24022218	Nguyễn Kiều Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7170	24022220	Trương Hải Triều	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7171	24022221	Lê Khánh Trinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7172	24022222	Ngô Thế Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7173	24022223	Nguyễn Ngọc Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7174	24022224	Nguyễn Công Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7175	24022225	Nguyễn Văn Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7176	24022226	Phạm Đức Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7177	24022227	Trần Quốc Anh Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7178	24022228	Phạm Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7179	24022229	Võ Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7180	24022230	Đỗ Duy Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7181	24022231	Nguyễn Khắc Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7182	24022232	Nguyễn Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7183	24022233	Phùng Sơn Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7184	24022234	Trần Thanh Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7185	24022235	Bùi Quốc Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7186	24022236	Chu Thiên Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7187	24022237	Hoàng Quốc Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7188	24022238	Nghiêm Quốc Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7189	24022239	Nguyễn Hoàng Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7190	24022240	Vũ Công Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7191	24022241	Nguyễn Hồng Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7192	24022242	Phạm Quang Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7193	24022243	Trần Quang Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7194	24022244	Trần Như Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7195	24022245	Bùi Tuấn An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7196	24022246	Nguyễn Bá An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7197	24022247	Nguyễn Ngọc Bình An	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7198	24022248	Hoàng Hải Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7199	24022249	Hoàng Tuấn Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7200	24022250	Lê Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7201	24022251	Lê Đức Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7202	24022252	Lê Hoàng Thảo Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7203	24022253	Lê Vân Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7204	24022254	Nguyễn Công Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7205	24022255	Nguyễn Hồng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7206	24022256	Nguyễn Thị Lan Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7207	24022257	Nguyễn Xuân Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7208	24022258	Tổng Đức Hồng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7209	24022259	Trần Quốc Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7210	24022260	Vũ Hải Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7211	24022261	Vũ Thế Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7212	24022262	Nguyễn Xuân Bách	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7213	24022263	Đào Duy Thái Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7214	24022264	Nguyễn Đức Vũ Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7215	24022265	Nguyễn Phúc Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7216	24022266	Nguyễn Xuân Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7217	24022267	Phạm Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7218	24022269	Nguyễn Đức Bình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7219	24022270	Lê Hồng Phương Chi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7220	24022271	Lê Minh Chiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7221	24022272	Nguyễn Hoàng Công	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7222	24022273	Nguyễn Thị Thu Cúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7223	24022274	Đinh Mạnh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7224	24022275	Đỗ Kiên Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7225	24022276	Lê Mạnh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7226	24022277	Lê Ngọc Minh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7227	24022278	Tạ Mạnh Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7228	24022279	Vũ Việt Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7229	24022280	Hoàng Ngọc Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7230	24022281	Nguyễn Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7231	24022282	Nguyễn Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7232	24022283	Nguyễn Quý Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7233	24022285	Nguyễn Danh Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7234	24022286	Nguyễn Trọng Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7235	24022287	Trần Khánh Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7236	24022288	Trần Tiến Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7237	24022289	Đông Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7238	24022290	Dương Hoàng Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7239	24022291	Lê Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7240	24022293	Lê Trung Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7241	24022294	Nguyễn Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7242	24022295	Nguyễn Việt Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7243	24022296	Phạm Lê Việt Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7244	24022297	Phan Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7245	24022298	Trịnh Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7246	24022299	Bùi Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7247	24022300	Hà Đức Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7248	24022301	Nguyễn Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7249	24022302	Nguyễn Trung Đức Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7250	24022303	Vũ Hoàng Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7251	24022304	Lê Đỗ Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7252	24022306	Nguyễn Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7253	24022307	Phạm Thái Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7254	24022308	Trần Hữu Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7255	24022309	Trần Tùng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7256	24022310	Lê Tuấn Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7257	24022311	Ngô Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7258	24022312	Nguyễn Bảo Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7259	24022313	Nguyễn Sơn Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7260	24022314	Trần Bùi Hà Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7261	24022315	Chu Việt Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7262	24022316	Đỗ Thị Ngọc Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7263	24022317	Nguyễn Việt Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7264	24022318	Trịnh Tuấn Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7265	24022319	Nguyễn Cảnh Hào	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7266	24022320	Võ Văn Hậu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7267	24022321	Nguyễn Thị Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7268	24022322	Nguyễn Bá Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7269	24022323	Nguyễn Thế Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7270	24022325	Ngô Trọng Hiệp	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7271	24022326	Hoàng Mạnh Hiếu	-2.494.350		4.100.000		4.100.000	0	1.605.650	
7272	24022327	Lê Huy Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7273	24022328	Lê Nho Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7274	24022329	Nguyễn Đắc Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7275	24022330	Trần Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7276	24022331	Văn Đức Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7277	24022332	Cao Huy Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7278	24022333	Nguyễn Hữu Hòa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7279	24022334	Nguyễn Tiến Hoan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7280	24022335	Đình ích Minh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7281	24022336	Hoàng Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7282	24022337	Lương Quang Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7283	24022338	Nguyễn Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7284	24022339	Nguyễn Minh Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7285	24022341	Trương Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7286	24022342	Đỗ Đức Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7287	24022343	Hoàng Quốc Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7288	24022344	Nguyễn Việt Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7289	24022345	Bùi Quang Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7290	24022346	Đỗ Duy Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7291	24022347	Dương Việt Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7292	24022348	Hà Huy Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7293	24022349	Nguyễn Duy Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7294	24022350	Phạm Thế Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7295	24022352	Nguyễn Tiến Hưởng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7296	24022353	Đào Việt Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7297	24022354	Doanh Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7298	24022355	Khổng Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7299	24022356	Nguyễn Minh Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7300	24022357	Phạm Gia Hồ Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7301	24022358	Trần Đỗ Khải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7302	24022359	Hoàng Tuấn Khanh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7303	24022360	Doãn Nam Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7304	24022361	Nguyễn Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7305	24022362	Nguyễn Quốc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7306	24022363	Nguyễn Tiến Ngọc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7307	24022364	Tạ Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7308	24022365	Đào Minh Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7309	24022366	Hà Anh Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7310	24022367	Lê Anh Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7311	24022368	Nguyễn Minh Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7312	24022369	Phạm Đăng Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7313	24022370	Phùng Hữu Khoa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7314	24022371	Hoàng Công Khôi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7315	24022372	Nguyễn Đăng Khôi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7316	24022373	Nguyễn Công Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7317	24022374	Nguyễn Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7318	24022375	Trần Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7319	24022376	Trần Tuấn Kiệt	-14.350		16.000.000		16.000.000	0	15.985.650	
7320	24022377	Lê Thanh Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7321	24022378	Nguyễn Thành Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7322	24022379	Phạm Thanh Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7323	24022380	Phạm Tùng Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7324	24022381	Bùi Quang Lê	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7325	24022383	Lê Quyền Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7326	24022384	Lê Thị Khánh Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7327	24022385	Phạm Thị Khánh Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7328	24022386	Trương ái Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7329	24022387	Vũ Hoàng Diệu Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7330	24022388	Nguyễn Xuân Lộc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7331	24022389	Đỗ Hoàng Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7332	24022390	Hoa Văn Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7333	24022391	Nguyễn Đức Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7334	24022392	Đặng Duy Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7335	24022393	Đoàn Quang Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7336	24022394	Nguyễn Đức Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7337	24022395	Nguyễn Tiến Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7338	24022396	Bùi Công Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7339	24022397	Đặng Quang Minh	0		2.460.000		2.460.000	0	2.460.000	
7340	24022398	Đình Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7341	24022399	Đỗ Hoàng Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7342	24022400	Dương Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7343	24022401	Dương Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7344	24022402	Lê Công Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7345	24022403	Nguyễn Đoàn Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7346	24022404	Nguyễn Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7347	24022405	Nguyễn Đức Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7348	24022406	Nguyễn Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7349	24022407	Nguyễn Tân Hoàng Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7350	24022408	Nguyễn Thị Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7351	24022409	Phạm Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7352	24022410	Phạm Quang Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7353	24022411	Phạm Văn Minh	-64.350		16.000.000		16.000.000	0	15.935.650	
7354	24022413	Trịnh Bình Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7355	24022414	Nguyễn Hải Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7356	24022415	Phạm Bá Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7357	24022416	Phạm Vũ Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7358	24022417	Lê Tiến Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7359	24022418	Vũ Tuấn Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7360	24022419	Quách Lê Hồng Ngọc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7361	24022420	Dương Trọng Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7362	24022421	Trần Hoàng Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7363	24022422	Nguyễn Thiện Nhân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7364	24022423	Đặng Minh Nhật	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7365	24022424	Nguyễn Gia Phát	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7366	24022425	Vũ Đức Phong	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7367	24022426	Lê Việt Phú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7368	24022427	Nguyễn Đình Phú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7369	24022430	Nguyễn Tiên Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7370	24022431	Nguyễn Việt Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7371	24022432	Đỗ Mạnh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7372	24022433	Lê Hoàng Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7373	24022434	Nguyễn Minh Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7374	24022435	Trần Đức Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7375	24022436	Vũ Đình Quý	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7376	24022437	Nguyễn Sỹ Quyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7377	24022438	Vũ Ngọc Quyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7378	24022439	Lê Văn Sang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7379	24022440	Nguyễn Quang Sang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7380	24022441	Lưu Uyên Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7381	24022442	Nguyễn Hà Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7382	24022443	Nguyễn Lê Nam Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7383	24022444	Nguyễn Phúc Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7384	24022445	Nguyễn Sỹ Trường Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7385	24022446	Vũ Ngọc Sơn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7386	24022447	Lưu Xuân Tân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7387	24022449	Phạm Danh Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7388	24022450	Tổng Quang Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7389	24022451	Trần Quang Thái	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7390	24022452	Đỗ Duy Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7391	24022453	Lê Tiến Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7392	24022454	Lê Việt Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7393	24022455	Phạm Công Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7394	24022456	Trương Văn Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7395	24022457	Hà Ngọc Thiện	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7396	24022458	Đỗ Khắc Phúc Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7397	24022460	Trần Đức Thịnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7398	24022461	Phạm Văn Vương Thuận	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7399	24022462	Nguyễn Huyền Thương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7400	24022463	Đàm Quang Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7401	24022464	Phạm Quang Tiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7402	24022465	Trần Trung Tín	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7403	24022466	Lê Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7404	24022467	Phạm Sỹ Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7405	24022468	Tạ Văn Toàn	0		20.345.000		20.345.000	0	20.345.000	
7406	24022469	Trịnh Kế Toàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7407	24022470	Nguyễn Thị Hiền Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7408	24022471	Trần Bình Trọng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7409	24022472	Đỗ Thành Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7410	24022473	Nguyễn Đức Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7411	24022474	Nguyễn Quốc Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7412	24022475	Nguyễn Văn Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7413	24022476	Phạm Thành Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7414	24022477	Trần Đức Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7415	24022478	Đinh Văn Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7416	24022479	Nguyễn Quang Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7417	24022480	Nguyễn Thiên Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7418	24022481	Nguyễn Tất Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7419	24022482	Nguyễn Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7420	24022483	Trần Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7421	24022484	Trần Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7422	24022485	Trần Công Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7423	24022486	Trần Đoàn Minh Tuệ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7424	24022487	Nguyễn Văn Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7425	24022488	Phạm Nguyễn Xuân Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7426	24022489	Đào Văn Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7427	24022490	Nguyễn Quang Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7428	24022491	Đào Gia Thế Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7429	24022492	Nguyễn Anh Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7430	24022493	Nguyễn Văn Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7431	24022494	Trần Hoàng Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7432	24022495	Hà Nguyên An	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7433	24022496	Lê Tuấn Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7434	24022497	Nguyễn Tuấn Anh	-4.350		15.900.000		15.900.000	0	15.895.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7435	24022498	Nguyễn Việt Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7436	24022499	Trần Tuấn Anh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7437	24022500	Nguyễn Thị Ngọc ánh	-1.294.350		20.000.000		20.000.000	0	18.705.650	
7438	24022502	Đỗ Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7439	24022503	Nguyễn Minh Chiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7440	24022504	Lê Cao Chính	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7441	24022505	Nguyễn Văn Cường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7442	24022506	Nguyễn Hải Đăng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7443	24022507	Phan Tiến Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7444	24022508	Tạ Văn Đạt	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7445	24022509	Lê Doãn Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7446	24022510	Phạm Anh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7447	24022511	Phan Huy Đức	-2.828.700		20.000.000		20.000.000	0	17.171.300	
7448	24022512	Vũ Lê Anh Đức	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7449	24022513	Nguyễn Tiến Dũng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7450	24022514	Đỗ Minh Dương	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7451	24022515	Lê Quốc Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7452	24022516	Vũ Tiến Duy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7453	24022517	Lê Phạm Trường Giang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7454	24022518	Vũ Trường Giang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7455	24022519	Trần Đức Hà	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7456	24022521	Trần Đức Hân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7457	24022522	Nguyễn Khắc Hạnh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7458	24022523	Bùi Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7459	24022524	Nguyễn Đức Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7460	24022525	Nguyễn Duy Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7461	24022526	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7462	24022527	Nguyễn Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7463	24022528	Nguyễn Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7464	24022529	Nguyễn Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7465	24022530	Trần Minh Hiếu	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7466	24022531	Lê Hữu Hòa	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7467	24022532	Đặng Trần Minh Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7468	24022533	Nguyễn Hữu Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7469	24022534	Trương Minh Hoàng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7470	24022535	Nguyễn Nam Hùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7471	24022536	Nguyễn Phi Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7472	24022537	Phạm Mạnh Hùng	-10.094.350		11.800.000		11.800.000	0	1.705.650	
7473	24022538	Hoàng Phúc Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7474	24022539	Nguyễn Thế Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7475	24022540	Trương Quang Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7476	24022541	Vũ Ngọc Hưng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7477	24022543	Hồ Gia Huy	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7478	24022544	Trần Minh Huy	-1.004.350		20.000.000		20.000.000	0	18.995.650	
7479	24022545	Nguyễn Hoàng Khải	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7480	24022546	Lưu Văn Khang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7481	24022547	Lê Nam Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7482	24022548	Nguyễn Khắc Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7483	24022549	Trần Gia Khánh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7484	24022550	Trần Đăng Khoa	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7485	24022551	Nguyễn Trung Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7486	24022552	Vũ Trung Kiên	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7487	24022553	Phạm Thanh Lịch	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7488	24022555	Phan Thế Linh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7489	24022556	Trương Tú Linh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7490	24022557	Dương Quang Lộc	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
7491	24022558	Lê Thành Long	-1.084.350		20.000.000		20.000.000	0	18.915.650	
7492	24022559	Nguyễn Thanh Long	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7493	24022560	Vũ Trần Vân Ly	-1.714.350		20.000.000		20.000.000	0	18.285.650	
7494	24022561	Nguyễn Đức Mạnh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7495	24022562	Nguyễn Thông Minh	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7496	24022563	Đỗ Hà My	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7497	24022564	Lê Trung Nam	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0	18.595.650	
7498	24022565	Nguyễn Trọng Nghĩa	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7499	24022566	Trần Trọng Nghĩa	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7500	24022567	Lý Thị Bích Ngọc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7501	24022568	Nguyễn Thị Ngọc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7502	24022569	Nguyễn Phúc Nguyên	-2.010.000		20.000.000		20.000.000	0	17.990.000	
7503	24022570	Quan Minh Nhật	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7504	24022571	Nguyễn Minh Phi	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7505	24022572	Lê Hồng Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7506	24022573	Nguyễn Hoàng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7507	24022574	Nguyễn Thế Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7508	24022575	Trần Minh Quân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7509	24022576	Cao Văn Quang	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7510	24022577	Ngô Nam Quốc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7511	24022578	Phạm Tôm Sơn	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7512	24022579	Phùng Thế Tài	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7513	24022580	Thái Văn Tài	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7514	24022581	Phạm Minh Tân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7515	24022583	Vũ Minh Tiến	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7516	24022584	Nguyễn Thị Trúc	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7517	24022585	Vũ Việt Trung	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7518	24022586	Nguyễn Ngọc Trường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7519	24022587	Trịnh Tiến Trường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7520	24022588	Đoàn Quốc Trường	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7521	24022589	Phùng Nghĩa Xuân Tú	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7522	24022590	Lê Đình Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7523	24022592	Trần Thanh Tùng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7524	24022593	Nguyễn Quốc Việt	-1.404.350		20.000.000		20.000.000	0	18.595.650	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7525	24022594	Vũ Tiến Vọng	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7526	24022595	Mai Lưu Nguyên Vũ	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7527	24022596	Phạm Minh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7528	24022597	Đoàn Văn Xuân	-1.414.350		20.000.000		20.000.000	0	18.585.650	
7529	24022598	Đỗ Trọng An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7530	24022599	Lưu Thế An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7531	24022600	Nguyễn Khánh An	-8.000.000		20.000.000		20.000.000	0	12.000.000	
7532	24022601	Quách Thành An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7533	24022602	Bùi Quang Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7534	24022603	Đặng Phan Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7535	24022604	Dương Thị Hồng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7536	24022605	Dương Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7537	24022606	Khương Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7538	24022607	Lê Hải Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7539	24022608	Nguyễn Quốc Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7540	24022610	Nguyễn Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7541	24022611	Trần Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7542	24022612	Vũ Thị Lâm Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7543	24022613	Chu Đức ánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7544	24022614	Trương Thị Kim ánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7545	24022615	Vũ Đình Bách	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7546	24022616	Nguyễn Hai Bảy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7547	24022617	Nguyễn Đình Thanh Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7548	24022618	Vũ Ngọc Thiên Bình	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7549	24022619	Lê Khánh Chi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7550	24022620	Nguyễn Thị Chung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7551	24022621	Nguyễn Thế Công	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7552	24022622	Phạm Đức Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7553	24022623	Trần Viết Cường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7554	24022624	Đặng Trần Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7555	24022625	Nguyễn Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7556	24022626	Nguyễn Tuấn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7557	24022627	Tạ Quang Đông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7558	24022628	Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7559	24022629	Phạm Trung Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7560	24022630	Lê Tuấn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7561	24022631	Lê Việt Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7562	24022632	Lò Trí Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7563	24022633	Nguyễn Lê Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7564	24022634	Nguyễn Mạnh Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7565	24022635	Nguyễn Tuấn Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7566	24022636	Nguyễn Bình Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7567	24022637	Đào Ngọc Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7568	24022638	Đinh Quang Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7569	24022639	Đỗ Đức Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7570	24022640	Trần Quang Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7571	24022641	Hoàng Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7572	24022643	Nguyễn Trường Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7573	24022644	Phan Thị Hương Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7574	24022645	Nguyễn Bảo Hà	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7575	24022646	Nguyễn Hoàng Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7576	24022647	Đỗ Mai Hằng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7577	24022648	Lê Bùi Đức Hạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7578	24022649	Nguyễn Thế Hệ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7579	24022650	Đào Thúy Hiền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7580	24022651	Nguyễn Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7581	24022652	Trần Duy Hiếu	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
7582	24022653	Phạm Cao Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7583	24022654	Trịnh Xuân Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7584	24022655	Phùng Thị Kim Huệ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7585	24022656	Dương Việt Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7586	24022657	Hoàng Sỹ Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7587	24022658	Hoàng Việt Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7588	24022659	Nguyễn Việt Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7589	24022660	Bùi Phan Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7590	24022661	Nguyễn Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7591	24022662	Nguyễn Thạc Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7592	24022663	Nguyễn Tiến Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7593	24022664	Nguyễn Văn Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7594	24022665	Nguyễn Vũ Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7595	24022666	Vũ Lê Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7596	24022668	Ngô Nam Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7597	24022669	Nguyễn Ngọc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7598	24022670	Nguyễn Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7599	24022671	Nguyễn Quốc Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7600	24022672	Trần Gia Khánh	-1.500.000		20.000.000		20.000.000	0	18.500.000	
7601	24022673	Hoàng Nguyên Tuấn Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7602	24022674	Phạm Trung Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7603	24022675	Nguyễn Khánh Kỳ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7604	24022676	Nguyễn Phú Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7605	24022677	Đỗ Mai Liên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7606	24022678	Đào Trọng Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7607	24022679	Mai Thị Thùy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7608	24022680	Nguyễn Thùy Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7609	24022681	Nguyễn Trang Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7610	24022682	Nguyễn Việt Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7611	24022683	Phạm Việt Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7612	24022684	Nguyễn Đình Vinh Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7613	24022685	Lê Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7614	24022686	Chu Văn Mai	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7615	24022687	Đinh Thị Huyền Mai	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7616	24022688	Nguyễn Thị Mai	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7617	24022689	Đỗ Khoa Ngọc Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7618	24022690	Lê Nguyễn Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7619	24022691	Mai Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7620	24022692	Phạm Tuấn Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7621	24022694	Vũ Quang Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7622	24022695	Trần Hà My	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7623	24022696	Lê Hoài Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7624	24022697	Nguyễn Hải Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7625	24022698	Phạm Tuấn Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7626	24022699	Phan Thị Kim Ngân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7627	24022700	Nguyễn Đăng Tuấn Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7628	24022701	Đỗ Minh Ngọc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7629	24022702	Nguyễn Phương Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7630	24022703	Phan Nguyễn Khánh Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7631	24022704	Phạm Quang Nhật	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7632	24022705	Phan Yến Nhi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7633	24022706	Đào Anh Phong	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
7634	24022707	Nguyễn Đại Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7635	24022708	Nguyễn Nhật Phú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7636	24022709	Bùi Quý Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7637	24022710	Nguyễn Vũ Hồng Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7638	24022711	Bùi Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7639	24022712	Đàm Hồng Quân	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
7640	24022713	Đào Bá Anh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7641	24022714	Nguyễn Đăng Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7642	24022715	Nguyễn Thái Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7643	24022716	Trần Lê Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7644	24022717	Lê Ngọc Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7645	24022718	Nguyễn Minh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7646	24022719	Trần Ngọc Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7647	24022720	Vũ Thế Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7648	24022722	Bùi Công Quyền	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7649	24022723	Nguyễn Thị Nhật Quỳnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7650	24022724	Bùi Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7651	24022726	Lê Đức Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7652	24022727	Lê Hà Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7653	24022728	Nguyễn Thái Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7654	24022729	Nguyễn Phúc Tâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7655	24022730	Phạm Duy Tân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7656	24022731	Nguyễn Văn Thắng	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
7657	24022732	Lại Toàn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7658	24022734	Đỗ Quang Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7659	24022735	Nguyễn Thị Phương Thảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7660	24022737	Bùi Thị Hà Thu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7661	24022738	Đặng Anh Thư	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7662	24022739	Nguyễn Anh Thư	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
7663	24022740	Nguyễn Minh Thư	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7664	24022741	Phạm Hoài Thương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7665	24022742	Nguyễn Thị Bích Thủy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7666	24022743	Lê Phương Thúy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7667	24022744	Lê Thị Thùy Tiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7668	24022745	Đặng Trần Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7669	24022746	Hoàng Đức Toàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7670	24022748	Trần Hữu Minh Trí	0		24.304.000		24.304.000	0	24.304.000	
7671	24022749	Hoàng Minh Triết	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7672	24022750	Lê Quốc Triệu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7673	24022751	Nguyễn Thành Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7674	24022752	Lê Đình Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7675	24022753	Hoàng Mạnh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7676	24022754	Hoàng Tạ Minh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7677	24022755	Nguyễn Hoàng Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7678	24022756	Trần Quang Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7679	24022757	Vũ Đức Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7680	24022758	Nguyễn Sỹ Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7681	24022759	Đình Hồng Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7682	24022760	Nguyễn Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7683	24022761	Nguyễn Thái An	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7684	24022762	Dương Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7685	24022763	Nguyễn Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7686	24022764	Nguyễn Hoàng Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7687	24022765	Nguyễn Vũ Đức Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7688	24022766	Vũ Tuấn Anh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7689	24022767	Hoàng Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7690	24022768	Nguyễn Ngọc Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7691	24022769	Phạm Gia Bảo	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7692	24022770	Nguyễn Hữu Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7693	24022771	Phạm Ngọc Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7694	24022772	Đặng Thế Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7695	24022773	Hoàng Tuấn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7696	24022774	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7697	24022775	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7698	24022776	Trần Huy Doanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7699	24022777	Hoàng Thái Đôn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7700	24022778	Lê Thành Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7701	24022779	Nguyễn Minh Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7702	24022780	Hòa Tùng Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7703	24022781	Võ Hồng Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7704	24022782	Ngô Minh Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7705	24022784	Phạm Nguyễn Thu Giang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7706	24022785	Đặng Văn Giáp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7707	24022786	Lê Việt Hà	-14.350		20.000.000		20.000.000	0	19.985.650	
7708	24022787	Nguyễn Hoàng Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7709	24022788	Phạm Minh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7710	24022789	Hoàng Trung Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7711	24022790	Phạm Đức Hiệu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7712	24022791	Bùi Minh Hòa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7713	24022792	Đỗ Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7714	24022793	Phạm Huy Hoàng	0		11.800.000		11.800.000	0	11.800.000	
7715	24022794	Nguyễn Minh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7716	24022795	Phạm Thế Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7717	24022796	Vũ Mạnh Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7718	24022797	Phạm Gia Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7719	24022798	Phan Văn Thái Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7720	24022799	Dương Nguyễn Đức Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7721	24022801	Ngô Gia Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7722	24022802	Nguyễn Khắc Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7723	24022803	Nguyễn Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7724	24022804	Vũ Quang Huy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7725	24022805	Đỗ Anh Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7726	24022806	Trần Anh Khoa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7727	24022807	Nguyễn Hữu Kiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7728	24022808	Cao Nguyễn Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7729	24022809	Bùi Ngọc Phương Linh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7730	24022810	Lương Hiền Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7731	24022811	Nguyễn Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7732	24022812	Phạm Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7733	24022813	Trần Hoàng Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7734	24022814	Phạm Sao Mai	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7735	24022815	Nguyễn Đăng Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7736	24022816	Nguyễn Công Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7737	24022817	Nguyễn Lê Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7738	24022818	Nguyễn Nhật Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7739	24022819	Nguyễn Tiến Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7740	24022820	Đỗ Khôi Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7741	24022821	Nguyễn Thủy Nguyên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7742	24022822	Nguyễn Minh Nhất	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7743	24022823	Nguyễn Tiên Phong	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7744	24022824	Hoàng Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7745	24022825	Nguyễn Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7746	24022826	Bùi Thanh Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7747	24022827	Phan Huy Quang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7748	24022828	Bùi Thanh Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7749	24022829	Trịnh Văn Sơn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7750	24022830	Nguyễn Đình Tú Tài	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7751	24022832	Hoàng Công Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7752	24022833	Nguyễn Đức Thành	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7753	24022834	Phạm Đức Thịnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7754	24022835	Lê Minh Thông	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7755	24022836	Trịnh Tài Thu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7756	24022837	Bùi Chí Tiến	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7757	24022838	Đỗ Hoàng Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7758	24022839	Bùi Anh Tuấn	0		14.260.000		14.260.000	0	14.260.000	
7759	24022840	Nguyễn Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7760	24022841	Đào Tiến Tường	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7761	24022842	Trịnh Thị Vân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7762	24022843	Nguyễn Hoàng Việt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7763	24022844	Dương Minh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7764	24022845	Hà Minh Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7765	24022846	Hoàng Nguyên Vũ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7766	24022848	Hoàng Văn Anh	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	
7767	24022850	Dương Đức Chí	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7768	24022851	Trần Quốc Đại	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7769	24022852	Hoàng Hải Đăng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7770	24022853	Hoàng Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7771	24022854	Nguyễn Tiến Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7772	24022855	Phạm Thành Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7773	24022856	Vũ Tuấn Đạt	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7774	24022857	Lê Trung Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7775	24022858	Trần Văn Đức	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7776	24022860	Nguyễn Lương Dũng	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	
7777	24022861	Trần Việt Dũng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7778	24022862	Vũ Thanh Dương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7779	24022863	Nguyễn Đình Khánh Duy	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7780	24022865	Đặng Thanh Hải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7781	24022866	Phùng Trọng Hào	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	
7782	24022868	Đoàn Đức Hiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7783	24022869	Đỗ Minh Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7784	24022871	Tào Hiếu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7785	24022872	Vũ Xuân Hoàn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7786	24022873	Hoàng Minh Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7787	24022874	Nguyễn Huy Hoàng	-663.390		20.000.000		20.000.000	0	19.336.610	
7788	24022875	Trần Huy Hoàng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7789	24022876	Nguyễn Tuấn Hùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7790	24022877	Phạm Quốc Hưng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7791	24022878	Lê Quang Khải	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7792	24022879	Phạm Duy Khánh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7793	24022880	Hà Đức Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7794	24022881	Lưu Đình Khôi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7795	24022882	Trần Thanh Lâm	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7796	24022883	Trần Đình Lộc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7797	24022884	Lại Văn Lợi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7798	24022885	Nguyễn Thành Long	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7799	24022886	Bùi Sỹ Lực	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7800	24022887	Dương Bảo Lưu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7801	24022888	Bùi Duy Mạnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7802	24022889	Đỗ Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7803	24022891	Trần Anh Minh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7804	24022892	Nguyễn Duy Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7805	24022894	Nguyễn Văn Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7806	24022895	Phạm Phương Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7807	24022896	Lưu Trọng Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7808	24022897	Phạm Minh Nghĩa	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7809	24022898	Trần Hồng Như	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7810	24022899	Trịnh Thị Kim Oanh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7811	24022900	Hoàng Đình Anh Phi	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7812	24022901	Nguyễn Văn Phúc	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7813	24022902	Đỗ Tuấn Phương	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7814	24022903	Lang Văn Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7815	24022904	Ngô Minh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7816	24022905	Nguyễn Bá Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7817	24022906	Trịnh Anh Quân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7818	24022908	Nguyễn Xuân Sỹ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7819	24022909	Nguyễn Văn Thắng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7820	24022910	Lê Xuân Thành	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
7821	24022911	Nguyễn Thanh Thế	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7822	24022912	Hoàng Hữu Thiên	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7823	24022913	Trần Danh Thiện	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7824	24022914	Bùi Đình Thọ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7825	24022915	Bùi Hà Thu	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7826	24022916	Đặng Minh Tiệp	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7827	24022917	Nguyễn Thùy Trang	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7828	24022918	Phùng Huyền Trang	-10.000		20.000.000		20.000.000	0	19.990.000	
7829	24022919	Phạm Thành Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7830	24022920	Trần Văn Trung	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7831	24022921	Tường Thanh Tú	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7832	24022922	Nguyễn Anh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7833	24022923	Nguyễn Hoàng Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7834	24022924	Nguyễn Tiến Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7835	24022925	Nguyễn Trung Minh Tuấn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7836	24022926	Nguyễn Hữu Tùng	0		15.900.000		15.900.000	0	15.900.000	
7837	24022927	Trần Thanh Tùng	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7838	24022928	Nguyễn Hữu Văn	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7839	24022929	Đào Hải Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7840	24022930	Nguyễn Đức Quang Vinh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7841	24022931	Nguyễn Tiến Vĩnh	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7842	24022932	Nguyễn Văn Xuân	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
7843	24022934	Bùi Quỳnh Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7844	24022935	Cao Thị Phương Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7845	24022936	Đỗ Văn Tùng Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7846	24022937	Giang Thị Thuỳ Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7847	24022938	Hoàng Lan Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7848	24022939	Nguyễn Hải Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7849	24022940	Nguyễn Phương Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7850	24022941	Nguyễn Thị Lan Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7851	24022942	Nguyễn Vi Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7852	24022943	Phạm Thị Ngọc Anh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7853	24022944	Trương Ngọc Anh	-2.494.350		4.100.000		4.100.000	0	1.605.650	
7854	24022947	Đặng Đức Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7855	24022948	Nguyễn Thái Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7856	24022949	Trần Gia Bảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7857	24022950	Nguyễn Thị Thanh Bình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7858	24022951	Trịnh Thị Thanh Bình	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7859	24022952	Vũ Nhật Công	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7860	24022953	Nguyễn Thị Cúc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7861	24022954	Hoàng Quốc Cường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7862	24022955	Nguyễn Tăng Đàm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7863	24022956	Nguyễn Hồng Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7864	24022957	Trần Hải Đăng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7865	24022958	Nguyễn Văn Đạo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7866	24022959	Bùi Thành Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7867	24022960	Hoàng Kim Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7868	24022961	Nguyễn Quốc Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7869	24022962	Vũ Quốc Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7870	24022963	Vương Trí Đạt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7871	24022964	Phạm Văn Độ	-28.700		16.000.000		16.000.000	0	15.971.300	
7872	24022965	Đào Xuân Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7873	24022966	Nguyễn Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7874	24022967	Nguyễn Anh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7875	24022968	Nguyễn Minh Đức	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7876	24022969	Trần Thị Dung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7877	24022970	Đinh Tiến Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7878	24022971	Lại Việt Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7879	24022972	Nguyễn Ngọc Dũng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7880	24022973	Đỗ Đăng Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7881	24022974	Hoàng ánh Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7882	24022975	Nguyễn Thùy Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7883	24022976	Vũ Xuân Dương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7884	24022977	Hoàng Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7885	24022978	Nguyễn Văn Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7886	24022979	Trần Đức Duy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7887	24022980	Cao Thùy Giang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7888	24022981	Nguyễn Phạm Sơn Hà	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7889	24022982	Nguyễn Bùi Việt Hải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7890	24022983	Tạ Bảo Hân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7891	24022984	Trần Tiêu Hân Hân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7892	24022985	Trần Song Hào	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7893	24022986	Đinh Văn Hiến	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7894	24022987	Nguyễn Thị Thu Hiền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7895	24022988	Đào Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7896	24022989	Hồ Trung Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7897	24022990	Nguyễn Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7898	24022991	Phạm Minh Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7899	24022992	Trần Việt Hiếu	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7900	24022993	Đỗ Thị Hoài	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7901	24022994	Nguyễn Văn Hoan	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7902	24022995	Dương Ngọc Hoàn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7903	24022996	Lưu Việt Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7904	24022997	Nguyễn Huy Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7905	24022998	Nguyễn Quốc Lê Hoàng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7906	24022999	Bùi Việt Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7907	24023000	Hoàng Đặng Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7908	24023001	Nguyễn Đình Hùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7909	24023002	Nguyễn Duy Hưng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7910	24023003	Bùi Xuân Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7911	24023004	Đỗ Thanh Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7912	24023005	Nguyễn Đức Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7913	24023006	Trần Quang Huy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7914	24023007	Bùi Thanh Huyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7915	24023008	Giáp Vũ Diệu Huyền	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7916	24023009	Trần Quang Khải	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7917	24023010	Phan Vũ An Khang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7918	24023011	Lê Nam Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7919	24023012	Ngô Duy Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7920	24023013	Nguyễn Ngọc Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7921	24023014	Trần Gia Bảo Khánh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7922	24023015	Nguyễn Hữu Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7923	24023016	Phạm Sỹ Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7924	24023017	Quách Trung Kiên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7925	24023018	Nguyễn Tuấn Kiệt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7926	24023019	Trần Tùng Lâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7927	24023020	Nguyễn Nhật Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7928	24023021	Nguyễn Thị Khánh Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7929	24023022	Phạm Kiều Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7930	24023023	Vũ Đoàn Thảo Linh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7931	24023024	Nguyễn Minh Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7932	24023025	Trần Khánh Long	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7933	24023026	Trần Văn Lương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7934	24023027	Nguyễn Thị Phương Mai	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7935	24023028	Nguyễn Thị Xuân Mai	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7936	24023030	Nguyễn Đồng Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7937	24023031	Nguyễn Văn Mạnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7938	24023032	Lê Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7939	24023033	Nguyễn ánh Bình Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7940	24023034	Nguyễn Đình Nhật Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7941	24023035	Vũ Đình Minh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7942	24023036	Bùi Đăng Mỹ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7943	24023037	Đặng Thành Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7944	24023038	Lê Hoàng Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7945	24023039	Nguyễn Thành Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7946	24023040	Trịnh Đắc Nam	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7947	24023041	Nguyễn Thảo Ngân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7948	24023042	Nguyễn Hoàng Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7949	24023043	Nguyễn Hữu Nghĩa	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7950	24023044	Bùi Thị Hoài Ngọc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7951	24023046	Nguyễn Thế Ngọc	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7952	24023047	Hạ Lương Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7953	24023048	Khuất Bá Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7954	24023049	Phạm Minh Nguyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7955	24023050	Hàn Minh Phát	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7956	24023051	Nguyễn Đình Phước	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7957	24023052	Trần Tiên Phước	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7958	24023053	Cần Thị Mai Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7959	24023054	Lại Thị Minh Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7960	24023055	Nguyễn Phúc Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7961	24023056	Nguyễn Xuân Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7962	24023057	Trần Quốc Phương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7963	24023058	Phan Văn Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7964	24023059	Trịnh Hồng Quân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7965	24023060	Bùi Nhật Quang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7966	24023061	Hứa Đoàn Hương Quỳnh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7967	24023062	Phan Nho Sinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7968	24023063	Chu Thanh Tâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7969	24023064	Nguyễn Mạnh Tân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7970	24023066	Nguyễn Văn Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7971	24023067	Trần Quốc Thành	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7972	24023068	Nguyễn Phương Thảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7973	24023069	Phùng Thanh Thảo	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7974	24023071	Tôn Anh Thư	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7975	24023072	Nguyễn Mai Phương Thúy	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7976	24023074	Đặng Thị Minh Trâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7977	24023075	Dương Bảo Trâm	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7978	24023076	Nguyễn Đặng Bảo Trân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7979	24023077	Nguyễn Hà Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7980	24023078	Nguyễn Thị Thùy Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7981	24023079	Trần Thùy Trang	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7982	24023080	Nguyễn Thế Trung	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7983	24023081	Phạm Quang Trường	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7984	24023082	Vũ Thị Cẩm Tú	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7985	24023083	Nguyễn Sỹ Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7986	24023084	Phạm Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7987	24023085	Đỗ Minh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7988	24023086	Nguyễn Đức Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ II, 2024-2025				Đã nộp (đ)	Số tiền cần nộp (đ)	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	Tổng (đ)			
7989	24023087	Nguyễn Sơn Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7990	24023088	Trần Đức Tùng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7991	24023089	Phạm Phú Tuyên	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7992	24023090	Dương Thị Khánh Vân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7993	24023091	Phạm Thanh Vân	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7994	24023092	Nguyễn Thị Anh Vi	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7995	24023093	Trần Quốc Việt	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7996	24023094	Nguyễn Thành Vinh	0		4.100.000		4.100.000	0	4.100.000	
7997	24023095	Nguyễn Thành Vinh	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7998	24023096	Đình Trần Anh Vũ	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
7999	24023097	Vũ Tuấn Vương	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
8000	24023098	Đoàn Đình Vượng	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
8001	24023099	Nguyễn Bá Lê Duy	-4.350		20.000.000		20.000.000	0	19.995.650	
8002	24023101	Nguyễn Đức Anh Tuấn	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
8003	24023102	Trần Vũ Nhật	0		16.000.000		16.000.000	0	16.000.000	
8004	24023103	Lương Hoàng Nam	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
8005	24023104	Nguyễn Huy Thái	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
8006	24023105	Trịnh Văn Vỹ	0		20.000.000		20.000.000	0	20.000.000	
8007	24023106	Nguyễn Tiên Vũ Hiệp	-3.483.390		20.000.000		20.000.000	0	16.516.610	

Ấn định danh sách có 8007 sinh viên./.